

VÒNG LUÂN HỒI

(THE WHEEL OF LIFE)

Thích Nữ Giới Hương



Lời đầu sách

Bao nhiêu năm rồi còn mãi lang thang
Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ
Trên hai vai ta đôi vàng nhật nguyệt
Rọi suốt trăm năm một cõi đi về.
... Trăm năm vô biên chưa từng hội ngộ
Chẳng biết nơi đâu là chốn quay về.
(*Một Cõi Đi Về - Trịnh Công Sơn*)

Đúng thế! Chẳng phải trăm năm mà trăm ngàn muôn năm, muôn kiếp, chúng ta lang thang, loanh quanh trong sáu cõi luân hồi¹ thật là mỗi mệ mà không có nhân duyên nào để tỉnh ra và chẳng biết nơi đâu là chốn quay về.

Đức Phật đã từ bi dặn dò ngài Mục Kiền Liên rằng để cảnh tỉnh hậu thế về sự vô thường biến đổi sanh diệt, mỗi nhà khách trong tự viện nên vẽ bức tranh của con quỷ vô thường hay còn gọi là vòng luân hồi (*The Wheel of Life*) do kinh Avadāna minh họa. Và phải cử những tỳ kheo, tỳ kheo ni có khả năng để giải thích cho khách thập phương vắng lai về ý nghĩa của bức tranh này.

Mạng sống chúng ta ngắn ngủi. Nội phiền não tham sân si, tứ đại sanh tử luân hồi báo chướng từ trong đánh ra. Thầy tà bạn ác, sáu trần cám dỗ, buộc ràng, hoàn cảnh từ ngoài đánh vào. Giữa thì bị nghiệp lực sát đạo đâm vọng, các tập khí si loạn lôi cuốn. Dòng nghiệp lực còn được cung cấp bằng những khối nước bùn lầy của những trạng thái tâm tham sân si thì còn tiếp tục chảy. Tái sanh là kết quả tất nhiên của nghiệp lực.

Luân hồi chỉ ngừng khi chúng ta không còn tạo nghiệp. Chúng ta tin Hành là chủ động nghiệp tái sanh. Tin 12 vòng nhân duyên xoay vần như bánh xe từ vô thủy và đến vô chung, bởi lẽ trong khi già bệnh vẫn ngậm vô minh, để rồi lại chuyển vần đủ 12 vòng. Cứ xoay quanh mãi mãi thành vòng tròn không có đầu đuôi, làm nhân làm quả lẫn nhau không cùng không tận.

Quả khổ chuyển theo nghiệp. Nghiệp chuyển theo tâm. Chỉ cần soi sáng tâm là hết khổ. Vì thế, bức tranh của Vòng luân hồi hay Con quỷ vô thường này rất quan trọng sẽ giúp chúng ta hiểu được “Hoặc - Nghiệp - Khổ”, tin chắc lý nhân quả, luân lý đạo đức nhà Phật căn bản ở giới luật phòng phi chỉ ác, chuyển hoá thân tâm giúp chúng ta biết được chốn quay về chân thật.

¹ Sáu cõi luân hồi là trời, a-tu-la, người, súc sanh, nga quỷ và địa ngục.

Tin, hiểu và chứng thấu những ý nghĩa sâu sắc và thực tiễn này, mới có thể hoàn thành chí nguyện giải thoát và mang lại hạnh phúc an vui cho mình và người.

Đó là ước mơ và lý do cho quyển sách nhỏ này được ra đời.

Con xin kính cẩn dâng lễ Thầy - Tôn sư Hải Triều Âm - Người đã từ bi hết lòng chỉ dạy và truyền trao cho chúng con ý nghĩa thâm sâu của cuộc đời qua bức tranh này khi chúng con vừa mới đến cửa chùa đồng chơn học đạo.

Sức kém, tài mọn, chưa kinh nghiệm nhiều, nên chắc chắn quyển sách này sẽ có nhiều lỗi lầm, kính xin các bậc thiện tri thức hoan hỉ chỉ lỗi để lần tái bản sau được hoàn hảo hơn.

Xin thành thật tri ân rất nhiều.

Milwaukee, ngày 20 tháng 4 năm 2008

Thích Nữ Giới Hương

(thichnugioi.huong@yahoo.com)

MỤC LỤC

Lời Đầu Sách	5
I: Duyên Khởi	10
II: Vòng Hoặc	15
1. Tham	
2. Sân	
3. Si	
III: Vòng Nghiệp	27
1. Nền Đen	
2. Nền Trắng	
IV: Vòng Khổ	36
1. Trời	38
2. Tiên	46
3. A tu la	48
4. Người	51
5. Bàng Sanh	61
6. Ngạ Quỷ	72
7. Địa Ngục	85
V. Vòng 12 Nhân Duyên	98
1. Vô Minh	100
2. Hành	103
3. Thức	107
4. Danh Sắc	113
5. Lục Nhập	115
6. Xúc	117
7. Thọ	120
8. Ái	129

9. Thủ	138
10. Hữu	141
11. Thủ	144
12. Lão, Bệnh, Tử, Sầu bi khổ ưu não	148
13. Sơ đồ 12 Nhân Duyên	155
VI. Dòng Sinh Tử Vô Tận	158
Sách Tham Khảo	177

CHƯƠNG I

DUYÊN KHỞI

Trong kinh Nhân Duyên (*Avadana sutta*) kể rằng lúc bảy giờ Đức Thế Tôn đang ngự tại vườn Trúc Lâm, trong thành Vương Xá. Tôn giả Mục Kiền Liên có đại thần thông thấy được những cảnh khổ ở địa ngục, ngạ quỷ và bàng sanh. Bao nhiêu vị trời hết tuổi thọ đọa xuống ba đường ác. Ngài hay kể cho tứ chúng nghe để sách tấn. Ai có bất mãn, thói đạo tâm hay buông lung không giữ tròn phạm hạnh thường đem đến để ngài khuyên nhủ. Ngài Mục Kiền Liên đã cảm hoá nhiều vị trở lại đời sống tinh tấn tu tập và đạt đạo quả.

Đức Thế Tôn dạy: Cao tăng Mục Kiền Liên không thể ở khắp mọi nơi cùng một lúc để nhắc nhở các phật tử. Vậy từ nay mỗi chùa nên vẽ một bánh xe luân hồi (*the wheel of life*) treo ở phòng với lời khuyến cáo rằng:

Hãy gom tâm chăm chú vào giáo pháp Như Lai.

Hãy chiến thắng thân chết!

Sống đúng giới luật, luôn luôn giác tỉnh,
kiên trì cố gắng, có thể chấm dứt khổ đau.

Bức tranh này vẽ hình con quỷ vô thường với khuôn mặt dữ tợn, phun lửa xung quanh. Hai tay và hai chân đầy móng vuốt đang ôm lấy một vòng bánh xe có bốn lớp hoặc bốn vòng (vòng trung tâm là hoặ; vòng hai là nghiệp; ba là khổ và bốn là 12 nhân duyên). Toàn bộ bánh xe này đang bị lửa đốt cháy phừng phực và cái đuôi của con quỷ dài vô tận, không có đầu và đuôi (vô thủy và vô chung).

Vì vòng thứ bốn là 12 nhân duyên nên bức tranh này cũng gọi là kinh Nhân Duyên (*Avadana sutta*). Vì bánh xe xoay chuyển liên tục không dừng nên gọi là Vòng luân hồi. Vì có hình quỷ và lửa cháy đỏ nên tranh này cũng gọi là Con quỷ vô thường. Vì do tâm vận hành tạo nghiệp mà có sáu cõi sống chết khổ não nên bức tranh này cũng gọi là Dòng vận hành của tâm.

Ở Tây Tạng và Bắc Ấn, mỗi khi nhiệt độ xuống thấp, băng tuyết trắng xóa bao phủ lạnh như cắt da, buốt xương. Người dân Tây Tạng hiểu rằng cuộc sống của họ thật mỏng manh và liên tục bị hăm dọa dưới cái giận dữ của thiên nhiên. Thế nên từ nhiều thế kỷ, họ đã thường tu tập thiền định và quán tưởng về sự vô thường, luân hồi và cái chết. Tính tất nhiên của vô thường, của sự chết, thường là đề tài trung tâm cho những buổi thiền quán đều

đặt ở mỗi buổi sáng và chiều trong đời sống hàng ngày của họ. Tây Tạng có câu:

“If you do not meditate on death,
on impermanence in the morning,
you will waste the day.

If you do not meditate on death,
on impermanence in the evening,
you will waste the night”.

Tạm dịch: “Nếu bạn không quán về sự vô thường, về cái chết trong buổi sáng thì bạn phí ngày đó. Nếu bạn không quán về sự vô thường, về cái chết trong buổi tối thì bạn phí đêm đó.”

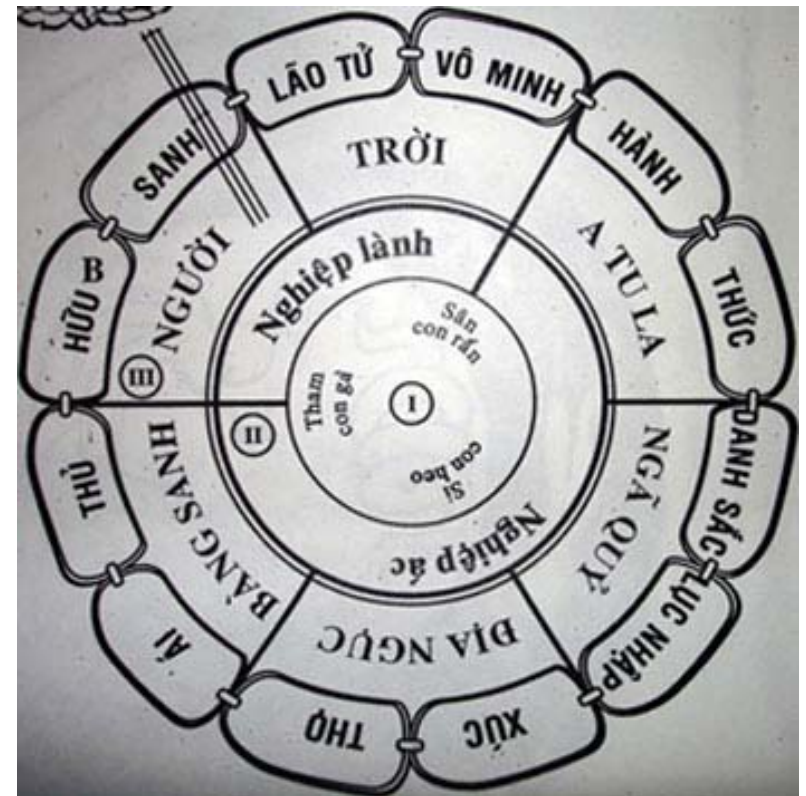
Đó là lý do vì sao Đức Phật khuyến cáo chúng ta:

“Hãy gom tâm chăm chú vào giáo pháp Như Lai.
Hãy chiến thắng thân chết!”.

Cũng như trong kinh Pháp Cú², ngài đã tha thiết cảnh tỉnh và khuyến chúng ta tự hỏi lại mình:

“Làm sao cười thích thú,
Khi đời mãi bị thiêu.
Sống trong cảnh tối tăm,
Sao không tìm ánh sáng?”

² Dhammapala, tr. Ven. Narada Maha Thera, Maha Bodhi in Sarnath, 2000, (versse) kệ số 146.



CHƯƠNG II

VÒNG HOẶC (PHIỀN NÃO)



Đây là vòng hay vị trí trung tâm điều đình chỉ huy toàn bộ bức tranh. Trong tranh vẽ hình con gà (thỉnh thoảng vẽ hình bò câu), rắn và heo. Ba con vật này chỉ huy và điều khiển cho bánh xe chuyển quay, nên nó là điểm trung tâm quan trọng.

Gà là tượng trưng lòng tham, tham đủ thứ, lòng tham vô đáy. Màu đỏ của lông gà trông dễ liên tưởng đến lửa tham nung nấu những ai ôm và nuôi lấy lòng tham.

Hoặç vẽ bò câu là chỉ cho tham ái, dễ yêu, thấy là vuột ve, ngã ái nên những gì ngã (ta) thích thì tâm muốn vor lấy để nhiệm, tăng trưởng lòng nhiễm, lòng thuận, mèn mại, dễ chịu, hấp dẫn và ngọt lịm (giống mía lau), thế nên khó thoát, khó chịu góc đầu lên.

Đức Phật dạy: Tham dục là một hố than hầm, người bệnh (tức chúng ta) tưởng lầm là ấm áp sung sướng, nên đắm đầu vào.

Rắn là biểu hiện cho tâm sân giận. Khi chúng ta bực bội, khó chịu, tức giận, thù hận thì mặt mày chúng ta xanh lét, không có chút máu, giống như màu xanh xám của da rắn vậy. Và cứ nuôi dưỡng lòng sân giận thì chúng ta sẽ đi đến trả thù, hãm hại người, giết người, giống như rắn sẽ mổ và cắn hại những ai xâm phạm chúng.

Tâm chúng ta nếu không biết ‘thiểu dục tri túc’, thì chúng ta ít khi nào hoan hỷ và vừa lòng với ai lắm. Việc gì cũng cảm ràm và khó chịu. Đây cũng là một dạng chủng tử của sân giận, không hoan hỷ như Ca dao Việt Nam có câu:

“Ồ sao cho vừa lòng người
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê
Cao chê cao ngồng, thấp chê lùn.
Mập chê béo trọc béo tròn
Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra.”

Sân hận mất bình an, nặng quá thì đi đến căm thù là chất liệu của địa ngục ở cả hiện tại và vị lai. Nguy hiểm của sân là kích thích thân miệng ý đi về đường ác. Sân làm bực bội là thọ ấm, đẩy lên suy nghĩ là tướng ấm, chuyển biến tâm địa là hành ấm, bản chất chủng tử của hành ấm là thức ấm, các tướng mạo hiện ra là sắc ấm. Thế là từ sân giận mà chuyển hoá đầy đủ cả năm ấm xí thịnh. Đây là một trong tám khổ. Và vì muốn thoát khỏi tám khổ này mà thái tử Sĩ Đạt Đa đã từ bỏ cuộc sống vinh hoa nơi cung điện để xuất gia học đạo.

Heo là biểu tượng của sự ít quan tâm đến sự sạch sẽ của tâm hồn. Thân thể nặng nề, màu da xám tối.

Nếu thân mình như bản liền đi tắm. Ngày mai lại mồ hôi cáu bẩn, lại đi tắm, như thế người này được coi là sạch sẽ. Đó là thân, còn tâm của chúng ta? Mỗi khi nói lỡ một câu sai, lỡ một hành động quấy, lỡ sân thì ta lại sám (rửa) hối (tiếc), sám hối là làm mới lại, là tắm rửa tâm đó, còn ngược lại là si, ít quan tâm đến tâm tư trong sáng; cứ để cho các phiền não, buồn phiền, ghen ghét, bực bội... nặng nề bao phủ tâm.

Đức Phật dạy cái khổ ngu si là đáng sợ hơn cả. Vì ngu si là mê muội, không biết tránh ác, làm lành để đến nỗi tự họa đày.

Chúng ta thấy ba con này cắn đuôi nhau. Gà ngậm đuôi rắn. Rắn ngậm đuôi heo. Heo ngậm đuôi gà nghĩa là ba độc tham, sân và si mật thiết dính liền nhau. Vì si mới tham, tham bị chướng ngại liền sân. Ngày đêm ba con này không ngừng hoạt động trong tâm, kích thích chúng ta tạo nghiệp để cảm luân chuyển chịu báo.

Trong kinh Pháp Cú³ có dạy:

“Không lừa nào bằng tham,
Không chấp nào bằng sân,
Không lưới nào bằng si,

³ Dhammapala, tr. Ven. Narada Maha Thera, Maha Bodhi in Sarnath, 2000, (versse) kệ số 251.

Không sông nào bằng ái.”

Đức Phật với Phật tuệ biết được một trận mưa có bao nhiêu giọt. Nhưng vòng luân hồi đắng cay, biển khổ trầm luân của tham, sân, si và ái này, khổ nhiều quá gọi là biển khổ, không đếm được.

Cũng trong kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy chúng ta điều phục tham dục và sân giận:

“Khó nắm giữ giao động,
Tâm phạm dục chi phối,
Lành thay điều phục tâm,
Tâm điều hưởng an lạc.”⁴

“Hận thù diệt hận thù,
Đời này không thể có,
Tù bi diệt hận thù,
Là định luật thiên thu.”⁵

Cổ Hoà Thượng Thiện Siêu đã viết trên tấm sáo hoành rằng:

“Một chút giận, hai chút tham,
lặn đạn cả đời ri cũng khổ.
Trăm điều lành, ngàn điều nhịn,
thong dong tác dạ rứa mà vui.”

⁴ Nt, (versse) kệ số 35.

⁵ Nt, (versse) kệ số 5.

Người ngu si thấy dưới lòng nước có trăng, lao đầu xuống mò kiếm, nhọc sức luống uổng mà còn phải chịu cái khổ chết chìm. Chúng sanh từ lịch kiếp làm nhận vọng tưởng phân biệt duyên theo sáu trần làm tâm. Suốt đời vất vả mưu cầu hạnh phúc hảo huyền, kết cuộc chẳng nắm bắt được gì. Tâm phan duyên nuôi ba độc tham sân si, đưa đến sát đạo dâm vọng để trầm溺 (chìm đắm) luân hồi, không biết bao giờ mới ngóc đầu lên được.

Gió giác quan (tức cảnh từ sáu trần nhập vào) nếu không theo dõi sẽ gây bão tố tham sân si, nuôi dưỡng tâm gà rấn heo. Do tham sân khiến miệng nói, thân làm sai quấy. Do si mê thấy thiện ra ác, ác ra thiện. Ba thứ phiền não này vừa như lửa nung nấu, vừa như nước nhận chìm.

Chúng ta nghe lời Phật dùng hơi thở (thân niệm xứ, quán sở tức) để trở về với chánh niệm, không bận lòng đến đối phương muốn khiêu khích hay gây sự. Hành động xấu xa, lời nói độc ác, vừa nói đã tan theo bản chất vô thường của nó, vì cứ vơ lầy nghĩ ngợi nên mình tự đốt nhà mình. Chính sân hận của mình hại mình, nên tập mát mẻ. Thân ta là đất nước gió lửa nên chẳng có nhục nào để nhẫn. Nhớ tâm từ để diệt trừ ác ý. Nhớ tâm bi để trừ tàn

nhẫn. Nhớ tâm hỉ để trừ phiền hận. Nhớ tâm xả để trừ thù oán là các chủng loại họ hàng của con rắn.

Chúng ta thấy ba con gà, rắn và heo chạy trên màu xanh da trời là màu hư vọng. Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... là căn bản phiền não, là gốc của tái sanh, gốc của sanh tử luân hồi. Chúng ta nuôi ba con này trong lòng nên bồi đắp mãi cảnh luân hồi. Vị trí trung ương điều khiển bánh xe, là tạo hoá bày ra vũ trụ, là nhân chính sinh thế giới, chúng sanh và nghiệp quả nhưng thể chất là hư vọng, tình là tan ngay.

Ví dụ như chàng Dasá vốn là một công tử giàu có tham mê tử sắc. Bên cạnh chàng biết bao là cung phi mỹ nữ. Một đêm đó, sau buổi yến tiệc tan, các công nương, kỹ nữ mỹ miều nằm lăn ra ngủ vì quá mệt. Các nàng tóc tai rối bù, xiêm y xộc xệch, nước miếng từ miệng chảy ra, miệng mở nói lảm nhảm, phấn son loè loẹt... trông gớm ghiếc như những bóng ma. Chàng hoảng sợ chạy khỏi cung đình và đến quỳ sụp dưới chân Phật thưa rằng chàng muốn thoát khỏi địa ngục sống đó. Đức Phật diễn thuyết một bài pháp, sau đó Dasá liền tan lòng ái nhiễm, tâm không còn lộn cợn bợn nhơ của dục nhiễm sắc đẹp nữa mà trở nên trong sáng thanh tịnh như một tấm lụa trắng. Như vậy lòng ái nhiễm là cái chột đến và chột đi, chớ không thật.

Hay tên giết người Vô Nã đã rượt đuổi để chặt ngón tay Phật, cho đủ 1000 ngón để dâng lên tà sư cầu khẩn được thần thông. Đức Phật vẫn đi từ từ, nhưng Vô Nã chạy đuổi hoài mà bắt không kịp được Phật. Vô Nã la lên: “Này Cồ Đàm hãy dừng lại!” Đức Phật trả lời: “Ta đã dừng từ lâu rồi. Chỉ có ngươi hãy nên dừng lại ngay!”. Vô Nã tỉnh ngộ về sự ‘đứng lại’ tức ‘đình chỉ ác tâm này’, và chàng quăng gươm xuống, xin quy y làm đệ tử Phật. Thế là tan lòng sát, bỏ con dao trong tâm. Như thế tâm ác cũng tan.

Chúng ta hàng ngày đang thương hay ủng hộ một vị nào đó nhưng khi biết người đó không đồng lòng, không trung thành, không chung thủy, không tốt với mình... thì tự nhiên tình thương biến mất và bắt đầu lòng căm thù ghen ghét nổi lên. Nếu gặp bạn lành khuyên nhắc hoặc nghe bài pháp, thì lòng căm thù, bực bội liền tan.

Thế nên, tham sân si là cái không có, giả có mà chúng ta nhận là mình, chúng ta tạo nghiệp. Lòng mình vào tham, sân, si khiến tham, sân, si dựa vào mình mà bốc lên. Tỉnh thì thành không. Vâng theo Phật thì ra khỏi luân hồi, còn nuôi ba con này trong tâm thì chúng ta xây dựng bồi đắp mãi cảnh trầm luân không biết bao giờ mới hết.

Ngài Huệ Khả bạch tổ Đạt Ma: “Tâm con không an. Xin ngài an tâm giùm con!” Tổ bảo: “Đem tâm ra đây ta an cho”. Ngài Huệ Khả quay lại tìm tâm hoài mà không thấy, mới biết bản lai không, nào có ai trói buộc mình. Tâm mình vốn không có con gà, rắn và heo.

Ngài A-nan trong kinh Lăng Nghiêm tìm tâm ở bảy chỗ⁶ là tâm trong thân, ngoài thân, tâm núp sau con mắt, nhắm mắt thấy tối là tâm, hợp chỗ nào thì tâm có chỗ nấy, tâm ở giữa căn và trần, không dính vào đâu hết là tâm.⁷ Tìm ở bảy chỗ mà vẫn không thấy cái tâm yêu thích (yêu thích 32 tướng đẹp của Phật mà xuất gia) của A nan ở đâu? Vì vọng nên tìm hoài không được. Con bồ câu trên nền xanh dương. Thế cho nên tâm tham, sân và si vốn bản là hư vọng, là màu xanh hư vọng là vậy.

Đức Phật trong kinh Pháp Cú đã nói lên sự tịch lạc của việc tan tham ái (tức không nuôi con bồ câu nữa), đã thấy tham ái là vọng, là có thể làm chủ được mình như sau:

“Lang thang bao kiếp sống,

⁶ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Tâm Minh dịch, Nhà Xuất Bản TP HCM, 1999, tr 35-59.

⁷ Nếu không dính là có hay không có? Nếu không có thì là lông rùa, sừng thỏ rồi có gì mà không dính dáng. Còn mà đã có cái không dính dáng thì không thể gọi là không.

Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khô thay sống luân hồi.”⁸

“Ôi! người làm nhà kia,
Nay ta đã thấy người,
Người không làm nhà nữa,
Rui mè người bị gãy,
Kèo cột người bị tan,
Tâm ta đạt tịch diệt.
Tham ái thấy tiêu vong”.⁹

Đức Phật xác chứng lại cho điều này khi ngài đang nhập hạ an cư tại Kausambi (sau chín năm giác ngộ). Có một gia đình bà-la-môn đang đi tìm con rể cho cô con gái tiểu thư xinh đẹp. Ngày nọ, Đức Phật khát thực đi ngang. Ông Bà-la-môn thấy dung nghi 32 tướng¹⁰ của Đức Phật sáng ngời

⁸ Nt, (versse) kệ số 153.

⁹ Nt, (versse) kệ số 154.

¹⁰ Trường Bộ Kinh, Digha Nikaya, 14. Kinh Đại bốn (Mahāpadāna sutta) Tụng phẩm I đã miêu tả về 32 tướng tốt của Đức Phật là:
"Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.
"Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tâm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.
"Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... (như trước)
"Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...
"Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...
"Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có làn da lưới...
"Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...

Vòng Hoặç (Phiền Não)

và đỉnh đặc khác thường, bèn mời vào cúng dường thanh trai. Sau đó ngỏ lời muốn Đức Phật ở lại đây

"Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê rừng...
"Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không co lưng xuống có thể rời từ đầu gối với hai bàn tay...
"Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...
"Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng, màu sắc như vàng...
"Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mượt khiến bụi không thể bám dính vào...
"Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...
"Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...
"Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng...
"Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy...
"Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như con sư tử...
"Đại vương, Hoàng tử này không có lỗm khuyết giữa hai vai...
"Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như cây bàng (nigrodha: ni-câu-luật). Bê cao của thân ngang bằng bê dài của hai tay sải rộng, bê dài của hai tay sải rộng ngang bằng bê cao của thân...
"Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn...
"Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén...
"Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con sư tử...
"Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng...
"Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn...
"Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở...
"Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa (thái xỉ) trơn láng...
"Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài...
"Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tân-già (Karavika)...
"Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm...
"Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái...
"Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ...
"Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân..."

Vòng Luân Hồi

làm phò mã. Nhưng Đức Phật từ chối bằng bài kệ như sau:

“Đã nhận thấy ái dục, bất mãn và tham vọng,
Ta không thích thú gì trong dục lạc của ái tình.
Thế xác đây ô trước này là chi?
Ta chẳng bao giờ muốn sờ đến nó dù chỉ bằng
chân.”



CHƯƠNG III

VÒNG NGHIỆP



Vòng nghiệp chia hai: Nửa bên nền đen có những người trần truồng ngã nghiêng té nhào đầu hướng xuống. Đây là những người đáng thương đi

vào tắm tối. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm... là nghiệp đen, là hành động của thú tánh, cảnh dưới, cảnh tam đồ nên đưa về cảnh thú. Nửa bên nền trắng có bốn chúng đệ tử tay cầm đèn sáng đi lên. Tỳ kheo, tỳ kheo ni đang cầm đuốc soi đường cho các ưu bà tặc và ưu bà di. Đây là hình ảnh của những người đi theo ánh sáng, thế nên trên nền trắng.

Chúng ta có những địa ngục trong nhà với những cảnh: chặt đầu cá, moi ruột, róc vẩy; mai bát canh cua, luộc ốc nấu sòng trên bếp, tối cắt cổ gà, lấy huyết. Tiệc tùng lớn thì giết trâu, mổ lợn... Chúng ta tạo địa ngục từ ngày này đến ngày khác, năm này đến năm khác, không ngày nào tha chúng sanh. Trẻ làm quý sứ để hầu chồng, hầu con; lớn lên hầu cháu hầu chít, lo làm vừa lòng những bữa cỗ trong gia đình.

Con gà, con cá, con trâu, con heo... chúng cũng thở bằng mũi, ăn bằng miệng, cũng hai lá phổi, cũng nhìn bằng mắt, nghe bằng tai, cũng da bọc thịt, thịt bọc xương, cũng một lá gan như mình mà sao mình lại cứa cổ nó, cứa da, cứa thịt nó để nuôi miệng mình. Thết đãi khách chúng ta cứ cho là có gà vịt mới sang, mới quý. Vì thế, làm ác mà không biết là ác, không hổ thẹn. Một đời sát hại như vậy. Rồi đến lúc hấp hối, chúng ta mời chư tăng ni đến tụng kinh gõ mõ cầu siêu một, hai giờ

mong để đưa chúng ta về cực lạc thì chúng ta thử nghĩ có dễ không? Có thể được không?

Còn trong lúc giao thiệp buôn bán, mình xoay sở dối trá cầu lợi quá đáng, thành mình vẫn mặc áo đẹp, vẫn nhung, vẫn gấm mà vẫn phạm giới ăn cắp. Khổ vậy mà vẫn dương dương tự đắc cho là khôn, là tài. Cho nên chúng ta vẫn cứ ở trong vòng đen, vẫn sai quấy, vẫn trần truồng (không biết hổ thẹn) mà không tự biết và nằm nghiêng ngửa (ác nghiệp là ngã té).

Vì thế, chỉ khi nào có chư tăng ni dẫn đường, quý vị mới đi trên đường trắng, đường ánh sáng tạo những nghiệp lành. Đức Phật không bắt chúng ta làm những điều khó. Chỉ cần đừng làm ác là lành rồi. Không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... đó là lành rồi. Đi trên con đường trắng, chúng ta đi về cõi trời, người. Nếu cứ sát sanh, trộm cắp, dối láo, hai lưỡi, nói lời độc ác và những thói xấu là ở trong vòng đen, trần truồng không biết. Sai quấy mà không tự biết.

Đức Phật dạy từ chúng sanh cõi thú trở về cõi người khó là khó vô cùng như con rùa mù tìm được bọt cây nổi trong đại dương.

Có một con rùa mù ở đáy biển. Một trăm năm mới có cơ duyên góc đầu lên mặt nước một lần.

Rùa ao ước được chui đầu vào một bọt cây đang bị sóng vỗ đẩy trôi khắp nẻo đại dương bao la.

Rùa mù: mù là vì còn ngã, pháp chấp. *Trăm năm*: thời gian dài đọa lạc trong ác đạo. Đây nói tượng trưng trăm năm, chứ thật ra trăm ngàn vạn kiếp rồi, từ vô thủy không đếm nổi. *Ngóc đầu*: thoát thân ác thú. *Bọt cây*: tử cung của người nữ (chứ không phải là con thú cái). Nơi bào thai thành tựu thân người. *Sóng vỗ đẩy trôi*: Trùng trùng nhân duyên biến đổi, kiếp này sang kiếp khác.

Trong cuốn Quy Sơn Cảnh Sách cảnh tỉnh chúng ta về sự vô thường, hãy quay về đường lành giác tỉnh qua câu chuyện ‘người bị voi dữ đuổi’.

Chuyện kể rằng có người chạy thục mạng vì bị voi điên rượt. Gặp giếng cạn liền nắm vội rễ cây đa tuột xuống. Nào ngờ dưới đáy giếng có ba con rồng đói khát, mắt đỏ rực đang ngược lên phun lửa. Quanh thành giếng lại có ba con rắn độc thè lưỡi nhe nang phà hơi độc. Sợ quá! chỉ còn trông cậy ở hai sợi dây đa tòn teng để tạm sống. Khốn nỗi! sợi giây yếu quá! khô quá! sức nặng của người đó trĩu xuống. Lại oái ăm thay! có hai con chuột, một trắng và một đen bên thành giếng cứ thay nhau gặm và nhấm nghiền rễ đa, khiến sợi dây mòn dần, mòn dần... Giữa lúc mạng sống tòn teng mỏng manh sắp chết đó, trong lúc bối rối, người ấy ngửa

mặt lên trời, bỗng đâu có năm con ong bay qua giếng và để rơi xuống năm giọt mật. Mãi liếm mật ngọt, vị này ngây ngất và khoái chí hưởng thụ, quên hết những sự nguy hiểm, nguy nan đang rình rập quanh mình.

Trong chuyện, *voi đuổi* là tượng trưng cho sự vô thường bức bách, con người đi đến cái chết. *Rễ đa tồn teng trong giếng*: Mạng sống mong manh của kiếp người tức kiếp trước. *Ba con rồng*: tham sân si nung đốt kích thích chúng ta tạo nghiệp. Khi mạng sống đứt là rơi vào ba cõi. *Bốn rắn*: ô bệnh hoạn. *Chuột đen và trắng*: Ngày và đêm trôi qua, sanh mạng mòn dần, cái chết sập đến. *Năm giọt mật*: mãi say mê liếm mật ngọt lịm của năm dục, năm trần, quên cả nguy nan, lo âu nguy hiểm. Thế nên, vô thường vội vàng, mệnh trong hơi thở, nỗ lực tiến tu, chớ nhàn nhã qua ngày, qua tháng như cá cạn nước còn mong mỗi thú vui gì.

Có một người tù biết ba ngày nữa sẽ bị đưa đi tử hình. Vị thầy vào thăm và hỏi con sẽ làm gì trong những ngày còn lại? Đáp: Con chỉ có một việc là niệm Phật và cầu nguyện cho được vãng sanh về cõi Cực Lạc.

Chúng ta ai cũng phải chết. Đó là cái chắc chắn, nhưng vì không biết được ngày chết nên chúng ta cứ nhờn nhờn như cá đang mắc cạn nước mà không

biết. Người tử hình kia may mắn biết được ngày giờ nên có sự chuẩn bị tư lương.

Niệm niệm lia trần, tâm tâm xuất thế. Chúng ta từ vô thủy kiếp mê đắm sắc thân bốn đại, luân chuyển chịu báo. Mê càng chứa mê từ khổ vào khổ. Gió cảnh thuận nghịch dậy sóng yêu ghét, khiến chúng ta càng chìm sâu trong vô minh phiền não. Các tổ cảnh sách để chúng ta tỉnh mộng thế gian. Nương pháp thuyền từ qua bến sanh tử.

Kinh Pháp Cú dạy làm ác (đen) và thiện (trắng):

“Nay buồn, đời sau buồn,
Kẻ ác hai đời buồn.
Buồn nản tự diệt mình,
Thấy việc ác mình làm”.¹¹

“Nay vui, đời sau vui,
Người thiện hai đời vui,
An vui quá an vui,
Thấy việc thiện mình làm.”¹²

Kinh Lăng Nghiêm¹³ khai thị về phận trong và phận ngoài của chúng sanh như sau:

¹¹ Dhammapala, tr. Ven. Narada Maha Thera, Maha Bodhi in Sarnath, 2000, (versse) kệ số 15.

¹² Nt, (versse) kệ số 16.

Đức Phật dạy: A-nan, tất cả chúng sanh thật vốn chân tánh thanh tịnh, nhân những vọng kiến mà có tập khí hư vọng sinh ra, vì thế chia ra có phận trong và phận ngoài.

1) A-nan nhân lòng ái nhiễm phát khởi ra vọng tình, tình chứa mãi không thôi, có thể sinh ra ái thủy. Vậy nên chúng sanh, tâm nhớ thức ăn ngon thì trong miệng nước chảy ra, tâm nhớ người hoặc giận, hoặc thương thì trong con mắt lệ tràn, tâm tham cầu của báu thì trong tâm phát ra ái diên, cả mình đều trơn láng, tâm nghĩ việc ái ân thì hai căn nam nữ tự nhiên dịch khí chảy ra.

A-nan các cái ái đó tuy khác nhau nhưng kết quả chảy nước là đồng.

Thảm ướm không lên được, tự nhiên theo đó mà sa đọa, ấy gọi là phận trong, tức những ham muốn dục vọng thấp kém bên trong của chúng ta. Những lòng ái nhiễm, tham dục đều là những vọng tình thấm vào trong tâm thức, làm cho càng thêm nặng nề, do đó phải bị sa đọa, đó là phận trong.

2) Nhân các lòng phát ngưỡng, phát minh ra những lý tưởng, tưởng chứa mãi không thôi, có thể

¹³ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Tâm Minh dịch, Nhà Xuất Bản TP HCM, 1999, tr. 683-7.

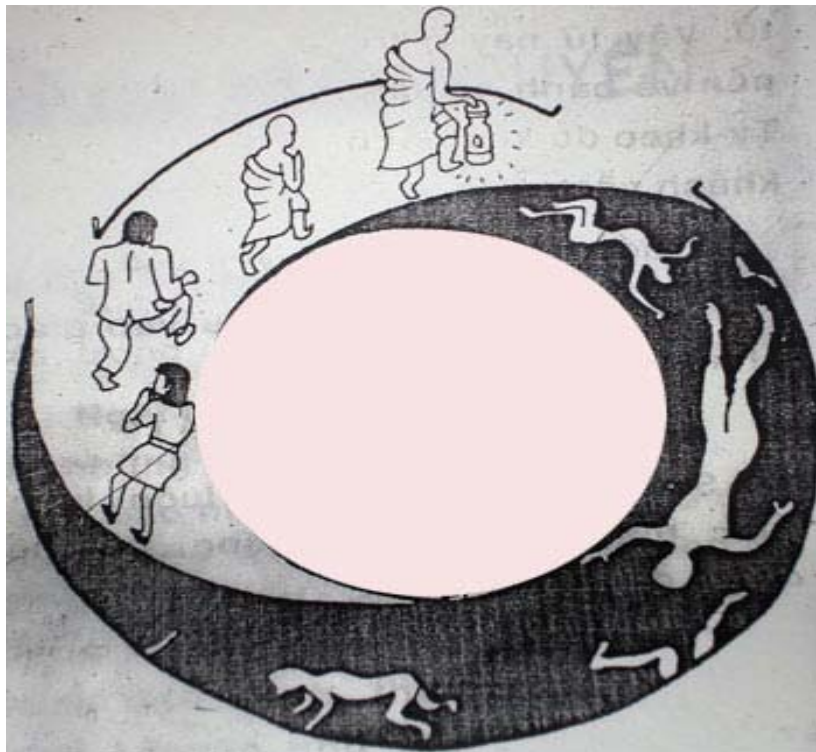
sinh ra những thẳng khí, vậy nên chúng sanh tâm giữ cấm giới cả mình nhẹ nhàng trong sạch; chúng sanh tâm trì chú ấn, con mắt ngó hùng dũng nghiêm nghị; tâm muốn sinh lên trời, chiêm bao thấy bay lên; để tâm nơi cõi Phật, thánh cảnh thàm hiện ra; thờ vị thiện tri thức, tự khinh rẽ thân mệnh mình.

A-nan, các tướng đó tuy khác nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau, cất bay không chìm xuống, tự nhiên vượt lên, đó là phận ngoài, tức nhằm chán kiếp khổ của chúng sanh và mơ ước được giải thoát, chúng sanh phát ra những tư tưởng thanh cao nhằm thoát ly các sự mê lầm, ô nhiễm. Những tư tưởng ấy, thuận theo lý trí, chống lại vọng tình, làm cho tâm thức nhẹ nhàng, vượt lên các cõi trên, đó là phận ngoài.

Việc ác thuộc về phận trong. Việc thiện thuộc về phận ngoài. Hai thứ này đua nhau lôi kéo tâm thức đi lên hoặc đi xuống. Như thế tất cả lục đạo đều do chúng sanh tự mình gây ra nghiệp nhân, rồi tự mình chịu lấy quả báo.

Quả báo giống nhau thì thọ cảnh giới giống nhau.

Quả báo khác nhau thì thọ cảnh giới khác nhau. Do phận trong và ngoài tạo nghiệp mà đưa đến vòng kế tiếp là vòng khổ của sáu đạo.



CHƯƠNG IV VÒNG KHỔ



Không gian không ngăn mé gọi là vũ. Thời gian không cùng tận gọi là trụ. Ở trong khoảng không gian vô cùng và thời gian vô tận đó, theo quan điểm của Phật giáo có vô lượng vô biên các

loài chúng sanh đang tồn tại. Mỗi loại đúng theo tâm thể nhiễm tịnh, nghiệp duyên thiện ác sai khác, khiến sự thọ dụng cảnh giới của họ cũng có khổ đau hay hạnh phúc bất đồng.

Theo bánh xe luân hồi này thì tùy quả báo mà chia ra thành có sáu cảnh giới, sáu loài, hay sáu cõi như cõi trời, a-tu-la, người, bàng sanh, ngạ quỷ và địa ngục. Theo kinh Lăng Nghiêm thì chúng ta có thêm một cõi nữa là cõi tiên. Nên nơi đây sẽ giảng thêm cảnh tiên thành ra có bảy cảnh giới.

1/ CÔI TRỜI



Do phước báo bố thí và thiện định, nên cõi trời có chánh báo và y báo như cảnh vật vui tốt, mọi người vui sướng, căn thân đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài, đặng phép thần thông, dạo đi tự tại, những đồ y phục sẵn có, những cuộc du hí đủ bày, trăm thức tự nhiên thọ dụng đủ điều khoái lạc, không có những sự khổ như ở nhân gian. Các phước báu trong cõi đó, tuy là mỹ mãn như thế nhưng còn thuộc về hữu lậu, có hư có mất, không có chắc chắn, đó chính là sự vô thường, tướng vô định... Thế nên dầu có

sống đến mấy ngàn năm đi nữa, cũng không khỏi con ma sanh tử lôi kéo.

Kinh Tăng chi dạy: Nữ nhân mạng chung được sanh lên trời và tự tại trong ba địa hạt (nhân sắc, âm thanh và lạc thọ) là do vị ấy có tám điều như:

1. Tận tâm thương quý gia đình
2. Tôn trọng sư trưởng và thân quyến
3. Hết lòng quán xuyến việc nhà
4. Đối xử thích hợp với người giúp việc
5. Kỹ càng bảo quản tài sản
6. Quy y Tam bảo
7. Giữ năm giới
8. Hoan hỉ bố thí.

Thường ta nghe nói hiện tiền giữ 10 giới thì khi mạng chung được sanh lên cõi trời. Tròn năm giới thì được làm người. Nhưng ở đây kinh Tăng Chi chỉ ra giữ năm giới cũng được sanh lên trời và tự tại trong ba địa hạt (nhân sắc, âm thanh và lạc thọ) là nhờ do công đức tròn bổn phận của mình đối với gia đình và xung quanh.

Như vậy, thật ra ở cương vị nào cũng được, chỉ cần thiện chí, có trí tuệ tháo vác mong đem an vui cho người, không cầu tư lợi. Cử chỉ sẵn sàng, ánh mắt ưu ái, lời nói ân cần, hoà nhã lịch sự, siêng

năng phụng sự xung quanh là nhân thiết yếu để sanh thiên.

Những chúng sanh hưởng thụ cảnh giới tốt hơn người gọi là trời. Có ba cõi trời:

1. Có những loài trời còn nghĩ ít nhiều đến sự ái ân thì gọi là loài trời Dục giới.
2. Có những loài trời thoát ly ngũ dục nhưng còn sắc thân thì gọi là loài trời Sắc giới.
3. Còn thoát ly ngũ dục và không sắc thân thì gọi là loài trời Vô Sắc giới.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm¹⁴ dạy rằng:

I/ Dục Giới Thiên (có 6 cõi trời Dục giới)

1. Tứ Thiên Vương: vẫn ái ân với vợ hoặc chồng nhưng không tà hạnh, tâm sáng suốt, mạng chung sống gần mặt trời và mặt trăng.
2. Đao Lợi Thiên: ít ái ân với vợ hoặc chồng và thường tịnh cư, tâm sáng suốt, mạng chung vượt lên mặt trời và mặt trăng, ở trên chóp nhân gian.
3. Tu Diêm Ma Thiên: ít nhớ nghĩ việc ái ân, sống động ít, tĩnh nhiều, tâm sáng suốt, sáng

¹⁴ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Tâm Minh dịch, Nhà Xuất Bản TP HCM, 1999, tr. 721-49.

rõ ở cõi hư không mà ánh sáng mặt trời và mặt trăng không soi đến được.

4. Đâu suất đà thiên: lúc nào cũng tĩnh, nhưng khi có cảm xúc vẫn bị chi phối, mạng chung sanh lên chỗ tinh vi, những hoại kiếp và tam tai của nhân thiên cõi dưới không đến được.
5. Lạc biến hoá thiên: không còn ân ái dù có phải đáp ứng nhưng thấy vô vị như ăn sáp. Mệnh chung sanh vào cảnh biến hóa.
6. Tha hóa tự tại: không có tâm thế gian, chỉ đồng với thế gian mà làm ngũ dục, khởi tâm chán bỏ (chánh nhân khiến lên vô sắc giới). Mạng chung vượt lên những cảnh biến hoá và không biến hoá.

Sáu cõi trời như thế hình thức tuy khởi động, nhưng tâm tính còn dính dấp ngũ dục. Từ các cõi trời ấy trở xuống gọi là Dục giới.

Trong Nhị khoá hiệp giải và Thắng pháp tập yếu luận nói rằng: tuổi thọ của cõi trời bằng mấy trăm ngàn tỷ năm cõi người.

Cõi Lục Dục thiên này cùng với các loài người, súc, quỷ, địa ngục... là ở trong Dục giới.

II/ Sắc giới: các trời này thoát ly ngũ dục thường ở trong định, không dính dáng với trần

cảnh, song chưa hết cái lụy hình hài nên gọi là sắc giới. Có 18 loài trời như

1. Trời Phạm chúng
2. Trời Phạm Phụ
3. Trời Đại Phạm -> Sơ Thiên (ly sinh hỉ lạc địa)
4. Trời Thiệu Quang
5. Trời Vô Lượng
6. Trời Quang Âm -> Nhị Thiên (Định sinh hỉ lạc địa)
7. Trời Thiệu Tịnh
8. Trời Vô Lượng
9. Trời Biến Tịnh -> Tam Thiên (Ly hỉ diệu lạc địa)
10. Trời Phúc Sinh
11. Trời Phúc Ái
12. Trời Quảng Quả
13. Trời Vô Tướng
14. Trời Vô Phiền
15. Trời Vô Nhiệt
16. Trời Thiện Kiến
17. Trời Thiện Hiện
18. Trời Sắc Cứu cánh -> Tứ thiên (Xả niệm thanh tịnh địa)

Theo dòng vận hành của tâm, nếu xả bỏ tham sân si, mạn, tà kiến (10 triền, 10 sử)¹⁵ thay vào đó cho hiện khởi hỉ, định, lạc xả thì tùy khả năng tâm đạt, tùy sức mạnh điều ngự tâm của mình mà có cảnh giới khác. Như pha ly cafe sữa vậy, tùy sữa nhiều hay ít mà lạt màu.

III/ Trời Vô Sắc: không có sắc pháp ở trong và ngoài nên gọi vô sắc

1. Trời Không Vô Biên Xứ
2. Trời Thức Vô Biên Xứ
3. Trời Vô Sở Hữu Xứ
4. Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

Thắng Pháp Tập Yếu luận cũng trình bày khá đặc biệt về kiết sanh thức hay kiết sanh tâm liên hệ giữa đời này và đời sau của nhiều cảnh giới từ địa

¹⁵ 10 triền: Phân, phú, hôn trầm, thụy miên, hỷ du, trạo cử, vô tâm, vô quý, khan và tật đố.

10 Sử: 5 Độn sử: Tham, sân, si, mạn và nghi; 5 Lợi sử: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới thủ và kiến thủ.

10 sử làm thể. 10 triền làm nghiệp dụng khiến chúng ta mê muội buộc ràng ở sanh tử, không lúc nào buông tha.

Bốn sử tham, sân, si, mạn đều chấp lấy sự vật giữa thế gian và khởi ra những quan niệm vọng hoặc của tham, sân, si và mạn. Tánh phận của nó tri độn nên gọi là độn sử.

Còn nghi sử là đối với chân lý của tứ đế mà sanh ra điều vọng hoặc này, tánh do dự không quyết định, không nhuệ khí nên độn loại tham, sân, si, mạn là ngũ độn sử.

ngục cho đến cõi cao nhất của vô sắc giới. Như kiết sanh thức có bốn loại:

- a. Ác thú (địa ngục, ngạ quỷ và bàng sanh) kiết sanh thức
- b. Dục giới thiên sanh thức
- c. Sắc giới thiên sanh thức
- d. Vô sắc giới thiên sanh thức.

Ở các cõi trời này do phước báo nên y báo và chánh báo đều tốt hơn cõi người, nhưng phải biết sau một thọ mạng dài lâu hưởng vui, nghĩa là sáu căn bị gây mê tham luyến các dục (dục giới), an hưởng trạng thái an lạc của thiên (sắc giới và vô sắc giới) trụ vào tư thực¹⁶ kéo dài mạng sống, số

¹⁶ Bốn cách ăn:

1. Đoàn thực cũng kêu đoạn thực: nghĩa là ăn bằng cách từ miếng, từ phần, từ đoạn và dùng ba trần là hương (hơi hám, mùi hôi), vị (ngọt, lạt) và xúc (chạm vào thức ăn hay hương thơm). Lấy ba cái này làm thể và lấy biến đổi tiêu hoại làm tướng. Đây là cách ăn của trời, người và súc sanh.
2. Xúc thực: lấy tâm sở tương ung của sáu thức, tiếp xúc với cảnh vừa thích ý của ý, nắm căn thoả thuận, vui sướng làm cách ăn. Đây là cách ăn của quỷ thần.
3. Tư thực: lấy tư tâm sở hữu lậu của ý thức để chuyên tinh nghĩ nhớ (tư) chuyển thành cảnh thắng diệu thiên, giúp ích thân mạng của trời sắc giới, liên miên tư tưởng mãi chẳng dứt, tức là cõi trời sắc giới lấy thiên duyệt làm thức ăn.

Ví dụ thấy me chua, miệng chảy nước miếng để đỡ khát nước. Treo bánh để thấy mà đỡ đói bụng, cũng là cách ăn bằng cách nghĩ nhớ.

4. Thức thực: thức thứ tám nối nhau giữ căn thân khiến chẳng rã hoại. Thức này cả bốn thánh sáu phàm đều chung đủ, chỉ có khác với nhau là mê và ngộ. Thánh nhân thì thức tánh đã giác ngộ viên mãn, vốn sẵn trong sáng gọi là Như lai tạng thức, vì

đông chết đều đọa ác thú. Nên chư Phật thường thành đạo ở cõi người và khuyên đệ tử coi cõi trời là hiểm nạn, chướng ngại cho sự giải thoát, không nên cầu về.

2/ ĐẠO TIÊN HAY CÔI TIÊN

Thật ra nói đủ là bảy cõi. Sáu cõi cộng thêm cõi tiên.

Tiên là một loài chúng sanh nửa trời và nửa người. Kinh Thủ Lăng Nghiêm¹⁷ dạy có những chúng sanh từ loài người, không tu theo giới định tuệ mà tu theo vọng niệm, vọng tưởng luân hồi lưu chuyển để củng cố hình hài vào trong rừng núi, ăn trái cây sống, hoặc trên đảo giữa bể, tâm tĩnh lặng luyện thân, không vướng vào những vinh nhục thế gian, nên thành mười thứ tiên sống lâu ngàn vạn tuổi, nhưng cuối cùng rồi cũng chết, vì không tránh được quy luật sống chết.

Ở đây cho thấy tư tưởng, có thể thay đổi lối sống bình thường của con người, kéo dài sự sống đến một thời gian rất lâu. Những phim chương của Trung Hoa, Đại hàn xuất phát từ nguồn gốc đạo tiên này rất nhiều.

Có 10 loại tiên:

1. Có loại chúng sanh dùng đồ bỏ không dùng nghỉ, kiên cố và đạo ăn thành tựu thành Địa hành tiên.

nó duy trì tất cả công đức có tánh vô lậu: Phi có, phi không; phi trụ, phi chẳng trụ; đây là cái ăn bằng cách vốn có công đức chẳng thể nghĩ bàn mà làm sanh trụ.

¹⁷ Nt, tr. 715-19.

2. Có loại chúng sanh dùng cỏ cây không dùng nghỉ, kiên cố và đạo thuốc thành tựu thành Phi hành tiên.
3. Có loại chúng sanh dùng kim thạch không dùng nghỉ, kiên cố và hóa chất thành tựu thành Du hành tiên.
4. Có loại chúng sanh dùng luyện những động tác không dùng nghỉ, kiên cố và đạo khí tinh thành tựu thành Không hành tiên.
5. Có loại chúng sanh dùng nước bọt không dùng nghỉ, kiên cố và đạo nhuận đức thành tựu thành Thiên hành tiên.
6. Có loại chúng sanh dùng tinh hoa không dùng nghỉ, kiên cố và đạo hấp thụ thành tựu thành Thông hành tiên.
7. Có loại chúng sanh dùng phù chú không dùng nghỉ, kiên cố và đạo thuật pháp thành tựu thành Đạo hành tiên.
8. Có loại chúng sanh dùng chú tâm chuyên niệm không dùng nghỉ, kiên cố và đạo chuyên niệm thành tựu thành Chiếu hành tiên.
9. Có loại chúng sanh dùng quán về thủy hỏa giao cầu không dùng nghỉ, kiên cố và đạo cảm ứng thành tựu thành Tinh hành tiên.
10. Có loại chúng sanh dùng tập luyện biến hoá không dùng nghỉ, kiên cố và đạo biến hoá thành tựu thành Tuyệt hành tiên.

3/ A-TU-LA



Đây cũng là một loại có phước nhưng hay tranh chấp. Anh hùng nghĩa khí có làm nhiều phước thiện mà hay tranh đấu sát phạt nhau, hơn thua lẫn nhau, lấy nghĩa khí thắng hung tàn, không khuất phục, đấu tranh không ngừng nghỉ... những loại chúng tử đó sẽ sanh về cõi đây.

Có bốn loại a-tu-la:

1. Có chúa a-tu-la trời, biến hoá sanh (thuộc loài trời), sức mạnh, tranh quyền với Đế thích và Tứ thiên vương, nên trong tranh vẽ các vị này tối ngày cầm cung, súng sát phạt lẫn nhau.

2. A-tu-la người (thuộc người), thai sanh, ở gần mặt trời, mặt trăng. Từ trời đọa xuống vì do kém phước đức

1. A-tu-la quý (thuộc quý ở trời), từ trứng sanh ra. Sống ở hư không. Có vị phát tâm bảo hộ chánh pháp. Nên cuối mỗi buổi tụng kinh, ở chùa hay tán bài:

2.

“Trời, A-tu-la, Dạ xoa thầy
Đến nghe pháp đó nên chí tâm
Ứng hộ Phật pháp khiến thường còn
Mỗi vị siêng tu lời Phật dạy.
Bao nhiêu người nghe đến chốn này
Hoặc trên đất liền hoặc hư không
Thường với người đời sanh lòng từ
Ngày đêm tự mình nương pháp ở.
Nguyện các thế giới thường an ổn
Phước trí vô biên lợi quần sanh
Bao nhiêu tội chướng thấy tiêu trừ
Xa lìa các khổ về viên tịch.
Hằng dùng giới hương xoa vóc sáng
Thường trì định phục để giúp thân
Hoa mâu bồ đề khắp trang nghiêm

Tùy theo chỗ ở thường an lạc.

Nam mô Tam châu cảm ứng

Hộ Pháp Vi đà Tôn Thiên Bồ Tát ma ha tát.”

4. A-tu-la bàng sanh (thuộc bàng sanh), nhân thấp khí sanh ra, ở trong biển lớn lặn trong thủy huyệt. Ngày đi chơi trong hư không, đêm ngủ dưới nước.

4/ CÔI NGƯỜI



Trên hành tinh trái đất này chúng ta có năm châu là Châu Á, Châu Âu, Châu Úc, Châu Mỹ, Châu Phi, Nam và Bắc cực.

Đức Phật đã bảo ngài Mục Kiền Liên minh họa bức tranh của kiếp người có tám khổ như sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ và ngũ âm xí tịnh. Nào là có cảnh chiến tranh, xe tăng thiết giáp, súng đạn, có nạn lũ lụt, cháy nhà, cảnh em bé sơ sinh, lớn lên, nằm ở

giường bệnh, già yếu chống gậy và cái chết, quan tài chờ đợi.

Khi tinh trùng của người cha kết hợp với tiểu noãn của người mẹ, thần thức gá vào và lúc đó bắt đầu một kiếp sống mới. Và tùy theo nghiệp lực nặng hay nhẹ của mình mà tinh trùng hay trứng đó là của loài người hay loài thú.

Cũng như loài động vật, con người sanh từ bụng mẹ (bụng của con người). Chỗ sanh bất tịnh là tử cung, cạnh vòng ruột già, ruột non, trong máu tanh, nước nhớt và vừa là thức ăn. Đây là nơi bắt đầu thành thân, thật chẳng đáng tự hào chút nào!

Đức Phật dạy sắc thân chúng ta từ bất tịnh nghiệp đời trước mà sanh. Nghiệp chuyển nơi thức đem vào thai mẹ và có năm trùng không tịnh. Năm trùng không tịnh là:

1. Chỗ sanh bất tịnh: thân này chẳng phải hoa sen, chiên đàn, mà được nuôi lớn trong máu mủ. Ở bên cạnh phân ứ, từ đường tiểu tiện dơ dáy mà ra.
2. Chủng tử bất tịnh: do hai giọt tinh cha, huyết mẹ làm thể chất.
3. Tướng bất tịnh: Thân này không gì ngoài chín lỗ (hai lỗ mắt, hai lỗ mũi, miệng, tai...) và 32 thể trược (tóc, lông, móng, răng, da,

thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đờm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu).

4. Tánh bất tịnh: Từ dâm dục uest nghiệp mà sanh, lấy ái dục làm thể chất. Nếu không tu các pháp quán để cải biến thì lấy hết nước biển cả để rửa cũng không thể sạch.
5. Cứu cánh bất tịnh: Nghiệp tận mệnh chung có chín tướng đáng chán hiện ra gọi là cửu tướng:
 - i. Trướng tướng (sau khi tắt hơi rồi, không còn thức thứ tám trì giữ mạng căn nên thì thể bắt đầu phồng lên)
 - ii. Thanh tướng (rồi xanh tái đen)
 - iii. Hoại tướng (da thịt bắt đầu bỏ toét như bánh mì nhúng nước nứt nở và mềm búng ra)
 - iv. Huyết đồ tướng (các thứ nước, máu mủ trong thân chảy ra)
 - v. Nồng lãng tướng (thi thể nát bét rồi, nên mùi hôi thối xông ra)
 - vi. Hám tướng (da thịt rục rã)
 - vii. Tán tướng (thịt tan, còn xương)
 - viii. Cốt tướng (xương cũng mòn dần)

- ix. Thiêu tướng (tro bụi của xương cũng tan theo hư không và không còn để lại dấu vết gì)

Chúng ta có năm trùng bất tịnh đó nhưng chui ra thai mẹ lại quên hết. Ra đời chỉ biết khóc, rồi lớn lên bao nhiêu bất tịnh khổ sở của thân cũng quên hết, tranh đấu cực nhọc cho cuộc sống để rồi chuẩn bị đi đến già bệnh. Nuôi thân bằng cơm gạo rớt cuộc trả về cho lòng đất, chết là dấu chấm cuối cùng. Nhưng chúng ta không phải là dấu chấm, hay chấm phẩy mà là dấu phẩy liền. Vì đâu đã hết liền, đâu phải chết là hết. Tinh thần lại mê muội lại đi đầu thai, lại vào bào thai, để lại ở bụng mẹ ra gọi là sanh, rồi khi chết bỏ vào quan tài gọi là tử; hoặc đầu thai vào trứng gà, bụng cá... gọi mình là gà, cá. Khi ở địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, khi ở cõi trời, cõi người, cứ thế xoay vần trong ba vòng ‘Hoặc-Nghiệp-Khô’, xoay vần sanh tử luân hồi như đã từng trải qua từ lịch kiếp.

Chúng ta thường ở trong tam đồ, bát nạn từ lịch kiếp. Tam đồ là: địa ngục, ngạ quỷ và bàng sanh. Bát nạn là:

1. Nạn trời vô tướng (vì sống lâu mà không gặp Phật)

2. Bắc cầu lục châu: Phía bắc của núi tu-di. Giữ thập thiện được an vui, nhưng không chịu khó tu học nên có nạn chẳng được gặp Phật.
3. Nạn sanh trước và sau Phật: Phật trước đã qua. Phật Di lạc lại chưa đến. Lại ở chỗ chẳng có Phật nào truyền bá.
4. Nạn thế trí biện thông: Tâm trí lanh lợi, chỉ ưa đắm kinh sách ngoại đạo, ngoại điển, chẳng tin chánh pháp xuất thế. Thế là bị chướng nạn đối với Phật pháp.
5. Nạn si, lung, âm và á: điếc, đui, câm và ngọng.
6. Súc sanh
7. Nga quý
8. Địa ngục.

Cúng ta hãy tập quan sát mình đang ở trong những nạn và những báo chướng bất tịnh như thế. Tập quan sát sự thật và biết thân phận chúng ta như thế để tránh không bị ảo kiến đánh lừa (kiến trước). Lo luyện tâm, khôi phục quyền tự chủ, để kiến tạo đạo nghiệp.

Cũng đồng nghiệp làm kiếp người, nhưng có nhiều biệt nghiệp riêng. Có chúng sanh bản thiện, cao sang, xinh đẹp, xấu xí và may mắn, bất hạnh... đều do hạnh nghiệp chánh kiến hay tà kiến, thiện hạnh hay ác hạnh ở thân, miệng và ý. Trong Tăng

chi bộ kinh, Đức Phật dạy Mạt Lợi, hoàng hậu của vua Ba Tư Nặc rằng:

Này Mạt Lợi phu nhân! kẻ hay phẫn nộ, hễ trái tai gai mắt liền nổi nóng, sùng sộ, gây sự, sẽ tái sanh với hình dung xấu xí. Nếu lại keo kiệt không bố thí, mai sau chịu nghèo khổ túng thiếu. Thấy ai được lợi dưỡng cung kính hơn mình thì tức tối ganh tị, cảm quả báo làm người hèn hạ, không uy tín.

Này Mạt Lợi phu nhân! người hay bắt nạt phẫn nộ nhưng chăm bố thí thì tái sanh tuy dung sắc xấu mà giàu sang.

Những ai tâm từ hoà, chăm bố thí, không ganh tị tật đố sẽ tái sanh được dung sắc thù thắng, giàu sang và có uy tín lớn.

Này Mạt Lợi, bố thí đem phước báu thế gian. Quả báo đến có hai cách. Có người phải bồn ba mới kiếm ra tài vật (do người đến xin, mình không sót sót, phải cầu khẩn, mình mới bố thí hay giúp đỡ). Có người ngồi mát ăn bát vàng (vì xưa kia đã tận tình đích thân đi tìm những khổ nạn để cứu vớt, không phải đợi người đến tận nơi cầu xin mới giúp). Người có tâm vị tha luôn nghĩ đến nhu cầu của người xung quanh, mong giải quyết hộ. Những người này đời sau mơ ước điều gì đều như ý. Như

vậy, tuy đồng nghiệp là người nhưng theo biệt nghiệp từng người mà có khác. Đây là những nhân quả sai biệt của loài chúng sanh gọi là con người.

Đây là những việc làm bổ thí của trời người, hưởng phước của trời người, nhưng nếu bổ thí có trí tuệ Bát Nhã, quán tam luân không tịch¹⁸ sẽ chuyển phước này thành bồ tát hạnh, để viên mãn biến phước trang nghiêm của tuệ giác.

Cũng trong Tăng Chi Bộ kinh, Đức Phật giảng lý nhân quả cho ngài Xá Lợi Phất rằng: nếu chúng ta hứa hẹn với ai một điều gì mà không giữ, thì mai sau sẽ bị thất vọng. Nếu đúng như lời hứa thì mai sau sự nghiệp sẽ thành tựu như ý. Nếu mình bổ thí nhiều hơn lời mình đã hứa thì quả báo khó nghĩ bàn. Hứa là tạo niềm hy vọng. Thất hứa với ai là đem thất vọng cho người đó nên quả báo mình sẽ bị tuyệt vọng.

Nếu chúng ta là những người thọ giới là hứa với tam bảo ban cho chúng sanh nơi nương tựa, niềm an ủi. Nếu chúng ta thất hứa thì hậu quả sẽ vô cùng nặng nề. Ngược lại hấn công đức vô biên.

¹⁸ Tam luân không tịch là không thấy người cho, không thấy người nhận và không thấy vật được cho hay được nhận. Ta là người bổ thí không có, chỉ là đất nước gió lửa. Người nhận cũng là đất nước gió lửa và việc bổ thí cũng không. Ba cái đều không, nên không có việc gì tự hào, tự cho ta là hay là giỏi.

Trước kia nếu chúng ta là người có nhân cách kém cỏi. Bản ngã chúng ta thường phình to cho đây là ta, của ta, tôn giáo ta, chùa của ta, Phật tử của ta; kia là tôn giáo khác, người khác... rồi không có cái ta nào chịu thua cái ta nào. Như thế là tạo sự phân hoá, chia rẽ cộng đồng và thù ghét lẫn nhau. Nếu giờ biết nghe pháp theo lời Phật tu, thoát khỏi sự kềm tỏa của bản ngã thì chúng ta trở nên cao thượng, độ lượng. Xưa kia nhỏ mọn ích kỷ, bây giờ rộng rãi, bổ thí, dễ tha thứ hơn. Trước kia hay nổi nóng và bây giờ thì dễ trầm tĩnh hơn. Trước kia hay xúc động và bây giờ thì dễ bình thản hơn. Từ đây tâm từ bi của chúng ta được tăng trưởng, xem nhẹ của cải vật chất và biết quý trọng những giá trị tinh thần. Người biết tự điều tâm ý như thế thường sống thuận theo ý kiến của mọi người, giống như lời bày tỏ của tôn giả A-nậu-lâu-đà: “Con không sống bằng tâm của con mà con sống bằng tâm của huynh đệ”.

Đây cũng chứng minh hệ quả của văn minh nhân loại. Khi tư duy chúng ta càng phát triển cao hơn, lý trí dần dần vượt khỏi sự kềm tỏa của bản ngã và nhận ra sự đồng thể tương và tánh chung của tất cả, lấy vạn pháp làm mình, lấy tâm huynh đệ, tâm chúng sanh làm tâm mình ‘vạn pháp duy tâm’.

Thân ta có tướng cứng là địa đại, thấm ướt là thủy đại, hơi ấm là hỏa đại và lay động là phong đại. Do bốn đại này ràng buộc mà chia tâm tính diệu minh vắng lặng cùng khắp (Phật tánh bản lai) của chúng ta thành hạn định trong cái thấy, nghe, hay, biết. Xét từ đầu đến đuôi, thân này tạo thành năm thứ ô trược, nghĩa là loài người chúng ta bị buộc trong năm lớp vô minh này:

- 1) Hiện đang ở trong kiếp trược, quyết định đang bị vô lượng khổ áp bức.
 - 2) Kiến trược là đang bị cái xảo trá chỉ huy.
 - 3) Phiền não trược là tham dục, sân hận các thứ tâm độc kích thích.
 - 4) Chúng sanh trược là cứ cam phận sống đắng cay, chết đọa đày, không bao giờ ngờ rằng mình có đường lối thoát ly, thoát khổ, vì bản tánh mình vốn tự chân thường, chân lạc, chân ngã và chân tịnh.
 - 5) Mạng trược là không biết đến ma lực vô thường như lửa cháy bốn bên mà cứ rong chơi nô đùa, sống thích thú đâu có tỉnh ngộ.
- Chúng ta không biết rằng dầu cõi người đang bị năm trược bao phủ nhưng trong sáu cõi hay bảy cõi thú chỉ có loài người mới có thể ra được vòng lửa sanh tử vì có duyên nghe Phật pháp, hiểu và biết phương pháp để đi ra khỏi nhà lửa, trong khi cõi trời thì bị ham mê hưởng phước nên không có lo tu; còn các cõi địa ngục, ngạ

quỷ, súc sanh thì đau khổ quá không có tinh thần đâu để hiểu và để tu. Thế nên, trên bức tranh ta thấy lửa đỏ bao phủ xung quanh không có lối thoát, nhưng nhìn kỹ sẽ thấy một đường đi nhỏ như sợi chỉ trắng mảnh từ vòng nghiệp, có bốn chúng cầm đèn đi lên ngang qua cõi người và thoát ra khỏi bánh xe lửa đỏ. Trong khi năm cõi khác hoàn toàn kín mít chìm trong lửa.

5/ BÀNG SANH



Súc sanh là một trong những loài chúng sanh trú trong vũ trụ bao la này. Có nhiều loại súc sanh như:

A. Loài có xương sống:

1. Bốn chân: Bò, trâu, sư tử, gấu, voi, hươu, nai, bò tót mọc sừng, lừa, lạc đà, khỉ, vượn, ròng rọc, đười ươi, cọp, beo, báo, sói, thỏ, mang (con đỏ), nhím,

chồn, cáo, ngựa, heo, dê, mèo, chó, chuột, tắc kè, thần lằn, kỳ nhông, thạch sùng, rắn mối, kỳ đà, hoang, rái nước, heo rừng, tê giác, trâu nước, nhái, cóc, ếch, chằng hiu...

2. Hai chân: Gà, vịt, ngỗng, ngan, chim...

3. Không chân: Rắn, trăn, trùng, giun, lăng quăng, dòi, sâu, lải...

B. Loài không xương sống: Cuồn chiếu, bọ chét, rết, nhện, sâu, bọ net, kiến, mối, sùng, bò cạp, chấy, rận, tằm, giun, nhộng, phù du, mọt, rệp...

C. Loài không xương sống có cánh: Bướm, chuồn chuồn, đom đóm, bù xoè, châu chấu, cào cào, muỗi, bọ ngựa, ong, mối, nấc nế, dế, ve sầu, muỗi, ruồi, rầy, thiêu thân, cánh cam, bọ hung, gián, ve sầu, ong, tò vò, ...

D. Loài dưới nước: Cá, sứa, mực, cua, sò, tôm...

Giới Bồ tát dạy chúng ta mỗi khi gặp một loài thú nào cũng nên quy y và chúc nguyện cho chúng.

Nguyện tình thương của chúng ta lan toả đến các loài bàng sanh đang có mặt trên khắp hành tinh này.

Nguyện chúng sớm bỏ thân thú thành người gặp Tam Bảo¹⁹ tu hành.

Theo khoa học có hàng vạn loại khác nhau. Chúng ta đọc tên từng loài, quán tưởng những hình tướng khốn khổ của loài bằng sanh với một tấm lòng tận tâm thương xót chúng, ban rải tình thương đến chúng, kết thắng duyên Tam Bảo để sau này chúng gặp được nhân duyên tam bảo mà tỉnh ra. Một con chim xinh xắn, chúng ta vuốt ve yêu mến nhưng đâu biết rằng sau chúm lông xanh, vàng, đỏ, tía đỏ chất chứa vô vàn đau đớn, lo âu, khốn khổ chập chùng.

Trong vòng sanh tử vô tận biết bao nhiêu lần chúng ta đã mang những lớp da thú này. Phải né, phải tránh, không nên gieo những chủng tử gà, rắn, heo để đừng tái sanh vào cõi bàng sanh.

Đức Phật dạy cái khổ ngu si là đáng sợ hơn cả. Ngu si là mê muội, không biết tránh ác làm lành để đến nỗi tự đọa đày, đọa vào thân thú, địa ngục và ngã quý.

Tranh minh họa hình con giun đang bị các kẻ cắn. Con rắn thì đang định nuốt các kẻ. Con kên kên nuốt mỗi rắn ngon. Anh thợ săn đang ngắm

¹⁹ Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng.

bắn kên kên. Bức tranh của thế giới ỷ loài mạnh hiếp loài yếu. Loài lớn ăn loài nhỏ. Sự sống ăn nuốt sát hại lẫn nhau vì bản năng duy trì mạng sống của mình. Cảnh thú sống trong sợ hãi, hoảng hốt và hãi hùng vì đồng loại thú và cả loài người luôn tìm cách giết lấy mạng chúng.

Trên đường, ngựa kéo xe đói khát, chở nặng, đi xa, roi vọt. Dưới nước, cá lớn nuốt cá bé. Trâu cày bừa sớm chiều nắng mưa quần quật làm việc. Tối về nơi nghỉ là chuồng là nơi chủ tích trữ phân và nước tiểu của nó để bón ruộng. Suốt đêm trâu chịu các thứ muỗi mòng hút máu mà nào có tay để xua đuổi. Sáng ra tiếp tục cày bừa dưới nắng mưa cực nhọc. Lỡ đau ốm không làm việc được thì chủ vội vàng đem giết thịt bán để gỡ vốn. Một đời như vậy liệu tinh thần có đi lên không? Một đời như vậy liệu chúng ta giảng pháp, thú có hiểu không? Thế nên bàng sanh là một ổ phiền não, một ổ khổ đau và một ổ đọa lạc.

Một khi đã đọa mang lớp da thú vật thì trăm kiếp ngàn đời khó ngóc đầu ra. Muôn loài vạn vật, sống đọa đày, chết đắng cay. Một con bọ chét chạy trong người, ta không chịu được thế mà chó mèo gà vịt ngày đêm hàng trăm bọ mạt rúc rĩa mà cứ phải chịu trọn đời, không một lúc nào ân xá. Cho nên, chúng đọa lạc và chịu đầy đau khổ thương tâm lắm.

Thông thường tội nào nặng lắm mới đọa làm thú. Dưới ánh mắt của con người thì loài thú không có nhiều giá trị và xem như thuộc ‘đẳng cấp’ thấp so với loài người.

Thường thì con người dùng thú vật có nhiều lý do như làm thức ăn khoái khẩu cho người, thực hiện các thí nghiệm khoa học hay phục vụ con người... Mặc dù thời gian gần đây ở các nước tiên tiến có luật bảo vệ thú vật hoặc có luật bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng, nhưng nói chung, thú vật vẫn thuộc ‘đẳng cấp’ thấp kém so với loài người.

Vì sao đọa mang thân thú? Ai tạo những nghiệp bị ối, thấp hèn, mất giá trị, mất nhân phẩm sẽ bị đọa làm thú và ở thân thú này bị coi thường và khinh rẻ.

Những nghiệp nào là hèn hạ và mất nhân phẩm? Đó là tà dâm, loạn luân, phá vỡ luân thường đạo lý loài người, dục vọng không biết kiềm chế, không có lý trí hướng dẫn, hành động tương đương với dục vọng của loài thú. Người nào nghiệp giống với loài thú sẽ đưa người đó đi đến kiếp thú về sau. Hoặc lòng ích kỷ tội độ biến thành hành vi tranh giành xâu xé đồng loại không thương xót cũng rất giống với loài thú; dùng thủ đoạn để bức hại kẻ

khác, sống cho bản năng ích kỷ chỉ nghĩ đến mình thì sẽ đọa làm thú là điều khó tránh khỏi.

Kinh dạy: Nhất thiết duy tâm tạo. Mang lông đội sừng hay thành Phật làm tổ cũng chỉ do tâm ta. Loài vật cũng bảm ngũ hành²⁰, cũng ngâm tứ tượng²¹ cũng biết đau ngứa, no đói, cũng yêu ghét sợ hãi, nom nớp sợ chết, lo lắng tham sống, tránh khổ cầu an như ta. Chúng ta nỡ nào ăn thịt nó, giết nó chỉ để ngon miệng trong chốc lát nơi tác lưỡi, nuốt xuống cuống họng là hết. Đặt mỗi lập mưu, khiến chim, thú sa lưới mắc bẫy, thật là độc ác, tàn nhẫn. Lại nói ‘thiếu tiền của ta, làm thú trả ta’ hoặc ‘ta hưởng lộc trời’ hoặc ‘vật dưỡng nhân’ ‘chết là hết, tha hồ ăn, không sợ gì’. Cứ thế mà luân chuyển oán thù, cùng nhau đi mãi trên đường đau khổ.

Nhà nho nói: Thấy con thú đương sống, chẳng nỡ thấy nó chết. Nghe tiếng nó sợ hãi kêu la, chẳng nỡ ăn thịt. Cho nên đã là quân tử đâu có sát sanh. Nhà nho còn nói thế, huống chi chúng ta là Phật tử, con nhà họ Thích, tránh sát sanh là giới thứ nhất.

Bởi vì tất cả đều có Phật tánh, nên tất cả loài noãn, thai, thấp, hoá đều là chư Phật vị lai. Bởi vì

²⁰ Ngũ hành là Đất, nước, gió, lửa và hư không.

²¹ Tứ tượng là Âm, dương, tinh thần và vật chất.

cùng nhau ở trong vòng luân hồi nên tất cả các loài bay, chạy, bơi, lội đều đã từng là cha mẹ quyến thuộc lẫn nhau với ta. Phải có lòng tin kiên cố với điều này thì chúng ta sẽ có sự chuyển đổi ở cách nhìn và cách sống.

Thấy mũi tên con vượn hôn bay. Thấy gương cung con nai rơi mật. Nổi chua cay nát óc bẻ đầu, niềm đau khô suốt lưng qua bụng. Dùng tim gan nó để ngon miệng mình trong khoảnh khắc. Mai đây chịu rừng đao núi kiếm, cả trăm ngàn kiếp trong địa ngục. Còn dư báo lên làm thân heo gà để chịu mổ, đâm, quay nướng, mang yên ngậm sắt ngựa lừa, tời tở phận chó, cày bừa thân trâu...

Chúng ta cứ lấy thông khổ của các loài khác làm trò vui chơi. Giết hại sinh linh thết khách bày tiệc mời người ăn. Con gà, con heo, con trâu bị cắt cổ giữa giữa kêu la, lại thêm nước sôi dội xối; trong khi trên thềm nhóm họp bạn bè, dưới thềm âm nhạc vui vầy đờn ca, bàn chuyện thị phi thiên hạ. Đình thần đèn miếu đều là những đàn tràng gây oán. Thui ngan, nướng vịt, mổ heo, thịt dê khác gì quỳ la-sát, dạ-xoa...

Phải 500 con tầm mắt mạng mới thành một chiếc khăn. Mấy chục con thỏ chết mới có chiếc áo ấm. Người có thiện tâm hãy suy nghĩ, nữ nào an lòng mặc dùn. Chúng ta cứ ăn thịt mà không biết nỗi đau của một con vật bị giết hay bị đưa lên lò

sát sinh. Xin được kể một câu chuyện minh họa rằng:

Có một anh thanh niên nọ có thói quen săn thú. Một hôm rượt đuổi theo dấu máu của con nai bị trúng tên, cuối cùng anh thấy nai nằm thở thoi thóp dưới chân một nhà ẩn sĩ đang tọa thiền trên tảng đá. Nhà ẩn sĩ khuyên anh nên bỏ thú vui này mà hãy thương nỗi đau đớn của nai khi trúng tên như nỗi đau đớn của chính mình. Anh đứng im lặng.

Nhà ẩn sĩ liền dùng ngón tay của ngài ấn vào mình con nai đã chết, còn tay kia nắm lấy tay của chàng thợ săn, truyền nỗi thông khổ của con nai lúc chết cho chàng. Vừa đụng vào thì anh biến sắc, anh như cảm nhận được nỗi đau khổ về thể xác và tâm linh của con nai lúc chết. Anh như thể nghiệm được toàn bộ quá trình cái chết của con nai, toàn thân toát mồ hôi lạnh, nhịp tim dần dần ngưng lại. Anh đau đớn và hiểu được sẵn bản là một hành động ngu xuẩn, tàn ác, từ đó anh không dám săn bắn nữa.

Người có nhân duyên, còn thú? Khi văn minh nhân loại tiến bộ, khi tư duy con người phát triển cao hơn, khi thế giới tâm linh con người phát huy tuyệt đối đến mức cao nhất, ta và chúng sanh bình đẳng, lý trí dần dần vượt khỏi sự kèm tỏa của

bản ngã, sẽ thấy tha (người và súc vật khác) và tự (mình) giống nhau và ngay cả thú vật cũng bình đẳng, thì lúc đó hy vọng thú cũng được tôn trọng, thương yêu và đối xử như con người.

Có chuyện kể một bà già Tây Tạng sau khi trải qua bão tuyết mấy ngày trời liên tục, nhà đã hết lương khô, bà chống gậy lần xuống núi để mua thực phẩm. Dọc sườn núi, các nông trại, vườn rau, đồng lúa đều một màu trắng lạnh tang tóc không có sức sống. Quá đói và mệt, bà ngồi xuống tảng băng để nghỉ chân và lúi trong giỏ khúc bánh mì khô cuối cùng ra để gặm. Chợt ngó lên, bà thấy một con chó đói đang lết bò đến gần bà. Nó lạnh run lập cập, lông của nó không đủ cho nó ấm. Bụng của nó xẹp lép vì quá đói, ai đâu cho nó ăn? Bà vội cởi bớt một tấm vải choàng cũ trùm nó lại và khúc bánh mì, bà bẻ hai, chia đều để trước miệng nó một phần, bà một phần. Rồi cả bà già và con chó cùng nhau mỉm cười ăn ngon lành.

Câu chuyện chỉ đơn giản như vậy. Nhưng ý nghĩa thật sâu sắc. Bà già thấy được mình và chó bình đẳng như nhau, nên dù đang đói, khúc bánh mì cũng sẵn sàng chia đôi, manh áo sẵn sàng bớt một cái. Nếu như tâm lý bình thường của mình, có thể chúng ta cho vị trí của con chó là thấp kém, nên dù có thương, cho nó ăn thì ta chỉ bẻ khúc đuôi và bẻ một ít thôi vì còn dành ngày mai mình ăn

nữa chứ... Như thế lòng từ chúng ta có giới hạn, quá nhỏ nhen không?

Luật Sa-di kể chuyện rằng có một tam tạng pháp sư lên chánh điện, thấy một lão tăng tụng kinh, liền nói đùa: “Su tụng kinh giọng ồ ề như chó sủa”. Vì lời khinh mạn bông đùa ấy, vị sư phải chịu 500 đời làm thân chó. Đời cuối cùng, con chó ăn vụng thịt, bị chủ chặt cả bốn chân, vứt xuống hố.

Ngài Xá Lợi Phất đi qua cho chó ăn cơm, thuyết pháp và chúc nguyện. Con chó chết, đầu thai làm con một trưởng giả tên Quân Đề. Quân Đề mới lên bảy tuổi đang chơi ngoài cửa, thấy Xá lợi phất khát thực đi qua liền xin cha cho xuất gia. Sau khi xuất gia, dưới sự hướng dẫn của tôn giả Xá lợi phất, Quân Đề đã chứng A la hán.

Thế đó, một lời nói bông đùa mà nguy hại phải 500 đời làm chó. Nếu không phải là tam tạng pháp sư có công phu tu hành thì làm sao gặp được thánh tăng để chấm dứt con đường đọa lạc.

Kinh Địa tạng dạy: Chúng sanh trong cõi diêm phù, cát chân dấy niệm đã phạm tội. Gặp việc thiện thì dễ thoái tâm. Gặp ác duyên lại càng thêm mạnh. Nếu không gặp thiện tri thức sẽ khổ mãi không cùng.

Tóm lại, từ bản lai thanh tịnh, một niệm bất giác sinh sở năng mà có y báo, chánh báo, có sinh vật xuất hiện, rồi sau đó động vật chính thức ra đời có tâm thức phức tạp, có tạo nghiệp nhân để thọ quả báo.

Ai đã làm thành, tạo thành động vật có tâm thức để cho động vật đó phải lăn lóc đấu tranh vì sự sống một cách cực khổ? Chính những tâm thức của chúng ta tạo ra.

Trong sự đấu tranh để sinh tồn đó, các động vật khi thì giúp đỡ lẫn nhau (thiện), khi thì xâu xé lẫn nhau (ác) tạo thành vô số nghiệp thiện, ác lẫn lộn đưa đẩy chúng sanh trôi lăn trong luân hồi không bao giờ dứt.

6/ NGẠ QUỶ



Ngạ quỷ cũng là một trong vô số các loài chúng sanh trong vũ trụ này. Loài chúng sanh này có sự thọ dụng cảnh giới thuần khổ và bị đói khát liên miên. Nguyên nhân chính là do những chúng sanh này khi sanh tiền tâm chứa đầy những ý niệm tham lam, bòn xén, không thích làm những việc lành, không bố thí, cúng dường, nên sau khi chết đọa vào cảnh giới ngạ quỷ.

Ngạ quỷ thường chịu hai báo chương:

1) Nội chứng: Cổ như cây kim, miệng như ngọn đuốc, bụng to như cái trống và toàn lửa, rất khó uống ăn. Đây là quả báo của những tâm hồn khô khan, bôn sên không biết bố thí. Có quỷ ăn được nhưng thức ăn vào bụng liền biến thành gươm đao, đâm lại vào da thịt. Đây là khi bố thí với độc tâm hoặc ác khẩu.

Buổi chiều là giờ ăn của quỷ,²² nên trong chùa khuyến tránh ăn chiều tối. Nếu có ăn thì xem đó như được thực (thuốc để chữa bệnh đói khát, khô gầy) và tránh đừng khua đĩa bát khiến quỷ thấy sự ăn uống mà thèm khát, miệng phực ra lửa.

Như ngài Mục Kiền Liên dâng cơm cho mẹ. Bà Thanh Đề đói quá, một tay bốc ăn, một tay che, sợ quỷ khác giành ăn. Nhưng cơm vừa đưa đến miệng liền hoá than hồng. Tuy bà đói khát cùng cực mà không thể thọ dụng thức ăn được.

2) Ngoại chứng: Ngạ quỷ ở trong cảnh lửa hoặc máu mủ, bị dao đâm gậy đánh liên tục. Dòng sông đối với quỷ nếu không là máu mủ thì cũng khô cạn toàn là cát nóng. Có ngạ quỷ ở trong sông nước cả ngàn năm mà không sao hớp được một ngụm cho đỡ khát, chỉ thấy toàn sạn cát nóng.

²² Buổi sáng là giờ ăn của chư thiên. Buổi trưa là giờ ăn của Phật.

Cảnh trăng thanh gió mát thì do nghiệp báo quỷ thấy thành mặt trời nóng bức và ngược lại cảnh nóng bức thì thấy mát. Cây trữu đầy quả thì thấy khô cằn héo hon không có trái nào nên đâu có gì mà ăn.

Quỷ có bốn loại:

1/ Có phước: nên được ăn uống nhiều: a) Có thể lực lớn, cung điện trang nghiêm; b) Trông mong thờ cúng, đi trên hư không hoặc ở nhà của mình hoặc ở mộ địa được bà con cúng (vì trước có bố thí); c) Ăn đờm dãi, phân uế và các thứ thiu thối.

2/ Ít phước: được ăn chút ít: a) Lông kim: tự đâm, đâm thân mình, đau đớn cuồng chạy, lâu lắm mới được ăn chút như bản; b) Lông thối: Cào vốc nhỏ lông vì mùi hôi thối khiến rách da xé thịt, đau đớn ngày đêm, lâu lâu mới được ăn chút như bản; c) Bướu lớn: Nhức nhối, chảy mủ máu hôi thối, bốc lấy ăn cho đỡ đói.

3/ Không phước: Chẳng được ăn uống, đói khát cuồng chạy: a) Miệng thối; b) Toàn thân là lửa như cây đuốc; c) Họng kim, bụng lớn như cái trống.

Có rất nhiều quỷ như:

Vòng Khô

1. Quý bị vạc nước sôi nung nấu (làm nghề sát sanh hoặc có nợ không trả mà còn chống cự)
2. Miệng nhỏ như tròn kim
3. Ăn đồ mưa
4. Ăn phân
5. Ăn lửa
6. Ăn hơi
7. Ăn pháp (xưa kia nói pháp cầu lợi, nay đói khát, chỉ nhờ nghe pháp mà mạng được tồn tại)
8. Khô khan thèm nước uống
9. Hy vọng trông mong bà con cúng vái (buôn bán đổi trá lấy vật của người)
10. Ăn đồ khắc nhỏ (đã đem đồ bất tịnh cúng tăng)
11. Ăn tràng hoa (đã ăn trộm hoa của tam bảo)
12. Ăn máu (hay sát sanh)
13. Ăn thịt
14. Ăn nhang (hay ngửi và trộm nhang của chùa)
15. Đi nhanh, lửa cháy đốt thân
16. Mỗi lông trong mình đều tuôn lửa
17. Hắc ám: ở chỗ tối tăm có rắn cắn mổ (xưa kia vì mưu cầu tiền bạc mà vu oan)
18. Đại lực thần thông nhưng chịu nhiều khổ não (ăn trộm của người này, đem cho người khác)
19. Lúc nào cũng có cảm giác bị phùng cháy (giết người, cướp của)
20. Rình con nít đại tiện, tiểu tiện để ăn hơi khí bất tịnh
21. Dâm dục (quyến rũ người làm việc này để lấy tiền sinh lợi như tú bà tức chủ chứa gái)

Vòng Luân Hồi

22. Ở cồn biển (do lừa gạt người bình lấy tiền)
23. Cầm gậy hầu (làm quan nịnh vua tạo ác)
24. Ăn thịt con nít
25. Ăn tinh khí người
26. La sát (sát sanh)
27. Ăn lửa (tham ăn vật của tăng và Tam Bảo)
28. Ở các đường hẻm ăn đồ bất tịnh
29. Ăn gió (ura hứa xương, rồi không làm)
30. Ăn than (hành hạ tội nhân không cho ăn uống)
31. Ăn chất độc
32. Ở cánh đồng
33. Ăn tro nóng, chỗ thiêu thân người chết
34. Ở dưới gốc cây (người trồng cây để bố thí, mình ác tâm chặt đi)
35. Ở các nẻo đường giao thông (bóc lột khách đi đường)
36. Mara: Ma quỷ phá hoại người tu hành

Trong Nga Quỷ sự (kinh Petakhatha) liệt kê tên và hình tướng của các quỷ như:

1. Atthisankhalika: Chỉ có bộ xương bay trong hư không khóc la thảm thiết, chim đuổi theo mổ vào những kẽ xương
2. Mainsapesi: Quỷ hình như khối thịt bị chim mổ xẻ (sát sanh làm kẻ sanh nhai)
3. Mainsapinda: Quỷ hình như cục thịt (lúc sống làm thợ săn)
4. Vicchavi: thịt đỏ trùng rúc rìa

5. Asloma: Lòng như lưỡi dao nhọn bay lên, bay xuống đâm vào thân
6. Sattiloma: Lưỡi kiếm bay lên, bay xuống đâm vào thân
7. Usuloma: Mũi tên lên xuống
8. Suciloma: kim lên xuống (đã dùng sắt nhọn đâm thúc ngựa, bò, trâu chạy nhanh)
9. Cumbhanda: Ngọc hành thật to không ngồi được, cứ phải đi, chim mỏ rìa (xử oan người để đòi hỏi lộ)
10. Gidhakhadi: Ăn ở trong phân (đem đồ bất tịnh cúng dường tăng ni)
11. Okilini: Than nóng xối thân
12. Ansakabandha: Quý không đầu, mất mũi miệng ở giữa ngực (làm nghề đao phủ)
13. Pabbazila: thân lửa (xuất gia phá giới)
 Những quý kẻ trên đã phải trả quả trong địa ngục, nay chịu dư báo trong 10 kiếp đến 500 kiếp. Trai tăng hồi hướng phước báo có thể siêu thoát.
14. Vantasa: Lòng tóc xồm xoàm, chân tay cong queo, bụng to phình, răng lởm chởm, chân hôi thối, ghẻ lở, ăn đồ khạc nhổ, ở chỗ dơ bẩn (do xả bẩn, nhổ bẩn trên nền chùa)
15. Xumpa: Bụng phệ, mắt to bằng cái chén, răng bằng lưỡi cuốc, tóc phết gót, đầu to hơn thân, hôi thối tanh nồng, ăn rỗng máu mủ và tử thi, nhưng càng ăn càng

- đói (cúng dường những thứ cấm cho người tu)
16. Gutha: Ở gần cầu tiêu, ăn phân máu (xác xược với người tu, bòn xén với cha mẹ)
17. Aggisala: Thân lửa bốc khói, đói khát mà không thể chết (khinh báng tăng ni)
18. Sucimlbkha: Miệng nhỏ dài nhọn như cây kim, thân to lớn, trốn đời đói khát ở rừng sâu (keo rít để cha mẹ đói khát hoặc đến phá hoa, lá, vườn ruộng nhà chùa)
19. Xanhaji: Uống thì nước hoá lửa, ăn thì món ăn thành lửa
20. Nijjha: Miệng mọc đuôi dài hôi thối, chẳng bao giờ ăn uống (ác khẩu với tăng ni, chế giễu người tàn tật, ly gián người giới hạnh)
21. Sabbanka: Mình đầy ghẻ lở, ruồi nhặng bu khắp. Đói quá lấy móng tay nhọn như dao tự móc thịt ăn. Vừa ăn, vừa khóc, càng ăn càng đói. Loài quỷ này rất nhiều ở các thung lũng, núi non và cồn bãi. (bất hiếu cha mẹ, phản bội ân nhân)
22. Pappanka: thịt cứng như đất, lửa cháy đỏ, đói khát cả triệu năm ở trên (chửi oan người đức hạnh)
23. Ajagara: Thân dài như con trăn, mình lớn bằng con voi, nhiều đầu... khắp mình lửa cháy, đói khát trường kỳ, ngày đêm kêu khóc. Ở núi rừng cồn bãi có rất nhiều loài

- này (hung dữ mắng chửi cha mẹ và những bậc đức hạnh)
24. Vemanika: Nửa tháng thọ vui như cõi trời. Nửa tháng thọ khổ như ở địa ngục tra khảo chúng sanh. Đói khát đau khổ vô cùng (si mê nên ai rủ làm ác thì làm ác. Ai rủ làm phước thì làm phước)
25. Mahiddhika: Thân đẹp như Thiên Tử thần thông, có thần thông bay trong hư không, y phục toàn ngọc báu nhưng thân thể hôi thối, đói khát cả vạn năm. Món ăn cứ đặt vào miệng liền biến thành sắt nóng nung đỏ, cháy xém mồm miệng ruột gan (xuất gia, tà mạng, cầu danh lợi, phá giới)
26. Ahi: Minh rắn đầu người. Lớn như trái núi, giãy dụa khóc la, sống lâu trong rừng núi (sân giận phá chùa am)
27. Nimygga: Cứ phải cắm đầu xuống hàm phân, ăn đầy bụng mới trời lên được, rồi lại cắm đầu xuống cứ thế trọn đời (tà dâm để thống khổ cho vợ con. Tội ở địa ngục, nay là dư báo)
28. Sukara: Đầu heo, miệng lở thối (ác khẩu)
29. Manguhi: Lác, cùi, hôi thối, trôi nổi trong hư không, điều hâu mỏ cắn (mưu mô bóc lột người)
30. Chataka: Không quần áo, không ăn uống, sống lâu 90 kiếp. Giống quỷ này rất đông (do khi sống không kính ngời Tam Bảo)

31. Surruta: Ban ngày cầm buá đập nhau bề sọ, sung nát mình mẩy. ban đêm lửa cháy toàn thân. Đến sáng lửa tắt, lại cầm búa đập nhau. (buông lung uống rượu, chơi chọi trâu, chọi gà...)

Từ Bi Sám Pháp dạy:

1. Mỗi bên nách đều có vành sắt nóng đốt thân cháy rục (sadi chia bánh cúng chúng, ăn trộm hai chiếc kẹp nách)
2. Trên vai có bình nước sôi, tự tay lấy gáo múc xối trên đầu, đau đớn than khóc (Duy na nấu sữa nhưng không chia đều. Đợi khách tăng đi rồi mới chia cho chúng trong chùa. Những tội báo trên đều là hoa báo. Quả ở địa ngục).

Kinh Địa Tạng: Các quỷ vương có các hình tướng và tánh khí như mắt ác, ăn thai trứng, hành hình, ác độc, đa ác, đại tránh, huyết hổ, xích hổ, tán vương, phi thân, điện quang, lang nha, ăn thú vật, đội đá, chủ hao, chủ họa, chủ phước, chủ tài, chủ súc, chủ cầm, chủ mị, chủ sản, chủ tật, chủ mạng, chủ hiểm, ba mắt, bốn mắt, năm mắt, kỳ lợi thất, đại kỳ lợi thất, kỳ lợi xoa, đại kỳ lợi xoa, a na tra và đại a na tra.

Có bốn Thiên vương thống lãnh tám bộ quỷ thần:

1. Càn thất bà (nhạc thần)
2. Cưu bàn trà (hung dữ)
3. Tỳ xá đà (ăn tinh khí)
4. Tiết lệ đa (quỷ đói)
5. Phú đơn na (hôi thối)
6. Dạ xoa
7. Quỷ truyền thống
8. La sát (ăn thịt người)

Tương Ứng Bộ kinh kể tôn giả Mục Kiền Liên thấy ở trên hư không có một bộ xương vừa đi, vừa kêu khóc. Vô số kên kên xúm nhau mổ rĩa. Đức phật dạy đó là một tên đồ tể giết trâu ở thành Vương Xá. Nó đã bị nung nấu trong địa ngục hàng ngàn năm, nay chỉ là dư báo làm môi cho đàn chim kên kên.

Có người ăn mới có người giết. Đồ tể giết trâu quả báo như thế, còn người ăn thịt thì sao, chúng ta nên suy nghĩ việc này.

Đó là quỷ, còn ma thì thế nào? Ma tiếng Phạn là Mara nghĩa là hay cướp mạng, làm chướng ngại, làm rối rắm, làm phá hoại, não hại

Có bốn loại ma:

- 1) Phiền não ma: phiền não tham sân si, mười phiền, mười sử hay làm tổn thương não hại nơi thân tâm nên gọi là ma;
- 2) Âm ma: vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay sinh ra điều khổ não nên gọi là ma;
- 3) Tử ma: Cái chết nó hay đứt dứt các căn (gân máu) sanh mạng của chúng ta;
- 4) Tha hoá tự tại Thiên tử ma: tức ma Ba tuần ở tầng trời thứ sáu của cõi dục giới hay phá rối bậc tu hành.

Nên trong kính Lăng Nghiêm dạy một người phát nguyện mạnh mẽ thì mười phương cõi ma chấn động. Vì chúng sợ ánh sáng và thánh thiện, và hay phá ý chí của những bậc xuất gia này, nay thấy sự phát tâm dũng mãnh của hành giả thì họ lo sợ và cung điện của ma bị lay chuyển.

Nga quỷ và quỷ thần là khác nhau. Nga quỷ là đọa lạc đói khát, còn quỷ thần như đại lực quỷ vương, a-tu-la... là những quỷ có phước báo và thần thông, sống ở cõi trời và hộ chánh pháp. Quỷ mong có thể dùng thần thông dời núi lấp sông. Có vị ẩn hiện biến hóa kém hơn quỷ khác và có vị có oai đức chủng loại vô lượng. Các chánh thần có phước đức ở núi cao, sông lớn hưởng nhân gian cúng dường. Quỷ có phước nhưng kém đức như dạ xoa, la sát, lị mị... hưởng cúng máu huyết của các vật tế thần.

Nói chung, ma quỷ là những chúng sanh đói khát, khô đau và cô đơn. Vì thế ta phải làm thế nào để giúp cho ma quỷ tỉnh ra, hiểu biết được và mở cổ họng ra được. Chúng ta phải có lòng từ, kiên nhẫn và phải có định lực.

Mỗi trưa khi chư tăng độ gạo đều lấy ra khoảng bảy hạt cơm bỏ trong chén nước nhỏ để xuất sanh và tụng như sau:

Pháp lực khó nghĩ bàn
Bảy hạt khắp mười phương
Cúng dường khắp tất cả
Từ bi không chướng ngại.

Đồng không quý mẹ con
Đại bàng kim sí điều
Tất cả đều no đủ.
Án, độ lợi ích toá ha

Tất cả chúng quý thần
Tôi nay nguyện cúng dường
Com nay biến khắp mười phương
Quý thần đều no đủ
Nhờ nương pháp nhiệm màu.
Án mục lục lăng toá ha

Ít nhất chỉ bảy hạt cơm cho quỷ đói thôi, nhưng đó lại có thể là thức ăn cho tất cả chúng sanh. Lời tụng kinh cảnh tỉnh Phật pháp thấm đượm trong từng hạt cơm đó, với lòng mong muốn khiến các loại đói khát sớm thoát kiếp đọa lạc. Đó là lòng thương không ngăn mé, không bờ bến. Chúng ta biết rằng hễ có tình thương thì cái gì cũng giải quyết được hết, mà không có tình thương thì cái gì cũng giới hạn hết.

Cầu nguyện cho tất cả vong hồn đoản tử, chết bờ, chết bụi, té sông, rớt giếng, chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn, mười hai loại cô hồn và các loài quỷ kẻ trên sớm bỏ đường mê sanh về bến giác.

7/ ĐỊA NGỤC



Trong tranh vẽ cảnh địa ngục có cột đồng nóng bỏng, tội nhân nằm trên giường chông sắt nhọn hoắt, núi đao, rừng kiếm, suối máu nóng tưới vào thân. Có tội nhân chịu hầm xương thịt, có tội nhân bị treo trên nọc có đại bàng, chim cú tới thay nhau mổ rĩa thịt ăn và lửa đỏ cháy khắp nơi.

Những đau khổ ở cõi này kéo dài từ kiếp này sang kiếp khác. Đức Phật tận tình khuyên chúng ta phải tránh mười tập nhân địa ngục. Đó là tham dục, tham của, khinh mạn, sân giận, giả dối,

lừa gạt, hiềm oán, ác kiến, vu vạ và che dấu lỗi mình, bới lỗi người.

Tỳ Kheo Thiện Tinh cho chết là hết, không cần lo gì cả. Tỳ Kheo Ni Bảo Liên Hương tuyên bố rằng ái ân không phải là ác nghiệp, không có sao. Do tà kiến, hiểu sai như thế, nên cả hai vừa dứt hơi thở, thần thức tức khắc rơi vào địa ngục vô gián.

Nhân quả báo ứng vô cùng phức tạp, chỉ thánh nhân, bậc có định lực thâm sâu đã dùng vọng động, trí tuệ sáng tỏ mới thấy được việc này.

Đức Phật dạy khi lâm chung, thân thể chúng ta rã rời, không còn nghe thấy gì nữa. Ý thức hoang mang hiện ra nhiều cảnh, theo sự ghi nhớ trong một đời, đặc biệt là hiện ra những việc thiện ác đã từng làm. Nếu người lúc sanh tiền tạo ác nghiệp thì khi lâm chung thấy có nhiều dãy núi lửa lớn, thành sắt lửa cháy đỏ rực, biển lửa, núi lửa đỏ rực vây quanh không có đường ra. Có nhiều rắn lửa, chó lửa, ngục tốt đầu trâu, la sát đầu ngựa cầm thương xóc lừa tội nhân vào chỗ khổ.

Trong Nhị Khoá Hiệp Giải nói có những địa ngục như sau:

A. Địa ngục vô gián: vô là không, gián là ngừng; tức thống khổ không ngừng, triền miên lũy kiếp

B. Tám địa ngục nóng: Sức lửa mạnh, đến độ phỏng ước, hòn đá vuông ba thước khối bỏ vào lửa tức thời tiêu tan, hết hạn trong địa ngục này lại rơi vào các địa ngục phụ khác. Tám địa ngục là:

1. Đẳng hoạt: Chúng sanh móng tay sắt cào nhau rách thịt.
2. Hắc thẳng: Dây sắt trời, búa sắt chặt.
3. Chúng hợp: Hai núi ép cho thịt nát, xương tan.
4. Khiêu hoàn: Nấu trong vạc dầu, kêu la inh ỏi.
5. Đại hô: Nấu trong chảo sắt, liêng lên tám sắt quay rán.
6. Viêm nhiệt: Lò sắt rực nóng.
7. Chúng nhiệt: Ngục tốt (quỷ địa ngục) cầm cây thiết xoa đâm tội nhân, rồi để dựng đứng trong hầm lửa.
8. Xe lửa: Lộ da rồi để dưới xe lửa cho bánh xe nghiền nát

16 địa ngục phụ là:

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| 1. Rìu búa | 2. Chó sói |
| 3. Cây kiếm | 4. Rừng đao |
| 5. Cát đen (cháy da thối) | 6. Phân tiểu (sôi nóng) |

- | | |
|--|--|
| xương) | đổ vào miệng) |
| 7. Đinh sắt (đóng khắp thân) | 8. Nước đồng sôi (rót vào miệng) |
| 9. Hòn sắt nóng (bắt ăn) | 10. Vạc đồng (nấu sôi) |
| 11. Nhiều vạc đồng | 12. Cối đá (xay thân) |
| 13. Mủ máu (nấu sôi mình ở trong) | 14. Đầu sắt nóng (phải cầm đong lửa) |
| 15. Sông tro nóng (phải gieo thân vào) | 16. Hòn sắt nóng (tay nắm, sức lửa cháy khắp thân) |

C. Tám địa ngục lạnh: Cũng như địa ngục nóng, tuổi thọ như có 20 hộc mè, cứ mỗi 100 năm lấy ra 1 hộc. Lấy hết hạt mè là hết tuổi thọ. Tám địa ngục lạnh là

1. Án phù đà (tội nhân trong đó rét ngắt, thịt nát nhừ)
2. Vi lại phù đà (gió lạnh thổi tới, thân thành bột nước)
3. A tra tra (lửa khua ra tiếng a tra tra)
4. A ba ba (môi đập thành tiếng)
5. Ấu hầu hầu (từ cuống họng phát ra)
6. Uất ba la (thịt như ướp đá thành màu tái xanh)
7. Ba đầu ma (thịt đỏ tươi)
8. Phân đà hợi (lạnh chẻ xương trắng).

Ngoài ra trong nhân gian có các địa ngục rải rác ở các núi, trong lòng nước, ngoài cánh đồng.

Trong kinh Lương Hoàn Sám nói nơi địa ngục có vông sắt, tối tăm, hang sắt, xe đao, đá nhọn, máy sắt, hầm than, rừng gai, rừng cháy, nước sôi, đá mài, than nóng, trâu cày, hổ lang và phun lửa.

Còn trong kinh Địa Tạng nói có địa ngục thông thương (phóng đâm), sông lửa, dao bay, tên lửa, đao binh, núi đao, bùn lầy, trâu sắt, chó sắt, lửa sắt, ôm cột đồng nung đỏ, kéo lưỡi cho trâu cày, đốt tay, đốt chân, ăn mắt, tranh cãi, nhiều sâu, voi lửa, chó lửa, ngựa lửa, trâu lửa, núi lửa, đá lửa, cưa răng, giường lửa, lột da, uống máu, treo ngược, nhà lửa, nhà sắt, thành lửa, rút lưỡi, chém chặt, mổ xẻ, ngu si, khóc lóc, mỏ sắt nhọn, giếng lửa, sỏi bay và gió nóng.

Khế kinh dạy: “Bị thiêu đốt trong địa ngục chưa gọi là khổ. Chỉ ngu dốt không biết đường đi mới gọi là khổ. Vì ngu si là gốc nguồn tội.”

Nếu những ai phá luật phạm giới, hủy báng Phật pháp, làm tổn thương đến tuệ mạng của chúng sanh, nên phải chịu quả báo địa ngục trong nhiều kiếp. Chúng sanh gây những nghiệp dữ khác, khi đã đền tội hết rồi thì tái sanh làm quỷ để chịu các quả báo còn lại của các nghiệp dữ đã gây ra. Đến khi dư báo trong loài quỷ đã chịu đủ, ác quả của các nghiệp dữ cũng đã hết rồi thì mới lên làm súc sanh, trả lại các nợ cũ.

Nói tóm lại, những nhân quả trong ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều do tự mình gây nhân và chuốc lấy quả. Những nhân quả đó không phải từ trên trời sa xuống và cũng không phải do người khác đưa đến, mà chính do những vọng tưởng giả dối chấp có cái ta thật, có sự vật thật, nên mới hoá thành có thật. Tất cả đều do tự tâm huân tập tự tâm, bằng những tư tưởng xấu, làm cho tự tâm hiện ra những quả báo xấu. Nếu ngộ được bản lai tâm tánh, thì tất cả sự vật đều như huyễn như hoá, vốn không có ai làm và làm gì, vốn không có ai chịu và chịu cái gì.

Lại trong kinh Lăng Nghiêm, mục ‘Nghiệp quả tiếp tục’²³ Đức Phật dạy trong lúc lấy thân súc sanh trả các nợ cũ, nếu trả quá phần mắc nợ thì trở lại làm người, đòi lại những cái đã trả dư. Như thế trong đường luân hồi, chúng sanh vay trả, trả vay lẫn nhau, nhất là khi mắc nợ thân mạng dù đã trải qua vô lượng vô số kiếp vẫn phải trả.

Chúng sanh gây ác nghiệp, khi chịu hết quả báo huân tập và đối đãi rồi, trở lại làm người, thì tùy theo tập quán trước kia mà thành những người có tư tưởng khác nhau, có những người thông minh, có những người ngu dại. Thế mới biết được

²³ Nt, trang 292-3.

sinh làm người, không phải là dễ. Nếu không học hiểu chánh pháp, biết nhân biết quả, bỏ dữ làm lành, lỡ ra phải sa vào đường dữ thì rất khó trở lại làm người được.

Trịnh Công Sơn trong bài hát ‘Xa dấu mặt trời’ hát rằng:

“Hôm nay thức dậy, không còn thấy mặt trời, không còn thấy loài người, vây phủ quanh đời, nói tiếng yêu thương. Hôm nay thức dậy, không còn thấy mặt trời, không còn thấy mặt người, hay mình đã lạc loài. Hôm nay thức dậy ôi ngán ngơ tôi. Hôm nay thức dậy mê mỗi thân tôi”

Đây là trạng thái nghiệp thức lạc loài vào một cảnh giới của tâm. Cảnh đó tệ hơn cõi người có thể là cõi ngạ quỷ và địa ngục mới không thấy được mặt trời, mặt người....

Trong câu kết của bức tranh sáu (hoặc bảy) cảnh giới khô này là:

“Anh đang sống trong vòng quay tròn của bánh xe luân hồi. Đầu tóc anh đang bị lửa cháy. Nếu anh vội vàng dập tắt lửa trên đầu thế nào thì việc ra khỏi sanh tử cũng phải vội vàng như thế.

Ái dục là gốc khổ đau. Hãy dập tắt ngay lửa ái dục.”

Trong kinh Lăng Nghiêm²⁴ Đức Phật khai thị chỗ hư vọng của bảy loài để khuyến khích tu hành đúng pháp:

“Này A-nan, xét rõ bảy loài: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, thần tiên, trời và A-tu-la như thế đều là những tướng hữu vi tối tăm, giả dối tướng tượng thọ sanh, giả dối tướng tượng theo nghiệp, đối với tâm tánh diệu viên minh, bản lai không năng tác, sở tác thì đều như hoa đóm giữa hư không, vốn không dính dáng, chỉ cái hư vọng, chứ không có cội gốc mạnh mẽ gì.”

A-nan, những chúng sanh đó, không nhận được tâm tánh bản lai, chịu luân hồi như thế trong vô lượng kiếp, mà không chứng được chân tánh thanh tịnh, đó đều do chúng thuận theo những sát, đạo, dâm hoặc ngược lại ba cái đó thì lại sanh ra không sát, không đạo, không dâm.

Có thì gọi là quỷ, địa ngục, bàng sanh; Không có thì gọi là trời, thần tiên. Có và không thay nhau và phát khởi ra tánh luân hồi. Chúng sanh theo vọng tướng phân biệt thì không ra ngoài

²⁴ Nt, trang 745-6.

cái có và không. Dục giới có sắc có dục. Sắc giới có sắc không dục. Vô sắc giới không sắc không dục đều không thoát ra khỏi cái có và cái không của phát khởi tánh luân hồi.

Đến đây chúng ta thấy mâu chốt của luân hồi rồi.

Trong sáu đạo luân hồi, bốn cõi dưới khổ não bức bách không thể nào tu hành. Cõi trời thường bị cảnh vui gây mê. Duy chỉ có loài người đủ giác tỉnh và thông minh để làm nguyên liệu giác ngộ. Làm người là cơ hội duy nhất để tự chuyển hoá. Nếu ta để lỡ thì lại một thời gian vô cùng tận nữa mới gặp như ví dụ mùa mưa tìm bông cây. Được thân người thật khó. Trong số làm người mấy ai may mắn gặp được Phật pháp? Và người biết đạo, biết tu lại càng hiếm hoi khó thấy.

Sở dĩ có bảy cõi khác nhau đều do phận trong và phận ngoài nặng hay nhẹ. Hay nói cách khác là do trong tâm ta tỉnh hay tưởng nhiều hay ít.²⁵

“A-nan, tất cả thế gian sống chết nối nhau, sống thuận theo tập quán, chết thì đổi sang dòng khác. Khi gần mệnh chung, chưa hết hơi nóng,

²⁵ Kinh Lăng Nghiêm, 687-8.

thiện ác một đời đồng hiện ra, cái nghịch của chết, cái thuận của sống, hai tập khí giao xen lẫn nhau.

- Thuần là tưởng thì bay lên, chắc chắn sinh lên cõi trời, nếu trong tâm bay lên gồm có phúc đức, trí tuệ cùng với tịnh nguyện thì tự nhiên tâm được khai ngộ, thấy tất cả tịnh độ thập phương chư Phật, theo nguyện mà vãng sanh.

- Tình ít tưởng nhiều, cất lên không xa thì làm Phi tiên, đại lực quý vương, Phi hành da xoa, địa hành la sát đi khắp bốn cõi trời không bị ngăn ngại. Nếu có nguyện tốt, tâm tốt hộ trì Phật pháp hoặc hộ trì cấm giới, theo người trì giới, hoặc hộ trì thần chú, theo người trì chú, hoặc hộ trì thiền định, giữ yên pháp nhẫn, thì những vị đó chính mình được ở dưới pháp tòa Như Lai.

- Tình tưởng ngang nhau, không bay lên, không đọa xuống thì sinh nơi nhân gian, tướng sáng suốt nên thông minh, tình u ám nên ngu độn.

-Tình nhiều tưởng ít thì đi vào các loại bàng sanh, nặng làm giống có lông, nhẹ làm giống có cánh bay lên.

-Bảy phần tình ba phần tưởng chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi mê hỏa luân chịu khí phần của lửa hồng, thân làm ngọc quý, thường bị đốt

cháy, vì nước có thể hại mình nên trải trăm ngàn kiếp, không ăn không uống.

-Chín phần tình, một phần tưởng, xuống thấu qua hỏa luân và giữa giao giới của phong luân và hỏa luân, nhẹ thì sinh vào hữu gián địa ngục, nặng thì sinh vào vô gián địa ngục.

-Thuần là tình thì chìm sâu vào ngục A-tỳ. Nếu trong tâm chìm sâu đó lại có hủy báng đại thừa, phá cấm giới của Phật, lừa dối nói pháp để tham cầu tín thí, lạm nhận cung kính hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng thì lại còn sinh vào địa ngục A-tỳ thập phương.

Theo ác nghiệp gây ra, tự chuốc lấy quả báo nhưng trong đồng phận chung vẫn có chỗ sẵn.

Chúng sanh mê làm chấp ngã, lấy phân biệt làm tâm, lấy xác thịt làm thân, nên phải theo với cái thân, cái tâm này mà xoay vần trong đường sanh tử.

Chúng sanh trong mỗi nghiệp, lúc đương sống thì hàng ngày hành động theo nghiệp thức hiện tiền của mình, nhưng đến khi chết thì lại phải tùy theo sự huân tập mà đổi sang nghiệp khác.

Việc ác thuộc về phận trong. Việc thiện thuộc về phận ngoài. Hai thứ này đua nhau lôi kéo tâm thức đi lên hoặc đi xuống. Như thế tất cả lục đạo đều do chúng sanh tự mình gây ra nghiệp nhân, rồi tự mình chịu lấy quả báo. Quả báo giống nhau thì thọ cảnh giới giống nhau. Quả báo khác nhau thì thọ cảnh giới khác nhau.

Tâm không giác ngộ thì chỉ thấy thế giới, còn tâm giác ngộ thì thay vì thấy thế giới ta thấy được pháp giới. Chúng ta biết rằng địa ngục là một sáng tạo của tâm thức cá nhân và cộng đồng và chúng ta có thể thoát ra được. Nếu tâm tạo ra địa ngục thì tâm cũng có thể làm ngưng địa ngục. Nếu chúng ta làm cho tâm tịnh độ phát hiện thì tự nhiên tịnh độ sẽ phát hiện. Chán ghét hỏa ngục, mong ước tịnh độ thì tự nhiên tâm sẽ hướng về tịnh độ. Quay lưng lại địa ngục và xoay mặt về tịnh độ thì thế nào tịnh độ cũng hiện tiền. Đây là tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm.

Trong Mông Sơn Thí Thực tụng rằng:

“Lửa đốt thành sắt chảy
Cô hồn đói khát than van
Muốn sanh về chốn lạc bang
Hoa Nghiêm phúng tụng vài hàng như sau:
Nếu muốn biết rõ
Ba đời chư Phật

Quán pháp giới tánh
Đều do tâm tạo.”

Muốn phá địa ngục cho người khác, thì chúng ta phải thoát ra khỏi địa ngục của chúng ta trước. Muốn mở những dây oan cho người khác thì những sợi dây oan khổ của chính ta, phải được mở ra trước, nghĩa là mỗi chúng ta phải có lòng từ bi, tha thứ, thương yêu và không chứa hận thù thì sẽ không có địa ngục hiện diện ở cõi này.

CHƯƠNG V

VÒNG 12 NHÂN DUYÊN



Đây là vòng 12 nhân duyên. Nhân là đưa đến kết quả (năng sanh). Duyên là giúp nhân thành quả (sở sanh). 12 nhân duyên còn gọi là 12 hữu chi (có cành nhánh), 12 trùng thành (gặp nhân duyên

tạo thành), 12 kinh cước (chỉ móc nối với nhau), 12 liên hoàn (liên đới và trở lại). Tùy khả năng đoạn một khoen là cả vòng 12 khoen tan rã.

Sao mai vừa mọc ngày mùng 8 tháng 12, bồ tát Cô Đàm chứng ngộ lý Duyên khởi tức 12 nhân duyên này. Từ đó, ngài dùng ánh sáng duyên khởi làm đuốc soi đường, mở cửa bồ đề cho thế gian chúng sanh.

12 vòng (khoen) nhân duyên là

1. Vô minh
3. Thức
5. Lục nhập
7. Thọ
9. Thủ
11. Sanh

2. Hành
4. Danh sắc
6. Xúc
8. Ái
10. Hữu
12. Lão tử

1. VÔ MINH



Vẽ hình ảnh bà già mù chống gậy đi trong rừng xương. Rừng xương vì xương sống, xương sụn chúng ta đã bỏ từ bao kiếp luân hồi.

Mù là không sáng, khởi niệm quên lũng chân không diệu tánh. Rừng là cũ kỹ, rậm rạp là nhiều. Con đường toàn xương chúng ta đã đi từ vô thủy, chúng ta đã biết chán chưa? Chúng ta còn

đăm đăm trước mắt chuyện con rắn, con heo, con gà trước mắt, còn tham lam, giận hờn cả ngày, đâu có thời gian nhận được mình là bà già mù đi trong rừng xương.

Quán duyên khởi, thấy mối tương quan của vạn pháp, huyễn sanh, huyễn diệt. Người có trí biết thương kẻ đồng nghiệp, tha thứ khoan dung những mê dại, một lòng từ bi hỉ xả để độ tha.

Vô minh là khởi vọng niệm khiến quên mất chân tánh và mất sự sáng suốt của trí tuệ. Do vô minh nên mới tạo nghiệp thiện hay ác để tiếp nối vòng luân hồi sanh tử là hành. Cho nên vô minh (là hoặc, nhân) duyên với hành (là nghiệp, quả).

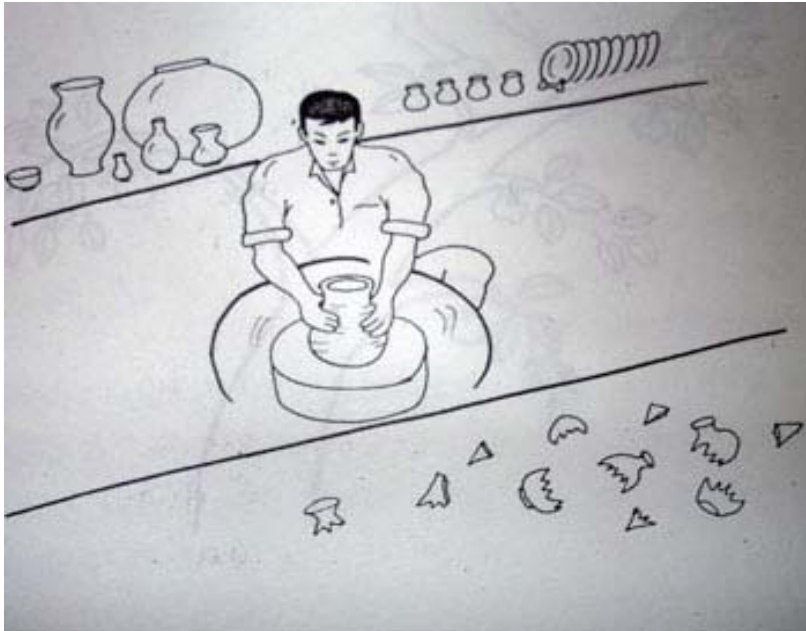
Thập triền (phân, phú, hôn trầm, thụy miên, hỷ du, trạo cử, vô tâm, vô quý, khan và tật đố). Triền là dây trói buộc chúng sanh, khiến chúng ta không ra khỏi sanh tử được mà bị ràng buộc hoài, không thoát khỏi được sợi dây ái nhiễm, dục nhiễm để lên bờ giải thoát an lạc. Thập triền này là thức ăn của vô minh. Khi vô minh bị đoạn trừ thì minh khởi.

Chúng ta cần phải trau dồi trí óc mình, thay đổi hiểu biết và chuyển hoá mình bằng những kho tàng tri kiến của các bậc cổ đức, cần mở mang và hoàn thiện tâm hồn bằng những dấu vết bước đi của người xưa.

Chìa khóa hạnh phúc là tánh giản dị. Từ đó, đầu óc ta rảnh rang để lo sự nghiệp tâm linh, không nuôi dưỡng ba con gà, rắn và heo nữa.



2. HÀNH



Trong kinh Pháp Cú, Đức phật dạy: nếu mình nói hay hành động với tâm thanh tịnh hay ô nhiễm thì an vui hay khổ não sẽ theo liền với mình như bóng theo hình hay như bánh xe lăn theo bước chân con bò.

“Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo

Nếu với ý ô nhiễm
Ta nói hay hành động
Khổ não sẽ theo ta
Như bánh xe lăn theo
Bước chân của con bò.”²⁶

“Ý dẫn đầu các pháp
Ý làm chủ ý tạo
Nếu với ý thanh tịnh
Ta nói hay hành động
An vui sẽ theo ta
Như bóng chẳng rời hình.”²⁷

Như anh thợ gốm đang nắn chiếc bình. Nắn khéo thì bình đẹp (thanh tịnh). Vụng thì bình méo (ô nhiễm).

Hãy nắn cẩn thận tức là chính thân miệng ý hiện tại đang tô điểm hoặc bóp méo tương lai của chúng ta. Làm thiện thì cuộc đời mai sau sẽ huy hoàng. Mê đại xấu ác thì thâm hại đau thương đang chờ đợi, tức hành vi hiện tại đem quả báo mai sau nên Hành duyên Thức, nghĩa là những hành vi hiện tại có năng lực tiềm ẩn, điều khiển thúc đẩy tâm thức trong chiều sâu, để dẫn dắt hữu tình đi đến tương lai. Nghiệp thường xuyên thay đổi theo

²⁶ Dhammapala, tr. Ven. Narada Maha Thera, Maha Bodhi in Sarnath, 2000, (versse) kệ số 1.

²⁷ Dhammapala, (versse) kệ số 2.

tâm biến hoá của mình như người thợ tùy sở thích mà nắn vụn hình ngàn kiểu.

Nương lời dạy của Đức Phật, biết rõ hành uẩn duyên sanh, vô thường vô ngã, nhờ định lực, hành vô hành, đắc vô đắc, có thể dừng bước trên con đường sanh tử vô tận.

Kinh Tương Ưng III, Phẩm Tham Luyến²⁸, Đức Phật dạy:

“Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.”

Đức Phật dạy sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư và pháp tư là tâm suy nghĩ về sắc thanh hương vị xúc pháp, 6 trần gọi là Hành. Tư là động lực đưa đến tái sanh, tức là tùy bàn tay khéo vụng mà thành bình đẹp xấu.

²⁸ Xem Web: www.buddhismtoday.com, phần 22b

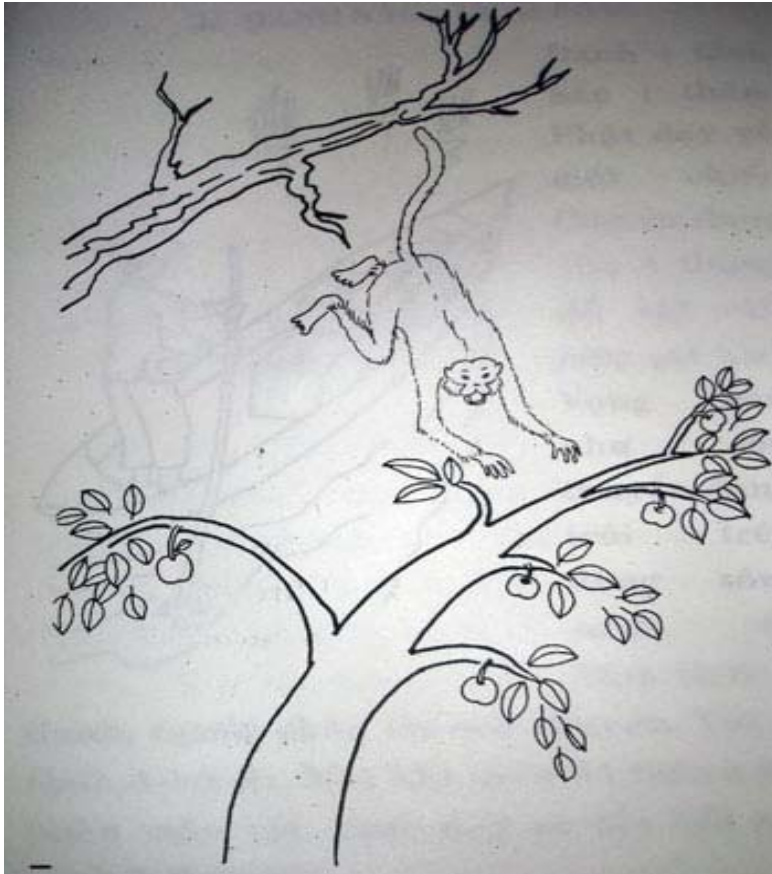
Ý nghiệp là căn bản sanh tử. Tâm trong sạch là gốc giải thoát. Ý thanh khiết là nền tảng tiên hóa. Ý nghiệp niệm niệm phan duyên, kích động sáu căn, dung thông khắp cơ thể. Bao nhiêu nghiệp thiện ác nặng nhẹ, ý đều làm chủ. Ý nghiệp vi tế rất khó khăn cho chú mục đồng chân giữ. Chúng ta phải tự điều phục tâm mình như kinh Pháp Cú dạy:

“Người dẫn thủy, dẫn nước;
Kẻ làm cung, nắn tên;
Người thợ mộc, uốn ván;
Bậc chí thiện, tự điều.”²⁹

Tâm ta như một dòng sông. Sự chuyển động của dòng sông là tổng hợp của tất cả những chuyển động từng giọt nước. Cũng thế, tâm chúng ta là một chuỗi thiện ác, vui buồn yêu ghét. Sự liên tục xê dịch, đổi dời, triền miên chuyển động biến hóa này là Hành ám. Rời các niệm tưởng suy nghĩ không có hành ám nên nói hành vô ngã.



3. THỨC



Tranh vẽ cảnh chú khỉ nhảy từ cành này sang cành khác. Cành cũ (nghiệp cũ) đã khô cằn, cành mới trĩu đầy quả (có thể lành hay độc). Tâm thức

thật thể ở khắp pháp giới nhưng vì vô minh cứ gặp cảnh là thọ khổ vui, khởi yêu ghét. Không ngờ đã mắc chỗ đầu thai đưa đến danh sắc. Thân sau gọi là tái sanh. Thân này là hậu quả của năm uẩn cũ. Thần thức theo nghiệp chịu báo tái sanh để đền ơn hay trả oán hoặc hưởng phước hoặc chịu tội gọi là thức duyên danh sắc.

Tâm thức là một chuỗi biến đổi duyên sanh làm sống bào thai và là cái biết của sáu giác quan sau này. Nếu định nghiệp sắp làm con trai thì thân trung âm dấy niệm thương mẹ. Nếu là con gái thì thân trung âm dấy niệm thương cha. Nhơn lòng yêu làm hạt giống, nạp trứng điên đảo nên thai đê gá vào mẹ, nên nó là hành duyên thức. Cái hành nó chuyển náu qua thức.

Khi thần thức hoan hỉ với lúc cha mẹ giao hợp, ba hơi nóng hay điểm này (cha, mẹ, trung âm) hòa hợp với nhau như một điểm hồ đặc ở trong tử cung. Thức ấy là tinh thần; tinh cha huyết mẹ là vật chất. Bảy giờ trong bào thai có ba nguyên tố là mạng sống, hơi ấm của ba lửa (cha, mẹ, thần thức) và thức: tánh biết, tánh Phật mà khi cuộc vào thân người thì gọi là thức A-lại-da. Khi đầu thai, thức này đến trước nhất, rồi lần hồi nảy sanh bảy thức kia. Thức tâm là danh (phân vô hình), phôi thai là sắc (hữu hình) nên báo thức duyên danh sắc, thức leo qua danh sắc.

Lớn lên khi sáu căn tiếp xúc sáu trần sinh phân biệt sáu thức. Ném mật ong thì ngon ngọt, ăn ‘cơm không’ ta thấy vị lạt nhạt nhẽo. Các thực phẩm mỗi thứ, một vị nhưng khi bài tiết ra, chúng chẳng khác nhau. Cái tô so với cái tách là lớn nhưng so với cái chậu lại bé. Tâm phân biệt theo nghiệp mà nhuộm màu vạn vật. Thế giới sáu trần chính nó tạo ra toàn những bất đồng.

Đường ngọt, muối mặn, khổ vui, động tĩnh chung quy cũng chỉ là nhân duyên sanh nên vô ngã, vô thường, khổ và không. Chỉ cần chúng ta luôn tự chủ và sáng suốt. Những cảm giác khởi lên chúng ta ghi nhận, biết rồi để mặc chúng tan đi với tánh cách vô thường của chúng. Vọng tâm như con khỉ nhảy nhót, ưa thích rồi chán bỏ, rồi lại ưa thích rồi lại chán bỏ... giác quan tiếp xúc sự vật. Yêu và ghét phát sanh, thế là có tâm si mê đứng đây. Nhưng với chánh niệm thì đây là lúc trí tuệ phát sanh. Chánh niệm bắt buộc phải có mặt ở một nơi mà các giác quan bị quấy rầy. Đừng ngại, giác ngộ không có nghĩa là điếc hay mù, chỉ cần chánh niệm, không dính mắc. Bản chất là ảo ảnh nên sáu trần tự trôi qua. Điều cần yếu là phải học cách kiểm soát và làm chủ con khỉ.

Tám thức phân biệt tài tình tuyệt diệu.

1. Nhãn thức tâm vương là chủ tể biến ra thế giới màu sắc, hình tướng.

2. Nhĩ thức tâm vương biến ra thế giới âm thanh.
3. Ty thức tâm vương biến ra thế giới thơm hôi.
4. Thiệt thức tâm vương biến ra thế giới ngọt chua.
5. Thân thức tâm vương úm bala biến ra thế giới nóng, lạnh, trơn và rít.
6. Ý thức là hoàng đế tâm vương tài ba lanh lẹ, quán xuyên vào các pháp trần, chiếu rọi quá khứ, hiện tại, vị lai và thống lý cả năm quốc gia trên.

Năm thức trên tuần nghiệp theo duyên biến ra năm trần cảnh, kiến hoặc chấp năm trần là thật. Ý thức phân biệt xấu đẹp hay dở là tư hoặc. Kiến hoặc, tư hoặc là gốc trầm luân.

Ai chăm quán vô ngã, vô ngã sở thì ý thức chuyển thành Diệu quan sát trí, mở đường cho tạng thức trở về đại viên cảnh trí, thành chánh đẳng chánh giác.

Thật ra nhãn thức không nhìn thấy cảnh bên ngoài đâu.

- a. Thần kinh: ta đang nhìn sự vật ở thần kinh trong con mắt. Do ánh sáng mặt trời chiếu vào bông hoa ở ngoài vườn, phản chiếu qua con ngươi vào thị giác thần kinh.

- b. Bóng ảnh: tâm liền thấy một bóng ảnh gọi là nhãn thức đã sanh.
- c. Bóng ảnh theo nghiệp người: theo nghiệp người, cha mẹ, gia đình, nhà trường đã dạy ta gọi là hoa vạn thọ... Trước kia ta yên chí là ta thấy bông hoa thật ở ngoài vườn. Đâu ngờ mình chỉ thấy bóng ảnh ở thần kinh của nghiệp người, theo duyên hiện lên gọi là nhãn thức sanh; rồi lại theo duyên tan đi, gọi là nhãn thức diệt.

Bóng ảnh này không phản ảnh trung thành sự thật đâu. Nó theo duyên ánh sáng mặt trời, giả hiện trong lòng mắt đang tối của loài người. Mắt cua tròn xoe lồi ra ngoài hắt lãn tia sáng một cách khác. Bông hoa hiện lên hắt cũng phải là một hình sắc khác. Các công nghệ sản xuất gương hiện nay minh chứng điều đó cảnh vật tuần nghiệp phát hiện. Thế cho nên, nhãn thức hư vọng vô ngã và nhãn thức hư vọng thế nào thì cái thấy qua năm thức kia cũng vậy.



4. DANH SẮC



Phật dạy vẽ một chiếc thuyền đang chở bốn thùng đồ vật (đất, nước, gió và lửa). Vọng thân như con thuyền đang trôi trên dòng sông sanh tử.

Danh là tâm (sắc là đất nước gió lửa) chính những yêu ghét mừng giận của chúng ta hàng ngày đưa chúng ta đi đầu thai, như khi theo nghiệp leo

trèo mà có lên hay xuống. Đức Phật gọi bào thai là danh sắc.

Tâm là danh, người chèo lái con thuyền tức thức A-lại-da. Một khi thân đã thành tựu hoàn mãn rồi, thức này sẽ lần hồi nảy sinh bảy thức kia. Cái nghiệp (vọng thân) của mình như thuyền đang trôi trên dòng sông sanh tử. Có Danh Sắc bào thai thì có sáu căn. Nên danh sắc duyên lục nhập.



5. LỤC NHẬP



Lục Nhập là sáu căn (bào thai hoàn mãn ra khỏi bụng mẹ). Phật dạy vẽ nhà có sáu cửa vì sáu trần sẽ từ sáu căn đi thẳng vào tâm.

Căn nhân trần phát ra cái biết và trần nhân căn mới có tướng hiện; từ đó thức phân biệt là đầu mối chia chẻ nhị biên, khiến ngã tánh sai lầm mọc rễ. Chủ thể nhận thức (tâm) và đối tượng nhận thức (cảnh) dựa nhau đồng khởi là do môi giới sáu căn.

Kinh Lăng Nghiêm³⁰, mười phương Như Lai khác miệng đồng lời xác nhận rằng: “Đầu nút câu sanh vô minh khiến luân hồi sanh tử chính là sáu căn, cho nên y sáu căn mà cởi gỡ thì được tịch thường đạo quả an vui giải thoát” (Tri kiến lập tri tức vô minh bản; tri kiến vô kiến tư tức Niết bàn).

Thế thì sở dĩ bây giờ chúng ta là chúng sanh và Phật là bậc thánh vì với ngài khi sáu căn tiếp xúc sáu trần ngài không khởi niệm, còn chúng ta là chúng sanh thì mở tung các căn như căn nhà mở toang các cửa để thu nạp và lãnh trần cảnh, rồi tính toán khôn dại, hơn thua, lợi hại. Thế là vô số tham, sân, si khởi dậy và tạo ra nghiệp sát, đạo, dâm, vọng...

Do có sáu căn mở toang tiếp cảnh ngoài nên có xúc chạm, vì thế lục nhập duyên chuyển níu qua xúc.



³⁰ Nt, trang 354-7.

6. XÚC



Căn trần xúc chạm (mắt xúc sắc, tai xúc thanh, mũi xúc hương, lưỡi xúc vị, thân xúc chạm và ý xúc pháp) nhưng nguy hiểm nhất là nam nữ hai thân xúc chạm. Đây là nguồn chảy thành biển trầm luân sanh tử thế gian.

Thân này là quả của dục nhiễm. Rồi trong lúc có thân, chúng ta lại tiếp tục tạo vô số các nhân mới để tạo quả vị lai. Hàng ngày yêu thích cái áo này, ký tên với cây viết này mới chịu, làm việc với

người mình hạp, chỉ thoả mãn với món ăn mình thích, chỉ nói chuyện hay email với người mình ưa... những việc nhỏ nhỏ đó đều biểu lộ chủng tử ái nhiễm, lòng tham ái của con gà hay bò câu và ta cứ vô minh, vô tình hay cố ý tạo những hạt giống chủng tử đó.

Thế nên bốn phận đầu tiên của người xuất gia là hộ sáu căn (hộ mắt đừng để thấy sắc ái nhiễm, hộ tai đừng nghe tiếng bậy, hộ lưỡi đừng thốt lời ám muội, hộ mũi đừng ngửi hương son phấn, hộ thân đừng đam mê xúc chạm, hộ ý đừng để tư tưởng bất chính khởi lên). Quán thân do bốn đại đất nước gió lửa giả hợp, không ta, không người, không thọ và không mạng.

Sự xúc chạm là pháp không có. Chỉ có sự có mặt hai duyên căn trần. Rộng quán sát sẽ thấy tất cả vạn pháp đều không tự có. Thực sự chỉ là sự có mặt của duyên. Ai am hiểu sự thật này là hiểu Phật pháp.

Không nhận thức được thật tướng của các pháp, không thấu đáo được chân tướng của chính mình, không có chánh kiến là vô minh. Bà già mù vô minh vẫn ngự trị muôn loài cho tới bao giờ chúng ta chịu mở mắt theo ánh sáng giác ngộ của Như Lai.



7. THỌ



Hàng ngày chúng ta thọ cơm ăn, thọ nước uống, thọ dưỡng khí hơi thở, thọ hơi ấm mặt trời. Rồi chấp thủ đất, nước, gió, lửa vô thường này là ta. Thân kiến là gốc tất cả tà kiến. Cho thân là ta nên mỗi khi căn chạm cảnh, tâm liền thọ trần mà có khổ vui. Tất cả chỉ có thọ ấm vọng lãnh nạp hư phát minh mà thôi. Thọ uẩn là yếu tố kích thích, trói buộc và sai sử chúng ta rõ ràng nhất.

Thọ thì khổ vì có nhận lãnh là có khổ. Thọ thân này là thân riêng của ta. Thọ tâm này là tâm riêng của ta là cái thọ đầu tiên để từ đó có những cái thọ khác. Nào là thọ cái ăn, thọ cái mặc, thọ nơi ở, thọ sắc, thanh, hương, vị, xúc, thọ những cái làm ta thích thú, thọ những cái cần thiết, thọ những cái không cần thiết, rồi thọ những cái xa xỉ, thọ những cái thừa thãi, vô ích vì thói quen góp nhặt tham lam không thể bỏ qua. Mỗi chúng sanh, mỗi cuộc đời là một chuỗi những thọ nhận liên tiếp.

Thọ cuộc đời là một trường đau khổ (khổ đế: tám khổ). Còn nhiều nỗi khổ khác do thọ mà ra như nhận được của quý thì nơm nớp sợ mất, lo giữ nhưng chắc gì còn với mình? Người giàu sợ mất của. Người có địa vị sợ mất địa vị. Người có người yêu sợ mất người yêu. Người có danh vọng sợ mất danh vọng. Thọ thuận thì vui, thọ nghịch thì khổ. Thọ không thuận không nghịch thì si. Đây là lạc thọ, khổ thọ và si thọ. Tóm lại ba thọ đều là khổ.

Thân vô ngã (vọng thân vì bao gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý), tâm cũng vô ngã (là vọng tâm vì thọ, tưởng, hành và thức là không). Thân và tâm không phải là hai thực thể riêng biệt, độc lập và tách rời. Chúng luôn đi đôi, quan hệ liên đới chặt chẽ, đồng xuất phát từ một tạng thức u mê nhưng tải tình kỳ diệu.

Hàng ngày sáu căn tiếp xúc sáu trần, thọ khổ vui, tưởng yêu ghét, hành suy nghĩ và thức phân biệt. Ai cũng biết thọ chỉ là cảm giác nhân duyên sanh. Đã là cảm giác thì hãn hư vọng. Nhân duyên sanh là trong chấp ngã (cho thân này là thật), ngoài chấp pháp (cho sáu trần là thật). Ví dụ: Mắt nhìn thấy một người thân thương, tâm vui (thọ lạc, vui vì gặp thuận cảnh, đưa đến ái ngã); Nhìn ra vườn thấy ai đẹp những chậu hoa cúc dễ thương của mình đi, bực bội (khổ thọ, vì chạm cảnh trái ý). Nhìn cảnh không buồn không vui (si thọ vì chấp có ta đang nhìn cảnh ấy). Nếu vui từ tâm ra thì sao không thường vui, nếu vui từ cảnh ra thì can hệ gì đến ta, rõ ràng thọ trống rỗng hư vọng không thật thể. Hàng ngày sáu căn tiếp xúc sáu trần, nuôi dưỡng ba độc tham sân si. Các tổ có tuệ giác nên bình thản, gọi là xả thọ.

Chúng sanh cho thọ là vui nên càng thọ càng tốt, càng vui hơn. Đức Phật dạy thọ thì khổ.

- 1) Hoại khổ: ta gọi vui (lạc thọ), Phật gọi là hoại khổ vì vạn pháp tánh chất vô thường, quá khứ đã qua, hiện tại đang mất, thấy vui chỉ là do pháp trần lạc tạ ảnh tử.
- 2) Khổ khổ: ta gọi khổ (khổ thọ), Phật gọi khổ khổ vì thân sanh già bệnh chết đã khổ còn thọ thêm cảnh khổ bên ngoài.

3) Hành khổ: ta gọi bình thường, không khổ không vui (si thọ), Phật gọi là hành khổ vì si mê cho căn trần là thật, chấp ngã chấp pháp càng huân càng dày thì quyết định chỉ đi đến tam đồ khổ báo, thế nên cả ba thọ đều khổ.

Thọ khổ là khổ, vì tăng trưởng sân não.

Còn bình thường huân tập ngu si không tuệ, nên thọ si là khổ.

Còn vui thì tăng trưởng lòng tham, lún sâu vào biển vô minh, khó nghĩ tới sự ngóc đầu ra, nên lạc thọ cũng là khổ.

Dòng sông là những giọt nước đang xê dịch. Thân thể ta là một dòng sông. Vô biên tế bào đang chuyển biến. Tâm ta cũng là một dòng sông. Các cảm thọ sanh diệt, diệt sanh không ngừng, theo sự hoạt động của sáu giác quan. Cảm thọ vui đưa đến tham luyến, khổ đưa đến chán bỏ. Mỗi cảm thọ đều kích thích tham và sân nổi dậy. Có chánh niệm thì tình trạng thay đổi. Cảm thọ được diễn biến chiếu soi dưới ánh sáng của ý thức. Chánh niệm không nhận cảm thọ là ta nữa, không nói tôi ưa thứ này, tôi chịu thứ kia, tôi vui, tôi khổ.

Kết quả đầu tiên là khôi phục lại chủ quyền, do đây cảm thọ đã mất đi ma lực của nó

Kết quả thứ hai là thấy được nguồn gốc của cảm thọ là vô minh. Do chấp ngã, chấp pháp mà có cảm thọ.

Kết quả thứ ba là biết tự tánh cảm thọ hư vọng, không có bản chất, chỉ là những cảm giác sanh và diệt theo nhân duyên.

Có khi tu tập cả chục năm qua rồi mình vẫn chưa thấu đáo được những ý nghĩa này. Xin hãy suy nghĩ.

Cả ngày gặt gồng cau có do nguyên nhân vì thức khuya, thiếu ngủ, đây là cảm thọ khổ gốc từ sinh lý. Bị một người bạn hiểu lầm, bực tức, thọ khổ, đây gốc là từ tâm lý. Đi về thấy ai bày trong phòng mình rác bần, đồ đạc lộn xộn bừa bãi, phát cáu, đây là thọ khổ vì vật lý. Được khen ta vui, quán chiếu, khám phá ra căn bản thọ vui là từ ngã ái và lạc thọ này đưa đến ảo tưởng. Có tỉnh ra mới tránh được những tự hào, tự mãn vô ích. Một khi lạc thọ ảo hoá tan biến nhường chỗ cho những niềm vui lành mạnh có tác dụng nuôi dưỡng giác ngộ, trưởng dưỡng thánh thai, thế nên cảm thọ rõ ràng bất định. Khổ vui tùy theo bản chất mọi người.

Bởi vậy, Phật dạy vẽ tranh luân hồi minh họa sự xúc thọ như người bị mũi tên độc bắn vào mắt.

Nếu người khôn thì rút ra rồi, nhưng chúng ta cứ cắm mũi tên ấy tự đâm vào mình từ sáng đến chiều, ngày này sang ngày khác cho nát thây ra, nếu có ai hỏi thì rút ra đâm vào người khác nữa. Ví dụ có người nói vu oan cho ta, tức là mình bị một mũi tên đâm vào mắt, vào tim, chúng ta đâu có chịu quên lời nói trái tai ấy đâu. Mỗi lần nhớ là một lần đâm sâu vào mắt. Chưa đủ, ta lại điện thoại hay email cho người ở Sa Đéc, Cà Mau... rồi Ấn độ, Hoa kỳ... kể nỗi oan khổ của mình cho người khác nghe, thế là đưa tiếp những mũi tên khác đâm vào mắt người khác. Cứ thế mỗi ngày chuyển không biết bao nhiêu mũi tên đi để tự đâm vào mắt người mà không biết, lời thị phi đó chỉ là trò chơi của động và tĩnh, là làn sóng âm ba, là cái không có. Chỉ khi ta xả thọ mới an ổn tinh thần, tìm được sự thanh thản mát mẻ. Một thiền sư nói rằng:

“Thị phi rơi rụng như hoa sớm
Để lòng băng lạnh với gió sương.”

Hàng ngày quán chiếu thân, tâm và cảnh đều giả nên an định tinh thần. Mũi tên có bay đến, nhưng ta không nhận và không giữ, thế là chúng tự gãy và rụng xuống như hoa rơi. Nếu không thế thì dù xuất gia vẫn sâu kết phiền não, gồng gánh trọn đời.

“Kẻ hơn mua oán,

Thua ngủ không yên,
Hơn thua đều xả,
Tự tại bình an.”³¹

Yêu tương tư là mũi tên cắm phập sâu nhất.

“Thương em mười kiếp vẫn chờ
Trăm ngàn năm nữa vẫn thương em mà”.

Vì lạc thọ và ái ngã đưa đến tham đắm, dẫn vào biển vô minh, cho nên đời đời, kiếp kiếp ràng buộc gặp nhau hoài. Mũi tên này nhiều vị độc, mũi tên tình ái. Ngạn ngữ Pháp có câu: “Có ba loại người không sợ trời sập là kẻ điên, kẻ say và người đang yêu” vì những kẻ này bị tên cắm quá sâu, đắm nhiễm mà không màng gì đến sự nguy hại xung quanh.

Tứ Niệm Xứ là kiện tướng để hàng phục vọng tưởng hay thọ tướng ái nhiễm này. Chúng ta từ nhiều kiếp quay cuồng chỉ vì bốn đảo:

1) Thân bất tịnh mà cứ quý chuộng mê say cho là nơi nương tựa;

2) Thọ thì khổ mà cứ khao khát, những mong càng được nhiều càng hay;

³¹ Dhammapala, câu 201.

3) Tâm vô thường, vọng tưởng mà cứ tin chắc là một phiên thủy chung sáng suốt;

4) Pháp không thật mà cứ cho nội sáu căn, ngoại sáu trần, chặng giữa là sáu thức là thật.

Quán chiếu thuần thực mới không nô lệ sáu trần, khôi phục lại quyền an nhiên tự tại.

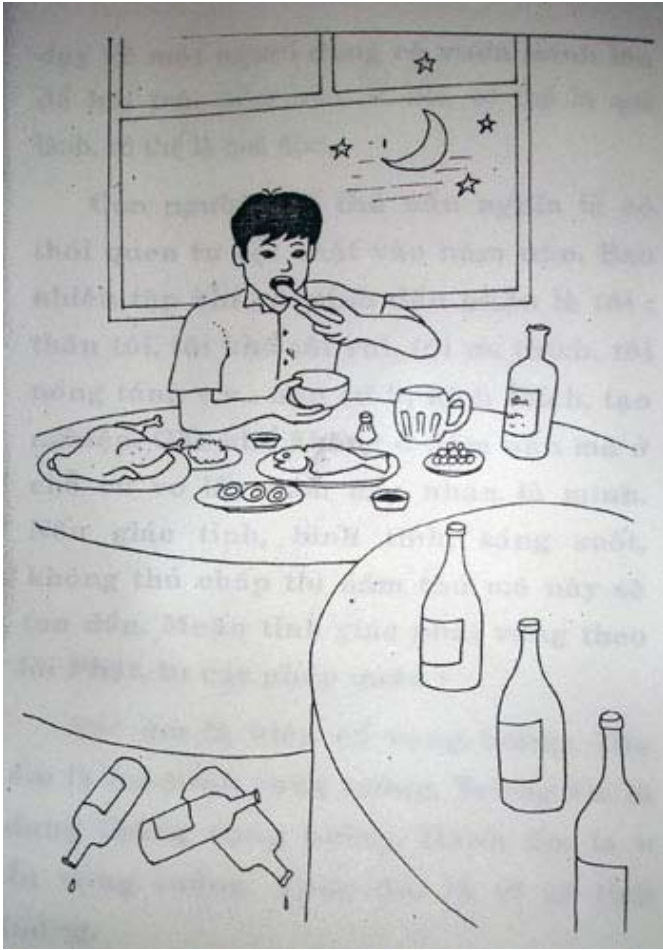
Tứ niệm xứ dạy chúng ta dùng hơi thở quán chiếu sự có mặt của khổ vui, của tình cảm ái nhiễm, rồi từ từ điều phục. Hơi thở nhẹ nhàng an tịnh dần dần. Thân tâm nhẹ nhàng an tịnh dần dần. Cứ như thế chúng ta an tịnh hoá cả ba thọ, ba tướng. Chánh kiến thấy rõ nguồn gốc, bản chất và hậu quả của những cảm thọ khổ vui, nên giải thoát được sự không chế của nó. Đối trị thọ với chánh niệm là không nhận các thọ là mình. Biết nguồn gốc thọ là vô minh, tánh nó là hư vọng.

Quang trạch được khu rừng năm âm sẽ được hưởng bình an, thông thả đi trong đời không bị dính mắc, là con đường đưa đến Niết Bàn.

Hãy quán có thọ thì có khổ. Có lãnh thọ nhiều thì khổ nhiều. Có lãnh thọ ít thì khổ ít. Đức Phật dạy như nhiên để nó đến rồi đi, thọ mà không thọ. Các tổ có tuệ giác nên bình thân gọi là xả thọ.



8. ÁI



Như người say rượu, đã uống mấy chai rồi, say lỉ bỉ, mấy chai không nằm ngổn ngang lăn dưới đất. Trên bàn một chai để sẵn, sắp sửa uống và còn

mấy chai nữa sắp hàng chờ đợi. Ý nghĩa bức tranh này cho ta biết khát khao thọ cảm vẫn vô tận trong lòng muôn thú, trong lòng chúng sanh, quá khứ cũng thọ ái dục, hiện tại vẫn thọ và mãi đến vị lai. Ái dục ngọt ngào khiến càng say sưa đắm đuối, mất chánh kiến.

Tri giác khởi liền sau thọ. Yêu thích tham luyến tiếp liền sau thọ vui. Ghét bỏ xa lánh tiếp liền sau khổ thọ. Do đó, hết yêu đến ghét, hết ghét lại yêu, cứ vậy triền miên niệm niệm vọng tưởng. Thật ra tưởng tức không, vì rời đối tượng hiện tại và các pháp trần nhớ về quá khứ, vị lai, tưởng quả tình không có, chỉ đối duyên tạm có, duyên diệt ảo tưởng liền tan.

Ngài Quán Tự Tại bồ tát thấy nghe hay biết đủ thứ, không bị che mờ, không bị chi phối, tất cả hay dở, lành dữ đều bay qua như gió thoảng, như hư không. Được như vậy nên hết khổ. Lời nói là hư vọng, chỉ là trò chơi động tĩnh, trò chơi của khí hơi, do không khí chuyển động (làn sóng âm ba) mà thính giác thần kinh tự biến ra âm thanh để phân biệt. Trí tuệ Bát Nhã biết lời nói là gió thoảng nên không bận lòng, không ôm không khí chuyển động đó để suy nghĩ rồi sinh oán ghét hay thương yêu.

Thực hành sâu xa Bát Nhã không có nghĩa là chìm đắm trong tư lự đó mà là tâm an định tự tại

không gián đoạn. Tâm an định một phiến. Tưởng uẩn không lúc nào bị chi phối. Thế là hết khổ. Chúng ta khi đang quán thì tưởng uẩn từng lặng. Nhưng khi xúc sự vẫn nhận vọng tưởng là mình. Thế là thực hành Bát Nhã chưa sâu nên hễ đụng chuyện liền khổ.

“Ái bất nhiễm bất sanh ta bà” vì nhân ái nhiễm nên chúng ta hiện diện ở đây. Vì thế, Đức Phật dạy ở khoen ‘xúc’ rằng sự xúc chạm của nam nữ là cội nguồn chảy thành biển trầm luân sanh tử thế gian.

Loại tình cảm được đề cập đến nhiều nhất trong các thi ca nhân loại đó là tình yêu nam nữ. Đây là loại tình cảm mãnh liệt hơn các loại tình cảm khác bởi vì nó liên quan đến bản năng sâu kín của con người. Con người luôn muốn chiếm đoạt về mình mẫu người có thể đem lại hạnh phúc cho mình, đây là tâm lý vị kỷ. Tình nam nữ có sự thôi thúc âm thầm của hoạt động tình dục, một loại hoạt động gây khoái cảm xác thịt rõ rệt nhất là duyên hệ lụy ràng buộc của nhiều đời, là nguồn máy để tạo ra bánh xe luân hồi quay chuyển. Nếu không có thiện căn thâm sâu, không có nguyện lực kiên cố, không có thiện tri thức hỗ trợ thì tăng cũng như tục khó thoát khỏi lưới ái nhiễm này.

Nhìn sâu vào thì tình yêu cũng chỉ là bản chất ích kỷ tăng thêm ngã ái, ngã luyến; người thương

mình nên mình thương lại và đây cũng là sự hưởng thụ của bản năng con người. Chính bản năng thích hưởng thụ đã thúc đẩy nam nữ tìm đến nhau để mưu cầu hạnh phúc và ngược lại nó cũng thúc đẩy họ làm khổ lẫn nhau (biết bao nhiêu vợ chồng cãi cọ, gây gỗ, đánh nhau, li dị, ngoại tình; nhưng ngược lại cũng có những cặp có tình thương chân chính, có sự hy sinh, độ lượng, vị tha... thì tình yêu chân thật đó có thể giảm bớt đi màu sắc bi quan của bản năng ích kỷ).

Mặt trái của ái (yêu) là ó (ghét). Yêu thích điều này, chán ghét điều khác, nên thọ duyên ái ó. Ca dao Việt Nam có câu:

“Thương nhau cau sáu bỏ ba
Ghét nhau cau sáu bỏ ra làm mười.”

Hay:

“Thương nhau trái ấu cũng tròn
Ghét nhau bồ hòn cũng méo.”

Yêu cũng nhớ mà ghét càng nhớ hơn. Tâm vướng mắc dù thân không ở gần nhau nhưng vẫn mang nỗi không ưa trong lòng. Ràng buộc khổ não đâu có chịu xả ra mà càng mong nhớ thì càng si mê. Càng mê càng khổ, càng khổ càng mê. Cứ thế đi đến vô cùng. Chúng ta có hai câu thơ:

“Vũ vô kèm tỏa năng lưu khách,
Sắc bất ba đào dị nịch nhân.”

Mưa không có dây nhợ nhưng có khả năng lưu giữ bước chân khách.

Mỹ sắc của giai nhân không phải sóng lớn ba đào nhưng có thể chìm anh hùng hào kiệt.

Đây là sức mạnh của ái tình và lòng ái nhiễm.

Kinh Pháp cú có rất nhiều lời dạy của Đức Phật về lòng ái nhiễm như:

“Dòng ái đục chảy khắp,
Như dây leo mọc tràn,
Thấy dây leo vừa sanh,
Dùng kiếm tuệ đoạn gốc.”³²

“Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu khổ tự tiêu dần,
Như nước giọt lá sen.”³³

“Biết thân như bọt nổi,

³² Dhammapala, tr. Ven. Narada Maha Thera, Maha Bodhi in Sarnath, 2000, (versse) câu 344.

³³ Nt, câu 336.

Giác thân to huyễn hóa,
Bẻ mũi tên ma ái,
Vượt tâm mắt tử thân.”³⁴

“Người nhật hoa dục lạc,
Tâm ái nhiễm mê cuồng,
Đắm say trong dục vọng,
Bị nô lệ tử thân.”³⁵

“Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là khổ,
Những ai không yêu ghét,
Không có thể buộc ràng.”³⁶

“Luyện ái sinh ưu tư,
Luyện ái sinh sợ hãi,
Ai giải thoát luyện ái,
Không ưu không sợ hãi.”³⁷

“Tham ái sinh ưu tư,
Tham ái sinh sợ hãi,
Ai giải thoát tham ái,
Không ưu không sợ hãi.”³⁸

³⁴ Nt, câu 40.

³⁵ Nt, câu 349.

³⁶ Nt, câu 211.

³⁷ Nt, câu 214.

³⁸ Nt, câu 218.

Trong Tương Ưng: “Từ vô thủy luân hồi, này các Tỷ Kheo, không dễ gì tìm được chúng sanh trong thế gian này lại không lần nào làm cha hay làm mẹ.”

Tuần báo News Week ra ngày 03 tháng 11 năm 2003, Robert J. Samuelson, một kinh tế gia nổi tiếng nói:

“Thường những người trẻ thì muốn già hơn, còn người già thì muốn trẻ hơn. Đây chẳng qua chỉ là một đoạn đường trong nỗ lực kiếm tìm hạnh phúc thiên thu bất tận của con người”.

Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật dạy rất rõ về giới dục nhiễm³⁹ này:

“Nếu chúng sanh lục đạo các thế giới, cái tâm không ái nhiễm, dục vọng không theo dòng sanh tử tiếp tục. Nếu tu theo pháp tam muội cốt để ra khỏi trần lao, nếu không trừ lòng ái nhiễm thì ra khỏi trần lao được. Dù có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu không đoạn trừ lòng ái nhiễm thì không ra khỏi trần lao được. Dù có nhiều trí thiên thiên định hiện tiền, nếu không đoạn trừ lòng ái nhiễm thì cũng lạc vào ma đạo. Hạng trên thành ma vương, giữa thành ma dân, dưới thành ma nữ. Các

³⁹ Kinh Lăng Nghiêm, trang 553-5.

bọn ma này cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành đạo vô thượng.

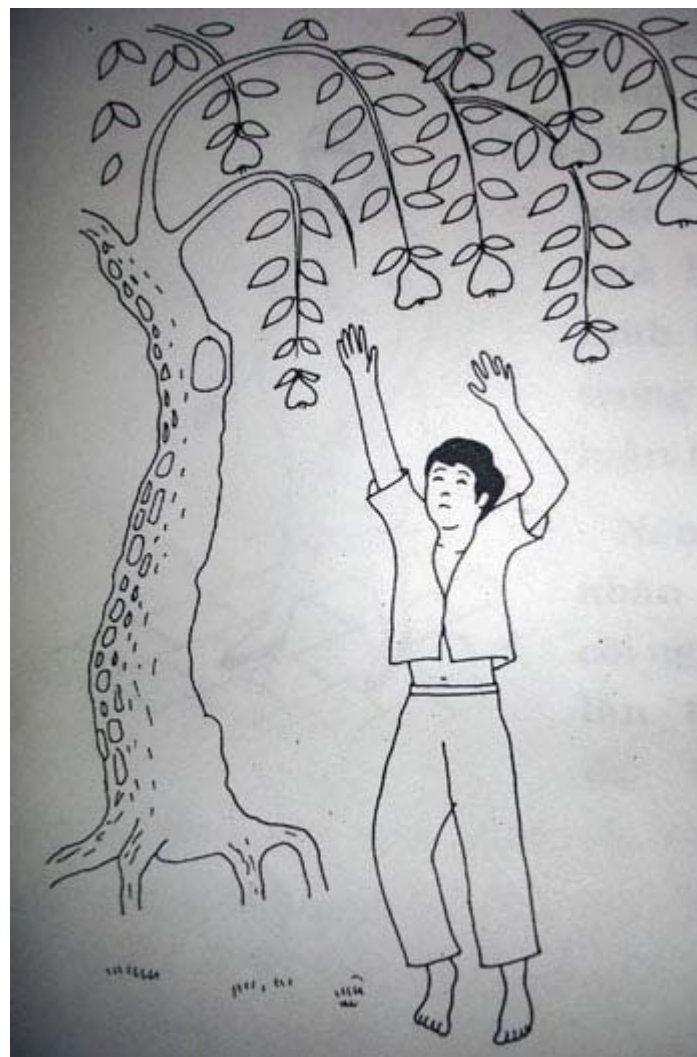
Sau khi Như Lai diệt độ, trong thế gian có nhiều loại ma này, giả làm thiện tri thức, khiến các chúng sanh sa vào hầm ái kiến, bỏ mất con đường bồ đề. A-nan, nếu ông dạy chúng sanh tu pháp tam-ma-đê trước hết phải đoạn dục vọng trong tự tâm. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các đức Như Lai, Phật, Thế Tôn. Thế nên A-nan, nếu không đoạn lòng ái nhiễm, tà hạnh mà tu thiên định thì cũng như nấu cát, nấu đá mà muốn thành cơm. Dầu trải qua trăm ngàn kiếp cũng chỉ gọi là cát nóng, đá nóng. Vì có sao? Vì đó là giống cát, giống đá, không phải là bản nhân của cơm vậy.

Ông đem thân tâm cầu diệu quả của Phật, dầu được diệu ngộ cũng chỉ là gốc dục vọng, cội gốc đã thành dâm thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi, còn đường nào tu chứng niết bàn. Chắc phải khiến cho thân tâm đều đoạn hết giống ái nhiễm cho đến tính đoạn cũng không còn nữa thì mới trông mong chứng quả bồ đề của Phật. Như lời tôi nói đây, gọi là lời nói của Đức Phật. Không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần.”

Ma ba tuần là ma ở trên cõi trời dục giới hay phá hoại bậc tu hành bằng hình thức hiện mỹ nữ hay dùng danh lợi để lung lay chí nguyện người tu hành.



9. THỦ



Tâm đã có thủ chấp, yêu ghét đã quyết định thì hăng hái tạo nghiệp, nên Phật dạy về một người đang cô vuron mình lên để hái trái (có thể quả độc hay lành), không biết xả đi để tìm an vui tinh thần.

Bởi lòng tham ái càng ngày càng thâm, càng nhiều nên bốn ba theo đuổi tìm kiếm khắp nơi, giáp xú để tiến thủ lấy công việc làm ăn, ở và lo bảo thủ lấy tên tuổi công danh, sự nghiệp, người thương... nên nói ái duyên thủ. Hễ yêu muốn sự chi thì nó chuyên leo đến để bám giữ. Ái và thủ thuộc hoặc.

Con người là năm thủ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành và thức) nghĩa là có thói quen tự cột chặt vào năm uẩn. Bao nhiêu tập khí vô minh đều nhận là tôi: thân tôi, tôi khổ, tôi vui, tôi ưa thích, tôi nóng tánh... nên cứ bị kích thích, tạo nghiệp. Góc khổ không phải ở năm uẩn mà ở chỗ cứ vơ lấy năm uẩn nhận là mình. Nếu giác tỉnh, bình tĩnh, sáng suốt, không thủ chấp thì năm thứ mê này sẽ tan dần. Muốn tỉnh giác phải vâng theo lời Phật, tu các pháp quán: sắc ấm là kiên cố vọng tưởng, thọ ấm là hư minh vọng tưởng, tưởng là dung thông vọng tưởng, hành ấm là u uẩn vọng tưởng và thức ấm là vi tế tinh tưởng.



10. HỮU



Hễ có thủ chấp liền tạo nghiệp nên vẽ một thiếu phụ mang thai (tạo nghiệp là gieo vào tạng thức một cái nhân để ngày mai có quả báo trong sáu nẻo luân hồi, như cái thai là nhân sau này thành hài nhi).

Giữ năm giới là nhân sanh về cõi người. 10 thiện là lên cõi trời. Có thêm thiện định thì lên sắc và vô sắc giới. Tất cả những hành vi thiện lành mà không có trí tuệ Bát Nhã soi sáng, đều có một năng lực tiềm ẩn để trở quả trong tương lai, kéo dài hành trình sanh tử, nghĩa là khi chúng ta làm một Phật sự hay phước thiện gì mà không quán tam luân không tịch (ta không, người không và sự bỏ thí là không) hay quán đây diệu dụng để trang nghiêm biển phước bờ đề mà thường chúng ta muốn hưởng quả của việc làm đó, thì chúng ta sẽ được quả, do đó chúng ta cứ đi lên để hưởng phước thiện ở cõi trời, người và a-tu-la, nhưng cũng có khi đi xuống để đền nợ, trả oán, chịu quả ở cõi địa ngục, ngạ quỷ và bàng sanh, do đó bánh xe luân hồi lăn hoài từ vô thủy (không chỗ bắt đầu) không khi nào ngừng đến vô chung (không chỗ kết thúc).



11. SANH



Vẽ đứa trẻ sơ sinh từ bụng mẹ sanh ra. Đã có thân hình ắt có sợ hãi, có già bệnh, đây là một ô phiền não, đây là nguồn gốc của tất cả khổ đau.

Vũ trụ là một cơ thể sống thống nhất với nhau, trong đó mọi vật thể dường như đều có một sức sống thâm kín thâm sâu, ẩn dấu bên trong dù đó là chất hữu cơ hay vô cơ (hữu tình hay vô tình).

Tất cả đều theo quy trình sanh, trụ, dị và diệt. Ngay cả sự hủy diệt của một hành tinh, cũng chỉ là sự sinh hoá kế tiếp theo sau của vũ trụ. Ngay cả một chiếc lá vàng rơi rụng, một gốc cây khô già cỗi, một bô lão nằm xuống... cũng không nằm ngoài tiến trình sống của nhân loại và vạn hữu. Tất cả đều sống và đều sinh hoá vô tận.

Krishna Murti, nhà văn và triết gia Ấn độ đã nói rằng: “Sáng nay hoa lá vĩnh viễn, vượt thời gian và tư tưởng, bao dung tình yêu và niềm vui... Hoa sẽ chết đi chiều nay, nhưng ẩn tàng sự sống. Cánh hoa nào cũng chết, nhưng chết trong sự sống. Cánh hoa nào cũng sẽ rơi nhưng rơi trong sự sanh khởi...”

Trong vòng quay của hữu tình và vô tình, sự sống được biểu hiện rõ nét nhất nơi đời sống của sinh vật qua quá trình giao phối của hai giao tử đực và cái, nam và nữ, cha và mẹ để cho ra đời những dòng giống tiếp tục duy trì chủng loại đó gọi là sanh.

Nếu định nghiệp sắp làm con trai thì trung âm thân đầy niệm thương mẹ, nếu là con gái thì đầy niệm thương cha. Lấy lòng yêu làm hạt giống, nạp tưởng diên đảo nên thai để gá vào mẹ.

Khi thần thức hoan hỉ với lúc cha mẹ giao hợp, ba hơi nóng hay điểm này (cha, mẹ, trung âm) này nhập cục với nhau như một điểm hồ đặc ở trong tử cung. Thức ấy là tinh thần; tinh cha huyết mẹ là vật chất. Bấy giờ trong bào thai có ba nguyên tố:

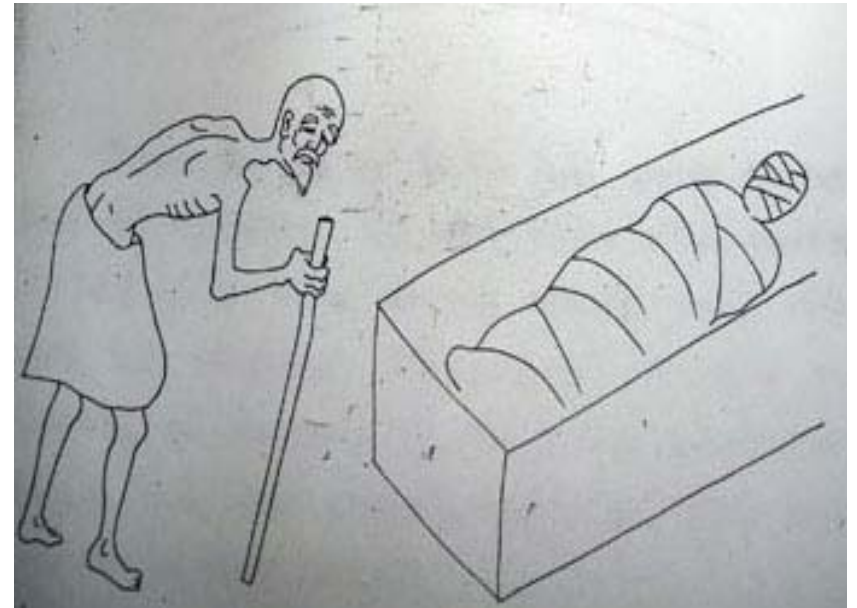
1) Mạng sống có kỳ hạn của thai sanh;

2) Hơi ấm của ba lửa (cha, mẹ, thần thức lẫn giữa khối tinh huyết ấy kêu là nhất điểm chơn dương);

3) Thức: tánh biết, tánh Phật mà khi hòa nhập vào thân người thì gọi là thức Alaida. Khi đầu thai, thức này đến trước nhất, rồi lần hồi nảy sanh bảy thức kia.



12. LÃO, BỊNH VÀ TỬ



Chết là cái chắc chắn đến với mỗi chúng ta, nhưng khi nó đến vẫn mang cho chúng ta một nỗi bàng hoàng, một sự đau buồn to lớn... nhưng dù thế nào đi nữa, nó cũng là một sự cảnh tỉnh chúng ta rằng mạng sống con người thật ngắn ngủi, không thể đoán trước được và thật mỏng manh.

Chết là tiếng gọi chung từ tử thần, là một định nghiệp chung và là mẫu số chung cho tất cả chúng ta.

Chết nhắc cho chúng ta về bản chất phù du của mạng sống ngắn ngủi, khiến ta phải suy nghĩ lại về mình và khuyên chúng ta sống có ý nghĩa hơn, đừng lãng phí thời gian theo những theo đuổi tầm thường, theo những hoạt động vô tích sự, những lời nói sáo rỗng, những bảo thủ ngu dốt, những sở hữu vật chất tầm thường... vì những cái này kết cuộc chỉ gây đau khổ cho chúng ta.

Khi linh hồn chúng ta đi ra khỏi thế giới này thì những sở hữu, những thành tựu, những danh tốt, tiếng thơm đều trở thành vô dụng, chỉ có bản chất đạo đức con người mới có tồn tại... chỉ có tính chánh trực, lòng tốt, kiên nhẫn, trí tuệ và sự hy sinh hết lòng vì người khác là còn mãi. Hãy tu tập những phẩm tánh cao thượng này, thì cái chết đến sẽ là một sự ra đi nhẹ nhàng, là một sự hoàn thành lớn và không có gì để sợ hãi. Chết sẽ là sự hoan hỉ nên đánh vang tiếng trống, vui mừng vì ta đã hoàn thành nhiệm vụ. Sanh tử đã hết, gánh nặng đã đặt xuống, những việc cần làm đã làm xong. Không còn gì nữa.

Đức Phật dạy đối trị lòng tham ái xác thân bằng hạnh đầu đà và quán về cái chết (cửu tưởng quán).

Tập thấy mình là một xác chết, một tử thi. Một cô gái trẻ đẹp đi qua kia chỉ là những bộ xương bọc thịt, phủ một lớp da, xúc dầu thơm, bản chất là 32 thể trực đang chuẩn bị hoá dòi mùn nát trở về với cát bụi.

Niệm thân để đối kháng lại chỗ thấy biết rất sai của mình.

Cháu đưa đám ông, con đưa đám cha. Cứ thế nối dòng dào hồ vô thường, kiếp kiếp đời đời không thay đổi tri kiến, không thay đổi lối sống.

Tập thấy cơ thể ta và người chỉ là những tập hợp vô thường đầy khốn khổ. Do đây giải thoát khỏi những hiểm nguy của tham ái.

Nghĩ đến cái chết, đến sự hủy diệt, ta sẽ không quyến luyến cuộc đời. Do đó tâm được hoan hỉ và định tâm. Bởi biết sự vật đúng chân tướng của nó, ta không bị ràng buộc.

Nếu chúng ta không quán cái chết và tính tất nhiên của nó, chúng ta sẽ không có sự chuẩn bị, chúng ta sẽ trở nên mất chánh niệm khi cái chết đến, nhất là đối với người thân trong gia đình, bạn bè hay chính bản thân chúng ta. Vì vậy, hãy chuẩn bị hành trang tâm lý cho cái chết thanh bình. Nếu chúng ta để đời sống của chúng ta chạy theo vật

chất thì chúng ta sẽ chết trong lo âu và tiếc nuối. Ngược lại, nếu chúng ta sống hết lòng phục vụ mọi người với tấm lòng từ bi thì chúng ta có thể chết với tâm an ổn, hạnh phúc. Thế nên phương pháp tốt nhất để chuẩn bị cho sự chết là hãy sống một đời sống tận tụy phục vụ con người với trọn vẹn lòng yêu thương của mình.

Phần đông chúng ta bị nghiệp và các thứ cảm xúc ngăn che không cho thấy bản tánh. Những hành nghiệp tiếp tục trói buộc chúng ta vào vòng sanh tử không cùng tận. Bởi thế mọi sự đang bấp bênh, tùy thuộc cách ta đang sống, suy nghĩ ngay giờ phút này. Nếp sống hiện tại của ta có ảnh hưởng đến suốt kiếp vị lai.

Đó là lý do cấp thiết khiến ta phải chuẩn bị con đường của mình với thái độ thông minh. Cần tránh thảm kịch quay tròn khổ nhọc trong 12 nhân duyên. Kiếp sống này là thời gian và nơi chốn duy nhất cho ta chuẩn bị. Ta chỉ có thể thực sự chuẩn bị bằng cách trở về chân tâm. Tổ Liên Hoa dạy: ‘Đời người ngắn ngủi, đâu có thời giờ để tâm lang thang. Cần thấy nghe quán tưởng không xao lãng để cầu giác ngộ. Có ba dụng cụ là văn, tư, tu có thể giúp chúng ta thấy được sự thật ta là ai và thể hiện niềm vui giải thoát gọi là trí vô ngã.’

Sống và chết là một chuyển tiếp. Đức Phật không can thiệp vào đường đi của nghiệp lực. Đức Phật chỉ giảng về cơ cấu và tác động của nó. Nguồn gốc của tái sanh là tham sân si. Mà tham sân si được vẽ trên nền xanh hư vọng nghĩa là huyền hóa không có, vì thế nhà thiền gọi là không gốc:

“Vốn từ không gốc,
Từ không mà đến,
Lại từ không mà đi,
Ta vốn không đến đi,
Tử sanh làm gì lụy.”

(Thiền sư Như Trùng Liên Giác)

“Sanh từ chỗ nào đến?
Chết sẽ đi nơi nào,
Biết được chỗ đi đến,
Mới gọi người học đạo.”
(Thiền sư Hương Hải)

Đức Phật dạy chúng ta có năm pháp bất định là

1. Mạng sống bất định: mạng sống là tuổi thọ, chất âm, thức thứ tám duy trì mạng căn, là năm uẩn, là sáu căn, sáu thức hoạt động... Nó bất định vì chúng ta không biết khởi thủy của nó khi nào và chung cuộc khi nào. Nó không chủ thể, nó muốn không sinh hoạt

nữa thì không sinh hoạt nữa gọi là mạng sống đã dừng.

2. Bệnh tật bất định: do vi trùng xâm nhập vào thân thể làm cho đau ốm bệnh tật và theo đạo Phật là tứ đại khi hoà, khi không hoà, khiến cho thân thể khi khoẻ, khi bệnh bất định.
3. Thời gian bất định: thời gian là sự biến dịch và vận hành thay đổi, ngày đêm sáng tối, quá khứ, hiện tại và vị lai không dừng và không định lại một chỗ.

Thời gian như ngựa ruổi. Trần thế như mây mờ. Đức Phật biết tiết kiệm tối đa dù chỉ một phút, vì chết có thể đến bất cứ lúc nào. Đối với người hiểu đạo thì thời gian là phương thuốc nhiệm mầu để cảnh tỉnh vô thường, bồi dưỡng, tầm bỏ trí tuệ và nở hoa kết trái.

4. Chết bất định: muốn chết là chết không theo ý mình cho nên bất định. Có khi chết trẻ, có khi trung niên và có khi già mới chết. Có khi do bệnh mà chết, do tai nạn và có khi không có nguyên nhân gì cả cũng ngã lăn đùng ra chết. Chúng ta sanh một nơi ta biết, trú một nơi hay nhiều nơi ta định được nhưng chết thường khó định là nơi nào? Có thể là núi rừng hoang vắng, cao nguyên lộng gió, đại lộ đông xe cộ, sông suối biển khơi, nơi chôn

nhau cắt rốn, mồ mả tổ tiên, chùa chiền tự viện... chẳng biết ngày nào.

Chết là sự gián đoạn một kiếp người, chấm dứt của một hơi thở mà hơi thở thì rất mỏng manh.

5. Nơi sanh bất định: đây là cảnh giới tái sanh bất định (chớ không phải bệnh viện chọn để sanh con), là cảnh giới hiện diện sau khi chết. Chết không phải là hết mà là một gian đoạn chuyển từ kiếp sống này sang kiếp sống khác. Con người rời bỏ thể xác này đến một cảnh giới khác.

Cứ thế mà làm nhân, làm quả quyện vào nhau khiến bánh xe quay liên tiếp không bao giờ dứt. Trong vòng luân hồi cái chết và sống làm duyên cho nhau. Chết nơi này, sanh nơi khác, chúng sanh có mặt ở một nơi thì cùng một lúc cũng có một chúng sanh vắng mặt ở một nơi. Có khi chết sanh lại chỗ cũ cũng có. Muốn biết nghiệp tái sanh của mình hãy nhìn nghiệp hiện tại của mình. Mạng sống vốn bấp bênh, thân người luôn bệnh hoạn, thời giờ không ngừng trôi chảy, ngày giờ chết lại vô chừng, chỗ tái sanh thì bất định. Hãy sống thu thúc giới hạnh và thanh tịnh.

13. SƠ ĐỒ 12 NHÂN DUYÊN

Trong 12 nhân duyên, nhân làm duyên cho quả. Quả làm nhân cho duyên, tạo thành chuỗi luân hồi vô tận mà sự sống và chết từ ngàn năm đã không ngừng tái diễn. Nếu chia theo nhân quả chuyên níu của quá khứ, hiện tại, tương lai và ‘hoặc-nghiệp-khổ’ thì vòng 12 nhân duyên được hiểu như sau:

Hai nhân quá khứ {
 -/ Vô minh: vọng hoặc che tối -> **Hoặc**
 -/ Hành: vọng dấy nên ba nghiệp hiện hành chẳng dừng -> **Nghiệp**

Năm quả hiện tại {
 -/ Thức: hạt giống nghiệp phát sanh ra thức. Thức là biết đối cảnh để phân biệt
 Nghiệp thức là nghiệp quả, một nghiệp -> **Khổ**
 -/ Danh sắc: thức tâm là danh. Năm căn là sắc
 -/ Lục nhập: sáu căn đều đủ. Tùy theo căn thì trần nhập vào căn này.
 -/ Xúc: căn nào đối trần nấy sanh xúc
 -/ Thọ: căn xúc trần thọ tốt xấu.
 -> Bốn thứ này chỉ về sắc thân và sự cảm thọ của sắc thân trong sanh tử nên thuộc -> **Khổ**

Ba nhân hiện tại {
 -/ Ái: bởi lãnh thọ sanh ái
 -/ Thủ: vì tham ái đắm nhiễm, nên theo đuổi kiếm tìm kiếm.
 -> là ái nhiễm đắm trước nên thuộc về -> **Hoặc**
 -/ Hữu: do theo dõi mong cầu nên gây ra các nghiệp hữu lậu.

Hai quả vị lai {
 -/ Sanh: Vì đã có nghiệp nhân tất phải với lấy cái thọ sanh đời sau
 -> đây là các hành của thân khẩu ý nên thuộc -> **Nghiệp**
 -/ Già bệnh chết: đã có sanh thân tức chịu cái khổ của bệnh, lão tử.
 -> đây là sự thọ quả trong sanh tử nên -> **Khổ**

12 nhân duyên tùy ý đoạn được một cái nào thì các cái kia đều tan rã.

Hễ nhân đã đoạn thì không còn hạt giống nữa.

Hễ duyên đã đoạn thì không còn cảnh phụ trợ.

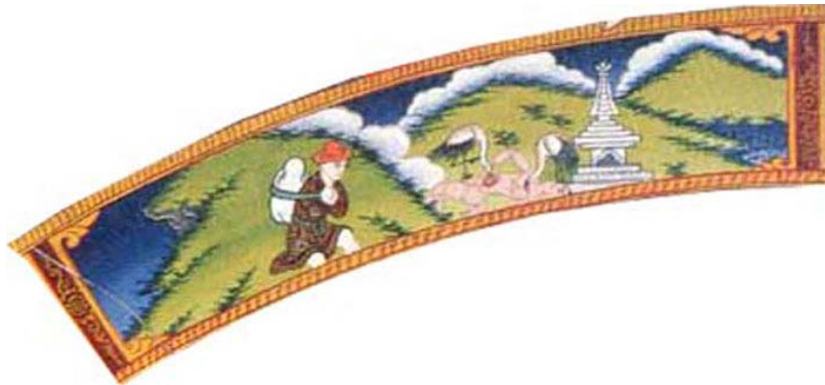
Đức Phật kết vòng 12 nhân duyên như sau:

“ Hai pháp có thể biết và phải thông suốt là danh và sắc;

Hai pháp có thể biết và phải tận trừ là vô minh và ái dục;

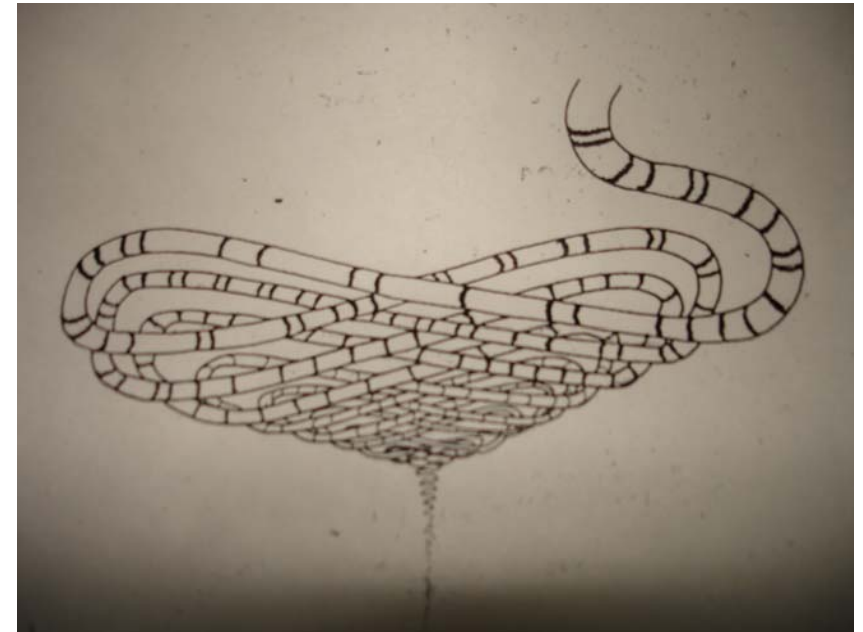
Hai pháp có thể biết và phải thực tập là giới và định;

Hai pháp có thể biết và phải chứng ngộ là giải thoát và trí tuệ”.



CHƯƠNG VI

DÒNG SANH TỬ VÔ TẬN



Tranh vẽ cái đuôi của con quỷ dài vô tận, vô thủy và vô chung, nghĩa là trong khi già bệnh vẫn ngậm vô minh để rồi lại chuyên vần đủ 12 vòng. Cứ thế xoay quanh mãi mãi, thành vòng tròn không có đầu đuôi, làm nhân làm quả lẫn nhau không cùng không tận.

Hãy quán sát dòng vận hành của tâm:

Nếu tâm làm năm nghịch, mười ác là nghiệp nhân địa ngục;

Bỏn xén, si tướng làm nạ quý;

Tham, sân, si nhẹ làm bàng sanh;

Tranh hơn thua làm A-tu-la;

Năm giới kiên trì làm nhân đạo;

Mười thiện kiêm thiện định mở cửa cõi trời;

Chán khổ sanh tử ưa vui tịch diệt là thánh Thanh Văn;

Biết 12 nhân duyên, tánh không là thánh Duyên giác;

Lục độ, tự lợi, lợi tha là chánh nhân bồ tát.

Tâm thanh tịnh bình đẳng, viên dung vô ngại là pháp giới công đức.

Thế nên trong tranh thập pháp giới vẽ chữ Tâm chính giữa.

QUỶ VÔ THƯỜNG



Toàn bánh xe luân hồi quay trong lửa vô thường. Từ địa ngục đến cõi trời đều nằm trong móng vuốt của quỷ vô thường (sanh già bệnh chết). Đức Phật dạy vẽ quỷ vô thường có ba mắt, vì chính vô thường đã đánh thức các thánh xuất thế (con mắt thứ ba là mắt thánh).

Trong khi già bệnh vẫn ngậm vô minh để rồi lại chuyển vắn đủ 12 vòng. Cứ thế xoay quanh mãi

mãi, thành vòng tròn không có đầu đuôi, làm nhân làm quả lẫn nhau không cùng không tận.

Vô thường là cái duy nhất ta nhận biết được. Cái gì đã sanh sẽ chết, đã tụ sẽ tan, đã dựng sẽ đổ, đã lên sẽ xuống. Một tổng thể biến thiên làm nền tảng cho sự vật.

Tất cả khổ cực thế gian nằm trong bốn chữ sanh tử luân hồi. Thân người rất khó được mà lại vô cùng dễ mất. Tam đồ dễ vào mà rất khó ra. Thế gian trong địa ngục phải lấy số kiếp mà tính đếm, vạn khổ nung đốt, không biết nơi đâu mà cầu cứu. Đền tội ở địa ngục xong, lại làm súc sanh để trả nợ xưa. Từ bụng heo chui ra, nhận phạt mình là heo, đem chân tánh vô lượng quang vào bào thai xú ố, nương gá bụng ngựa dạ trâu, thương tâm biết ngần nào. Bảy đời Phật đi qua vẫn còn làm thân kiến, tám vạn kiếp sau vẫn chưa thoát nghiệp bồ câu. Bỏ đây da này mang đây da khác, trải ngàn vạn năm mới được tướng người. Bao lần chịu thân cách ẩm, đâu còn trí sáng? Xúc thọ căn trần, sanh già bệnh chết làm sao tự chủ? Và vì thế luân hồi tiếp tục.

Trong Lăng Nghiêm⁴⁰ giải nghĩa luân hồi qua ba hình thức thế giới tiếp tục, chúng sanh tiếp tục và nghiệp quả tiếp tục như sau:

⁴⁰ Nt, trang 290-3.

1. Thế giới tiếp tục: Phú Lô Na bạch: Bạch Thế Tôn, nếu như hết thấy các thứ căn, trần, âm, xứ, giới... trong thế giới đều là tính thanh tịnh bản nhiên Như Lai tạng thì làm sao bỗng nhiên sinh ra các tướng hữu vi như núi sông, đất liền, thứ lớp dờn dỗi trước sau quanh lộn?

Đức Phật trả lời (về khởi nguyên thế giới): Cái giác sáng suốt, hư không không hay biết, hai cái đối đãi nhau, thành có lay động, nên có phong luân nắm giữ thế giới. Nhân hư không mà sinh có lay động, phát minh tánh cứng, nên có kim luân nắm giữ thế giới. Biết cái cứng thành có kim bảo, rõ cái lay động thì phong đại phát ra. Phong đại và kim bảo cọ xát nhau, cho nên có hoả đại làm tính biến hóa. Ngọn lửa xông lên đốt, kim bảo sinh ra tính ướt, cho nên có thủy luân trùm khắp các cõi 10 phương.

Lửa bốc lên nước sa xuống, giao nhau phát hiện, mà lập ra tánh cứng. Chỗ ướt là bể lớn kia, chỗ khô là gò nổi, do cái nghĩa ấy trong bể lớn kia, hơi nóng thường bốc lên, trong gò nổi kia, sông ngòi thường chảy xuống.

Thế nước kém thế lửa, kết thành núi cao, vậy nên đá núi, đập thì có tia lửa, nấu thì chảy ra nước. Thế đất kém thế nước, rút ra thành cây cỏ,

vậy nên rừng rú bị đốt thì thành đất, vắt ra thì có nước.

Vọng tưởng giao xen phát sanh, xoay vần làm chùng tử cho nhau, do nhân duyên ấy mà thế giới tiếp tục.

2. Chúng sanh tiếp tục: Lại nữa, Phú Lô Na vọng tưởng chẳng phải gì khác, do tánh giác minh hoá ra làm lỗi, cái sở minh hư vọng đã lập thì phạm vi cái năng minh không vượt khỏi được. Do nhân duyên ấy, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, sáu cái vọng: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp đã thành lập, do đó mà có chia ra thấy nghe hay biết.

Đồng nghiệp (của những diệu dụng thấy nghe hay biết) ràng buộc lẫn nhau mà thành những loại hợp, ly, thành và hoá.

Cái thấy phát minh thì các sắc phát ra, nhận rõ sự thấy thì thành có tư tưởng, rồi ý kiến khác nhau thì thành ra ghét, tư tưởng đồng nhau thì thành ra yêu.

Lan cái yêu ra thành hạt giống, thu nạp tưởng niệm, thành ra cái thai, giao xen phát sanh, hấp dẫn bọn đồng nghiệp, nên có nhân duyên, tùy phần sở ưng mà có thấp sanh, noãn, thấp, hoá sinh.

Noãn chỉ do tưởng niệm mà sinh, thai do nhân ái tình, thấp sinh nhân cơ cảm, hoá sinh nhân phân ly mà ứng hiện. Khi tình, khi tưởng, khi hợp, khi ly thay đổi lẫn nhau nên các loài chịu nghiệp cũng theo đó mà lên xuống. Do nhân duyên ấy chúng sanh tiếp tục.

3. Nghiệp quả tiếp tục: Phú lô Na, tư tưởng thương yêu ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời, thì những cha mẹ con cháu trong thế gian, sinh nhau không ngớt, chúng sanh này lấy dục tham làm gốc. Lòng tham, lòng yêu giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không thôi thì các loài thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hoá sinh trong thế gian nay tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau, chúng sanh này lấy sát tham làm gốc. Lấy thân người ăn con dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến 10 loài chúng sanh chết sống, sống chết, ăn nuốt lẫn nhau, nghiệp dữ cùng sinh ra tội đời vị lai, bọn này lấy đạo tham làm gốc. Người này mắc nợ thân mạng người kia, người kia trả nợ cho người này, do nhân duyên ấy trải trăm ngàn kiếp, thường ở trong đường sống chết. Người này yêu cái tâm, đức hạnh, tánh nết người kia, người kia ưa cái sắc, dễ thương, đáng yêu, xinh xắn của người này, do nhân duyên ấy trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong vòng ràng buộc.

Duy ba món sát đạo đâm làm gốc và vì nhân duyên đó nghiệp quả tiếp tục.

Ba thứ tiếp tục điên đảo này, đều do tánh sáng suốt rõ biết của giác minh, nhân rõ biết mà phát ra có tướng, theo vọng tưởng mà kiếp chấp sinh ra, các tướng hữu vi núi sông, đất liền thứ lớp đời đời, đều nhân cái hư vọng ấy mà có xoay vần trước sau.

Đức Phật dạy: Tỳ kheo không tự nấu ăn, gởi cái sống thừa tạm bợ trong ba cõi, quyết không ăn thịt chúng sanh thì tức trái từ vô thủy trong một thời trả hết, cáo từ thế gian, thoát hẳn các lậu, thì hiện chỉ đi về một phen, đi rồi không trở lại. Quyết định rời bỏ cả thân tâm, thân thịt xương máu thành sở hữu chung của chúng sanh. Đức Phật dạy phải quán sát thân này là bất tịnh và vô thường. Chúng ta (thế gian) si mê, ngã quy trong phiền não, chịu quả báo sáu đạo, gia tăng thói xấu, tạo thêm nghiệp ác, vòng luân hồi cứ thế xoay vần không cùng tận.

Chúng ta vâng lời Phật, một mặt tự giác thấy lỗi lo sám hối. Một mặt quán vô thường, vô ngã để nhỏ tận gốc vô minh. Các kiết sử phiền não theo đây mà bật rễ. Trong không chấp ngã, ngoài không chấp pháp, bảo đảm bình an.

Cuộc đời không chấm dứt với cái chết, lo rằng còn nhiều đời sau nữa. Đa số chúng ta không chuẩn bị cho cái chết cũng như đã không chuẩn bị cho cái sống.

Milarepa, một thánh nhân ở Tây Tạng đã nói: ‘Tôn giáo của tôi là làm sao để sống và chết không ân hận’. Cổ đức thường nói: ‘Sanh ký, tử quy’. Cõi cuộc đời hiện tại là một quán trọ, con người là lữ khách đến để rồi đi. Có người nào điên mà đem hết tiền của, phung phí trang hoàng căn phòng khách sạn mà mình chỉ mượn có vài ngày.

Chúng ta đã phí cả một đời để theo đuổi những hư vọng để lo cho nhà trọ trong khi mình sẽ đi. Nhịp điệu đời sống rộn ràng đến nỗi không có thời gian để nghĩ đến chân lý. Loài người trọn đời lo lắng xếp đặt hết việc này sang việc khác nào ngờ thành linh cái chết sập đến mà họ hoàn toàn không chuẩn bị. Chỉ ai thấy rõ tánh mong manh của đời sống mới biết sự sống quý biết ngần nào.

Luận Nguyên thủy và Luận Đại thừa đồng thanh nhắc chúng ta rằng ai ai cũng có ba thứ hữu dư: 1) Tập khí; 2) Báo chướng; 3) Phiền não. Từ nhiều kiếp ta đã tạo vô biên tội ác. Những tội nặng đã trả quả ở địa ngục, ngạ quỷ rồi. Tham ái nhẹ tái sanh làm loài chim cá; sân hận nhẹ tái sanh làm loài rắn, mèo, hổ, báo; ngu si nhẹ tái sanh làm loài voi, heo, ruồi, kiến. Nay còn dư báo phải trả đền:

1) Vì tập khí nên xuất gia dễ phạm sát đạo dâm vọng, nếu là Phật tử tại gia nhưng các giới giữ vẫn không được trọn vẹn.

2) Vì dư báo nên cảm điếc hoặc gặp nhiều hãm hiu, các thứ chướng nạn.

3) Dễ bị phiền não chi phối khó điều ngự được. Vì phiền não nên dễ gây thêm nhân ác tham sân si để đời đời đi lại trong tam đồ.

May mắn là kết quả của thiện nghiệp. Rủi ro là kết quả của ác nghiệp. Nếu có trí tuệ thì trường hợp nào cũng là tiên bộ. Người này giác tỉnh mỗi khi gặp tai nạn liền biết là trả nghiệp, coi đây như cái chổi để quét sạch tội xưa.

Thiền sư Viên Chiếu: Tất cả chúng sanh từ đâu tới, sau khi trăm tuổi sẽ về đâu? – Rùa mù soi vách đá, trạch què leo núi cao.

Nicolem thưa rằng: Người đã già thì sanh lại làm sao được? Có thể nào trở lại bụng mẹ và sanh lại lần thứ hai sao? Chúa Jesus đáp: ... Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với người: Các người phải sanh lại. Gió muốn thổi đi đâu thì thổi, người nghe tiếng động nhưng chẳng biết gió từ đâu đến và cũng không biết đi đâu... Quả thật, quả thật, ta nói

cùng người, ta nói điều mình biết, xác quyết điều mình đã thấy. Còn các người chẳng hề nhận lấy lời chứng của ta. Ví bằng ta nói các việc về đất (cụ thể) các người còn chẳng tin, huống hồ ta nói các việc thuộc về trời (trừu tượng) thì các người tin sao được...” (Jean)

Đức Phật khi thành đạo xem loài người như một ao sen: một số còn nằm trong bùn, một số vượt khỏi bùn nhưng còn nằm trong lòng nước, một số vươn lên mặt nước, một số vượt mặt nước đứng trong hư không, nở hoa tỏa hương. Chúng ta xem xét mình thuộc loại nào? Nếu còn ở dưới nước thì coi chừng, chẳng thoát được lũ cá rùa rúc rĩa, còn ở trong vòng luân hồi dù ở cõi trời, người vẫn không thể là chỗ bình an được. Trí tuệ xuất thế chúng ta cần có thiện tri thức đồng tâm, đồng lực, đồng nguyện, đồng hành như những giọt nước giúp đỡ sức mạnh cho nhau. Phải ở trong dòng mới xuôi về biển rộng.

Vô minh là hoặc đạo, nghiệp là tập đạo. Do mê hoặc mà gây ra hành nghiệp nên nói vô minh duyên hành. Đức Phật dạy khoen ‘hành’ vẽ ông thợ đồ gốm đang nặn chiếc bình. Bình là kết quả theo ý muốn của ông thợ, theo hai bàn tay khéo léo hay vụng về của ông mà ra. Nghiệp cũng vậy, thường xuyên thay đổi theo tâm biến hoá hoặc tùy theo dòng vận hành của tâm. Một ác nhân ngày

hôm nay có thể trở thành một thánh nhân ngày mai. Một người tốt có thể vì một lý do nào đó trở thành tội nhân.

Dòng nghiệp lực còn được cung cấp bằng những khối nước bùn lầy tham sân si, còn tiếp tục chảy. Tái sinh là kết quả tất nhiên của nghiệp lực. Ví như ánh sáng đèn điện, bóng đèn vỡ, ánh sáng tắt, nhưng vì điện lực không mất nên ánh sáng sẽ trở lại với một bóng đèn khác hoặc vuông, tròn, neon, ống tiếp, đèn ngủ với nhiều màu sắc. Thân ta dù tan rã, nghiệp lực còn tồn tại, hẳn còn tái sanh. Vậy luân hồi chỉ ngừng khi chúng ta không còn tạo nghiệp. Tóm lại, **quả khổ chuyên theo nghiệp, nghiệp chuyên theo tâm. Chỉ cần soi sáng cái tâm là hết khổ.** Vì thế ánh sáng giác ngộ của Tam bảo là cứu tinh của muôn loài. Tam bảo thường trụ thế gian là nhờ tăng ni kế tiếp truyền đăng, chúng sanh nương tam bảo thoát khổ, tiến lên quả vị thánh hiền, cho đến ngày thành Phật.

Biết thân như đồ gốm
 Hộ tâm như thành trì
 Dẹp ma với gươm trí
 Hãy giữ gìn chiến thắng
 Vượt ngoài mọi nhiễm ô.⁴¹

⁴¹ Dhammapala, (versse) kệ số 40.

Muốn vào tri kiến Phật, trước hết phải xa lìa tri kiến chúng sanh. Cần phải bỏ tay ấn mắt để thấy mặt trăng thật. Việc đầu tiên là phát tâm bồ đề, chớ tham luyến trần duyên. Trăng đáy nước là một bóng ảnh giả, chỉ có tướng sáng mà không có lực dụng chiếu soi phá tối. Vọng tâm do nhân duyên sanh. Nhân là nghiệp. Duyên là sáu trần. Như người có nghiệp tham, thấy tiền liền khởi tâm ăn cắp. Người ngu si sống với vọng tâm, không giác tỉnh (sáu căn huyễn hoá, sáu trần ảo ảnh, sáu thức mê lầm), khởi tưởng chấp ta, chấp cảnh, rộng rãi sát đạo dâm vọng, khổ báo chướng nạn chẳng thể trở về chân tâm bản tánh, pháp thân thường trụ.

Quán bất tịnh để tiêu ba độc tham sân si, quán vô thường để giải thoát ngã mạn tự ái, quán hơi thở để điều hoà cả thân và tâm.

Ngửa lên nhìn mặt trăng thật, nghĩa là vận sức trí tuệ quay về sống với bản giác, khi ấy sẽ thấy năm ám hu vọng vốn là Như Lai tạng. Trong đêm dài sanh tử, muôn loài chìm đắm. Muốn trở về nhà phải nương mặt trăng thứ hai tức là thức tỉnh nguyên minh, làm nhân địa tu hành để vong trần hợp giác. Có lần đứng bên Đức Phật, Xá Lợi Phất than rằng: ‘Thương thay! những kẻ mò trăng đáy nước đến nỗi chết chìm’. Phật đáp; ‘Đúng thế, nhưng thật đáng thương hơn nữa là những kẻ chấp rằng vũ trụ không trăng’.

Chúng ta không quên vô số sinh linh đang quần quai trong vòng ‘Hoặc Nghiệp Khổ’, chúng ta nguyện cố gắng và cố gắng hơn nữa, nương ánh sáng trí tuệ và gương mẫu từ bi của chư Phật, bỏ tất tìm về ánh trắng chân thật để trên đèn bốn ân, dưới cứu khổ muôn loài.

Kinh Pháp Cú tả sự tự tại của bậc giải thoát:

“Tài sản không tích chứa,
Ăn uống biết suy tư,
Tự tại trong cảnh giới,
Không vô tướng giải thoát,
Như chim bay hư không,
Hướng đi thật khó tìm.”⁴²

Kinh Lăng Nghiêm trong mục ‘Chỉ Hai Thứ Cõi Gốc Để Phân Biệt Mê và Ngộ’⁴³, Đức Phật bảo A-nan: Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay điên đảo nhiều cách, giống nghiệp tự nhiên nhóm lại như chùm quả ác xoa.

Những người tu hành không thành được đạo Vô thượng bồ đề đến nỗi thành Thanh văn, Duyên giác hay thành ngoại đạo, chư thiên, ma vương hay bà con quyến thuộc của ma đều do không biết hai chữ cõi gốc, tu tập sai lầm như nấu cát mà muốn thành

⁴² Nt, câu kệ số 92.

⁴³ Nt, trang 66-7.

com, dầu trải qua nhiều kiếp như vi trần, rốt cuộc vẫn không thể nào thành được.

Thế nào là hai thứ cõi gốc:

1) Cõi gốc sống chết vô thủy: tức như ông ngày nay cùng các chúng sanh dùng tâm phan duyên mà làm tự tánh;

2) Thế bản lai thanh tịnh bồ đề niết bàn vô thủy thì như hiện nay cái tính bản minh thức tinh của ông sinh ra các duyên mà bị bỏ rơi.

Do chúng sanh bỏ rơi cái bản minh ấy nên tuy cả ngày sống trong tính bản minh mà không tự giác, oan uổng vào trong lục đạo.

Ông không nghe Như Lai nói: các pháp phát sinh là duy tâm biến hiện. Tất cả nhân quả, thế giới, vi trần đều nhân cái tâm thành có thể tính.

A-nan, như trong thế giới hết thấy sự vật hiện có, cả đến ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, thắt nút, gạn xét cõi gốc, đều có thể tính, dầu cho đến hư không cũng có tên, có tướng, hướng chi cái tâm sáng suốt thanh tịnh nhiệm màu làm cho hết thấy sự vật có thể tính mà lại tự mình không có thể tính.

Chúng sanh lấy động làm thân, lấy động làm cảnh, niệm niệm sanh diệt, quên bỏ chân tâm, điên đảo tạo nghiệp, oan uổng luân chuyển, thật là đáng thương, nhưng dù đọa lạc ba đường hay thành thánh quả, tánh thấy tánh nghe vẫn không biến đổi. Kinh Lăng Nghiêm dạy đó là Như Lai mật nhân, đích chỉ thức tinh nguyên minh là căn bản bồ đề.

Nhà thiền gọi là:

Có thì muôn sự có,
Không thì muôn sự không,
Có không trăng đáy nước,
Đừng mắc có cùng không.
(Thiền sư Đạo Hạnh)

Muôn pháp về không không chỗ nương,
Chân như lặng lẽ hiện tỏ tường,
Thấu tốt nguồn tâm không chỗ chỉ,
Nước tâm bóng nguyệt bật nghĩ lường.
(Thiền sư Tịnh Giới)

Bạc trí sát na, sát na gột trừ cấu uế như anh thợ vàng cần mẫn lọc trừ bụi đất ra khỏi chất vàng ròng. Phải thiết tha đổi thân sanh già bệnh chết này thành giới thân tuệ mạng thì chúng ta không làm tử thi bản mặt đất mà được khen là lành thay sự sống có phẩm chất người.

Quán sát trong thân những thứ kiên ngưng thuộc về đất, lưu nhuận là nước, nhiệt lực là lửa, tác động thuộc gió, không gian thuộc hư không, phân biệt thuộc tâm thức. Quán sát tính cách tương quan, tương duyên giữa ta và vạn vật. Mặt trời nằm ngoài cơ thể, nhưng nếu không có mặt trời thì thân này đâu có sống được.

Can đảm nhìn vào sự thật sẽ hết bi quan mà biết quý đời sống, làm thế nào để khỏi phí uổng kiếp người khó được, hoà vui với tất cả xung quanh như niềm vui của Trịnh Công Sơn qua bài hát ‘Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui’:

*“Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui.
Chọn những bông hoa và nụ cười.
Tôi nhạt gió trời, mời em giữ lấy,
Để mắt em cười tựa lá bay
Và như thế, tôi sống vui từng ngày
Và như thế, tôi đến trong cuộc đời
Và như thế, tôi đã yêu cuộc đời này bằng trái tim
tôi.”*

Chúng ta thuộc căn cơ hạ liệt, nội phần chúng sanh quá nặng nề. Ngoại phận thánh hiền gần như chỉ được học trên kinh điển, chính bản thân không có chút giác tỉnh.

Vô số các gương sáng của các bậc thánh hiền đáng để cho chúng ta suy gẫm và soi rọi lại cuộc đời mình. Chính những niềm vui, những giây phút để suy tư về đời sống và các lời nói bất hủ của các danh nhân là bước đầu để chuyển hoá nội tâm ta, để ta thắt lứt hoàn toàn một phần tập khí xấu xa còn âm thầm đọng lại. Và sự chuyển hoá nội tâm là nền tảng vững chắc cho sự chuyển nghiệp kế tiếp, là khởi điểm của công cuộc chuyển hoá nội tâm.

Tổ Lâm Tế xưng rằng:

“Tùy duyên tiêu cự nghiệp,
Nhậm vận trước xiêm y”.

Tạm dịch:

“Tùy duyên tiêu nghiệp cũ,
Hồn nhiên mặc áo xiêm.”

Taici, nhà thơ Nhật bản nói:

“Giữa mùa thu tàn,
Vươn lên từ rác,
Một cảnh triêu nhan.”

Hay Bashô:

“Ta nhìn sâu xa,
Bên hàng đậu nở,
Cảnh Nazuna.

Ta nhìn sâu xa,
Dưa nằm trong cỏ,
Hé mấy nụ hoa.”

Phải nghiên cứu kỹ lưỡng ba vòng Hoặc-Nghiệp-Khổ, tin chắc lý nhân quả, thấy được nụ hoa Phật tánh bản hữu của mình mới hy vọng có thể hoàn thành chí nguyện giải thoát cho mình và người.

Kính chúc tất cả quý Phật tử thành công trong sự nghiệp giải thoát ngay tại thế gian này.

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát ma ha tát.

SÁCH THAM KHẢO

- 1/ Dhammapala, tr. Ven. Narada Maha Thera, Maha Bodhi in Sarnath, 2000.
- 2/ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Tâm Minh dịch, Nhà Xuất Bản TP HCM, 1999.
- 3/ Kinh Nhân Duyên, Tỳ Kheo Ni An Vui, chùa Hương Sen, Đại Ninh, 2004.
- 4/ Kinh Tương Ưng trong www.buddhismtoday.com





Sư Cô Thích Nữ Giới Hương (*Phạm Thị Ngọc Dung*) sinh năm 1963 tại Bình Tuy và xuất gia năm 15 tuổi. Sư cô đã tu học tại Ấn độ 10 năm và năm 2003, tốt nghiệp Tiến sĩ Phật học tại Trường Đại Học Delhi, Ấn độ.

Sư cô thích làm thơ, viết văn và trầm tư về pháp. Sư cô cũng là tác giả của sách:

- *Bodhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions*, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 1st print 2004 & 2nd reprint 2005.

- *Bồ-tát và Tánh-không trong Kinh điển Pali và Đại thừa*, Delhi-7: Tủ sách Bảo Anh Lạc, 2005.
- *Ban Mai Xứ Ấn* (3 tập), Delhi-7: Tủ sách Bảo Anh Lạc, 2005; và tái bản lần hai năm 2006.
- *Vườn Nai - Chiếc Nôi Phật giáo*, Delhi-7: Tủ sách Bảo Anh Lạc, 2005.
- *Xá Lợi của Đức Phật*, Tham Weng Yew, Thích Nữ Giới Hương chuyển ngữ, Delhi-7: Tủ sách Bảo Anh Lạc, 2005; và tái bản lần hai, ba năm 2006, 2007.
- *Quy Y Tam Bảo và Năm Giới*, Tủ Sách Bảo Anh Lạc, Wisconsin, USA, 2008.